

Số: 01/NQ-PLC-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày

19/04/2021



PETROLIMEX

## NGHỊ QUYẾT

Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2021  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;
- Căn cứ nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ngày 19/04/2021;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ngày 19/04/2021,

## QUYẾT NGHỊ :

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) nhất trí thông qua :

1. Báo cáo của Ban Kiểm soát PLC năm 2020 (chi tiết đính kèm);
2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của PLC (Chi tiết đính kèm);
3. Báo cáo của HĐQT PLC năm 2020 (chi tiết đính kèm);
4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và KSV PLC năm 2020 :
  - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của HĐQT là : 2.352.475.938 đồng
  - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của BKS là : 1.238.234.588 đồng
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thực hiện 2020	189.948.277.630
2	Thuế TNDN	42.106.519.420
	<i>Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh</i>	4.116.863.894
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	146.284.798.555

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
4	Chia cổ tức	121.196.349.000
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.216.349.000
6	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	863.402.031
7	Quỹ đầu tư phát triển	9.008.056.126

6. Kế hoạch SXKD năm 2021 của PLC (chi tiết đính kèm) với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2021	KH 2021/TH 2020
1	Sản lượng	Tấn; m3	420.433	377.296	89,74%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.608.435	6.002.055	107,02%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	189.948	190.000	100,03%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	147.842	152.000	102,81%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11,12%	11,56%	103,95%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18,30%	18,81%	102,81%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Chia cổ tức 15% bằng tiền	Tối thiểu 12%	

7. Phương án trả lương và thù lao cho các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2021 :

- Tổng QTL và thù lao kế hoạch của HĐQT năm 2021 là: 2.130 tỷ đồng.
- Tổng QTL và thù lao kế hoạch của BKS năm 2021 là: 1.090 tỷ đồng.

8. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính PLC năm 2021: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị dưới đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty, đó là :

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (chi tiết đính kèm);

10. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (chi tiết đính kèm);

11. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (chi tiết đính kèm);

12. Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (chi tiết đính kèm);

**13. Bầu cử bổ sung Thành viên Ban kiểm soát PLC:**

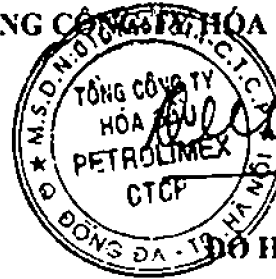
- Chấp thuận đơn từ nhiệm của ông Tổng Văn Hải - Thành viên Ban kiểm soát PLC kể từ ngày 19/04/2021.
- Bà Đinh Thị Kiều Trang trúng cử bổ sung Ban kiểm soát PLC nhiệm kỳ 2019-2024 kể từ ngày 19/04/2021.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 19/04/2021.

**CHỦ TỌA**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
**TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

**Nơi nhận :**

- UBCKNN (thay b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (công bố TT);
- TT Lưu ký CKVN (công bố TT);
- Công bố thông tin trên Website PLC;
- HĐQT TĐXDVN (thay b/c);
- Các TV, HĐQT PLC (để chỉ đạo T/h);
- Các KSV PLC (để kiểm soát);
- Ban TGD PLC (để tổ chức T/h);
- HĐTV Cty ND (để tổ chức T/h);
- HĐTV Cty HC (để tổ chức T/h);
- Lưu VT, HĐQT PLC.



**ĐỖ HỮU TẠO**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Thời gian dự kiến	Nội dung
	<b>I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông</b>
8h00	- Đón tiếp các Cổ đông và Đại diện cổ đông - Đón tiếp các Đại biểu mời
	- Tiếp nhận, kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ, phát phiếu biểu quyết
8h30	- Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu - Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông - Chủ tọa giới thiệu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết để ĐHĐCĐ thông qua - Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ - Thông qua Thê lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ - Chấp thuận đơn từ nhiệm của ông Tổng Văn Hải - Kiểm soát viên PLC - Thông qua Thê lệ bầu cử tại ĐHĐCĐ và danh sách đề cử, ứng cử Kiểm soát viên PLC
	<b>II Bầu Kiểm soát viên</b>
8h40	<b>III. Các nội dung Đại hội đồng cổ đông thảo luận, biểu quyết thông qua</b>
	1. Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty PLC năm 2020
	2. Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tổng công ty PLC năm 2020 đã được kiểm toán
	3. Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2020
	4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV, HĐQT, các KSV năm 2020
	5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2020
	6. Tờ trình Kế hoạch kinh doanh năm 2021
	7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các KSV năm 2021
	8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021
	9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty PLC
	10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty PLC
	11. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC
	12. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty PLC
	13. Các nội dung khác.
11h10	<b>IV. Phát biểu của Đại biểu mời</b>
11h25	<b>V. Công bố kết quả bầu kiểm soát viên PLC</b>
	<b>VI. Thủ tục kết thúc Đại hội đồng cổ đông</b>
11h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
11h35	- Bế mạc Đại hội.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



  
 CHỦ TỊCH  
 Đỗ Hữu Tạo



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
CÁC NỘI DUNG CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết theo các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP được tiến hành theo thẻ lệ sau đây:

**I- HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:**

1. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty PLC (ĐHĐCĐ) bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết** với hình thức biểu quyết sau:

- Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.
- Biểu quyết từ xa.

2. Phiếu biểu quyết là phiếu của Ban tổ chức, có mã vạch do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP phát cho Cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội hoặc gửi cho Cổ đông đăng ký biểu quyết từ xa. Trong Phiếu có các thông tin:

- Họ tên, mã số cổ đông, số điểm của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- Các nội dung cần biểu quyết.

3. Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ:

Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành.
- Lần thứ hai : Biểu quyết không tán thành.
- Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến

Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần ("**Tán thành**" hoặc "**Không tán thành**" hoặc "**Không có ý kiến**") đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông không đăng ký biểu quyết từ xa, khi xác nhận tư cách cổ đông sẽ được phát Phiếu biểu quyết để biểu quyết các nội dung của Đại hội.

4. Biểu quyết từ xa:

- Đăng ký biểu quyết từ xa: Cổ đông đăng ký biểu quyết từ xa trong khoảng thời gian từ ngày 05/04/2021 đến trước 17h00 ngày 15/04/2021 bằng cách gửi nội dung "Họ tên", "số CMTND/CCCD/Hộ chiếu", "ngày cấp" và ảnh chụp CMTND/CCCD (hai mặt)/Hộ chiếu (trang có ảnh) hoặc giấy phép đăng ký doanh nghiệp của quý cổ đông đến:

+ địa chỉ email [thaoanh\\_plc@petrolimex.com](mailto:thaoanh_plc@petrolimex.com) hoặc

+ nhắn tin zalo tới số 0983846618

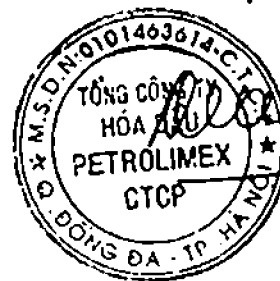
+ hoặc gọi điện thoại đến 0983846618 để được hướng dẫn trực tiếp.

- Sau khi xác thực danh tính cổ đông, Tổng công ty cấp cho Cổ đông phiếu biểu quyết từ xa qua email hoặc zalo mà cổ đông đã gửi đăng ký.
  - Khi nhận được Phiếu biểu quyết, cổ đông in bản cứng Phiếu biểu quyết từ xa để thực hiện việc biểu quyết. Đối với mỗi nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ, mỗi Cổ đông chỉ chọn 1 trong 3 trạng thái biểu quyết ("*Tán thành*" hoặc "*Không tán thành*" hoặc "*Không có ý kiến*").
  - Quý cổ đông ký tên và gửi ảnh chụp Phiếu biểu quyết từ địa chỉ email/số điện thoại đã đăng ký với Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về địa chỉ email [thaonh.plc@petrolimex.com.vn](mailto:thaonh.plc@petrolimex.com.vn) hoặc Zalo: 0983846618 trước 13h00 ngày 16/04/2021. Thông tin biểu quyết sẽ được bảo mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - Tại thời điểm bắt đầu đăng ký, kiểm tra tư cách tham dự ĐHĐCĐ, Ban tổ chức sẽ mở thư đăng ký biểu quyết từ xa của cổ đông để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách cổ đông. Đối với các cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ, phiếu biểu quyết sẽ được in, bỏ vào thùng phiếu và tổng hợp cùng với các phiếu biểu quyết được phát tại ĐHĐCĐ.
5. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính điểm:
- Một (01) cổ phần khi tham gia biểu quyết được tính bằng 01 điểm.
  - Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức Đại hội là 807.988.390.000 đồng, được chia thành 80.798.839 cổ phần phổ thông, trong đó trừ 1.273 cổ phần là cổ phiếu quỹ của PLC, còn lại 80.797.566 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 80.797.566 điểm. Số điểm của một Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tương ứng với số cổ phần đang sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện khi dự họp và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc đăng ký và biểu quyết từ xa.

## II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

Theo quy định tại điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

*Đỗ Hữu Tạo*



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Năm 2020 qua đi, đã để lại nhiều sự kiện và những dấu ấn đặc biệt, tác động rất lớn tới hoạt động SXKD của toàn Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex. Ngoài những điều kiện khách quan năm 2020 không thuận lợi như dịch bệnh, giãn cách xã hội, ngừng trệ sản xuất, các yếu tố thiên tai, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới, còn là sự phát triển vũ bão của công nghệ và trí tuệ nhân tạo... đã tác động rất nhanh, rất mạnh và trên diện rộng tới mọi mặt của nền kinh tế trong nước cũng như môi trường kinh doanh. Riêng với Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, năm 2020, Tổng công ty đảm nhận kinh doanh ngành hàng quan trọng xoay quanh trục chính Xăng dầu trong hệ thống Petrolimex, còn là năm bản lề của nhiệm kỳ HĐQT 2020-2025. Trong điều kiện chuyển giao thế hệ lãnh đạo quản lý cấp cao; tập thể cán bộ người lao động toàn tổng công ty đã đồng lòng, đoàn kết, thận trọng lựa chọn mục tiêu phù hợp, tận dụng triệt để thời cơ từ các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước, để có một năm thành công về kết quả SXKD, hoàn thành tốt kế hoạch được ĐHCĐ thường niên 2020 và HĐQT Tập đoàn giao cho.

Tổng sản lượng đạt 420.433 tấn (bằng 108,70% cùng kỳ, vượt 21,56% kế hoạch); Doanh thu đạt 5.608,4 tỷ đồng (bằng 91,05% cùng kỳ, vượt 11,8% kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế đạt 189,95 tỷ đồng (bằng 102,47% cùng kỳ, vượt 37,64% kế hoạch); Nộp Ngân sách Nhà nước: 616.425 triệu đồng; Lao động: 731 người; Tiền lương bình quân của CB-NLĐ năm 2020 là 17.455.642 đồng/người/tháng, tăng 27 % so với năm 2019.

- Ngành hàng Dầu mỡ nhờn: Sản lượng đạt 27.781 Tấn/m<sup>3</sup> (bằng 93,31% so với cùng kỳ và vượt 16,51% kế hoạch); Doanh thu đạt 1.389,7 tỷ đồng (bằng 94,13% cùng kỳ, vượt 15,52 % kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế đạt 157,03 tỷ đồng (bằng 85,42% so với cùng kỳ, vượt 25,09% kế hoạch);

- Ngành hàng Nhựa đường năm bắt tốt được các chính sách vĩ mô của nhà nước, năm 2020 đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với 4 năm trước. Sản lượng đạt 260.128 Tấn/m<sup>3</sup> (bằng 132,85% so với cùng kỳ và vượt 32,72% kế hoạch); Doanh thu đạt 2.525 tỷ đồng (bằng 112% cùng kỳ, vượt 24,16 % kế hoạch); Lợi nhuận trước thuế đạt 32,25 tỷ đồng (bằng 580% cùng kỳ, vượt 114,83% kế hoạch). Cùng với sự phát triển của ngành hàng nhựa đường và hệ thống xây dựng hạ tầng giao thông trong năm 2020, công ty liên kết VP, kinh doanh trong lĩnh vực vận tải nhựa đường cũng có một năm kinh doanh hiệu quả.

- Năm 2020, ngành hàng Hóa chất vẫn gặp rất nhiều khó khăn, do sản xuất trong nước đình trệ, đầu ra hạn chế, nên không hoàn thành được mục tiêu kế hoạch 2020 đã đề ra.



Mặc dù kết quả kinh doanh đạt được không cao so với những năm trước, nhưng đây là một sự cố gắng vô cùng to lớn của HĐQT và Ban điều hành trong điều kiện đặc thù của năm 2020. Điều này được thể hiện qua vị trí và hiệu quả hàng đầu trong các ngành hàng mà P.I.C tham gia kinh doanh trên thị trường và đưa giá trị cổ phiếu của P.I.C lên một vị thế mới vào cuối năm.

*Kính thưa quý vị cổ đông và nhà đầu tư,*

DHĐCĐ thường niên 2020 đã bầu mới 2 thành viên HĐQT, HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động hiệu quả theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ. Cụ thể như sau:

1- Ông Đỗ Hữu Tạo - Chủ tịch HĐQT chuyên trách: phụ trách chung, hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn, chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, công tác đầu tư, công nghệ, phát triển hình ảnh PLC.

2- Ông Lê Quang Tuấn - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc: phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng dầu mỡ nhờn; phụ trách công tác kế hoạch hóa toàn PLC, sản phẩm, định mức và hoạt động của VP thông qua nhóm đại diện vốn.

3- Ông Vũ Văn Chiến - Thành viên HĐQT: phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng nhựa đường.

4- Ông Hà Thanh Tuấn - Thành viên HĐQT: phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng hóa chất.

5- Ông Nguyễn Thanh Khương - Thành viên HĐQT: phụ trách công tác nhân sự, lương thưởng.

6- Ông Nguyễn Hà Trung - Thành viên HĐQT chuyên trách: phụ trách công tác tài chính.

7- Ông Trần Tuấn Linh - Thành viên HĐQT: phụ trách công tác quản trị rủi ro, nhà đầu tư.

Năm 2020, HĐQT đã hoạt động tích cực, tổ chức 14 cuộc họp, ban hành 19 Nghị quyết, 65 quyết định và nhiều văn bản để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thực hiện nghị quyết của của ĐHĐCĐ (Chi tiết nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2020). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 từ đó đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban quản lý, điều hành thông qua đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và thống nhất giao kế hoạch năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế; Giám sát công tác tổ chức, lao động, tiền lương; đầu tư, vay vốn ngắn hạn và dài hạn thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định...

- HĐQT đã bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Khương giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty PLC, nhiệm kỳ 5 năm, kể từ ngày 01/07/2020; bổ nhiệm Ông Lê Quang Tuấn giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty PLC, nhiệm kỳ 5 năm kể



từ ngày 01/11/2020 (thay cho Ông Nguyễn Văn Đức - Nguyên Tổng giám đốc Tổng công ty nghỉ hưu).

- Ban Điều hành đã thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu, định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

- Trong quá trình điều hành, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã tuân thủ đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty PLC cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo khác của HĐQT.

- Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, phân tích tình hình kinh tế xã hội có liên quan để xác định mục tiêu kế hoạch năm 2020, trình ĐHĐCĐ phê duyệt và chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Thực hiện các mục tiêu chiến lược của PLC trong giai đoạn 2019 - 2024 mà ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã thông qua, đó là:

- Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phân đầu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.

- Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.

- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ với cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Để vượt qua những thách thức mà 'chiến tranh' covid, bất ổn định trong thị trường dầu mỏ thế giới mang lại, đồng thời tận dụng được những cơ hội mà chính sách kích cầu của Nhà nước mang lại, đòi hỏi PLC phải có sự tập trung và chuẩn bị nguồn lực thật chu đáo, đúng tầm quy mô, để xây dựng và phân đầu hoàn thành mục tiêu SXKD 5 năm 2020 - 2025 và của năm 2021. Với mong muốn thực hiện tốt nhất những mục tiêu kế hoạch của nhiệm kỳ HĐQT mới, toàn thể CB-NLĐ PLC đều phải nỗ lực:

- Trong công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp: Giám sát chủ trương và chỉ đạo của Tập đoàn để tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp. Chủ động rà soát chức năng nhiệm vụ của các phòng/ban nghiệp vụ toàn hệ thống Công ty mẹ, công ty con đảm bảo minh bạch đầu mối chịu trách nhiệm, cơ quan tham mưu, giúp việc, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng văn hóa, con người PLC trong nền tảng văn hóa Petrolimex: Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ làm thay đổi nhanh chóng môi trường, phương thức kinh doanh, đòi hỏi cả hệ thống PLC phải là một tập thể thống nhất, gắn bó, đoàn kết và không ngừng đổi mới tư duy, thường xuyên cập nhật các kiến thức về chuyên môn, về luật pháp, về kinh tế, xã hội. Mỗi cá nhân người lãnh đạo, cán bộ quản lý PLC phải giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, đi đầu làm gương trong toàn hệ thống, phải là người có khát vọng, biết tự thay đổi, để PLC chuyển động theo hướng tích cực, năng động hơn, phải biết bảo vệ giá trị thương hiệu các ngành hàng của TCT PLC.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, đầu tư và áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh; chú trọng ứng dụng công nghệ số hóa, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, theo chủ trương Chuyển đổi số của Chính phủ, để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động.

- Thực hiện tiết giảm chi phí trên toàn hệ thống PLC một cách chủ động và triệt để. Toàn Tổng công ty phải nâng cao ý thức và tinh thần tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong tất cả các khâu, từ công tác tạo nguồn hiệu quả, quản lý hao hụt tối ưu, tiết giảm chi tiêu, rà soát đánh giá kỹ lại công tác quản lý tài sản, đất đai, tránh gây lãng phí, thất thoát.

Ngoài những giải pháp chung của toàn PLC, các ngành hàng cũng cần phát huy tinh thần tập thể, để cùng nhau tìm ra những giải pháp cụ thể phù hợp với điều kiện riêng của từng đơn vị.

Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của PLC trong năm 2021, toàn Tổng công ty PLC cần tập trung và chuẩn bị nguồn lực thật chu đáo, đúng tầm quy mô, sẵn sàng cho động lực tăng trưởng, nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng với cả 3 ngành hàng chủ chốt, cố gắng đạt kế hoạch lợi nhuận. Tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được trong năm 2020, nhưng phải đặt lên hàng đầu nguyên tắc an toàn tài chính, cũng như an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh với *"Tinh thần chung năm 2021 phải đạt kết quả cao hơn năm 2020"*, mỗi ngành hàng đều đã đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể.

- Với ngành hàng DMN, PLC tiếp tục ưu tiên phát triển hệ thống phân phối sản phẩm qua hệ thống Petrolimex thông qua việc đa dạng hóa các chính sách bán hàng, hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật, đào tạo sản phẩm, phổ biến các kinh nghiệm tổ chức kinh doanh trong hệ thống để nhân rộng mô hình kinh doanh DMN thành công ra toàn Petrolimex... Song song với hệ thống phân phối qua TĐL PLX, PLC tiếp tục tìm kiếm các đối tác bên ngoài Petrolimex ở trong và ngoài nước, đảm bảo sự hợp tác hài hòa, các bên cùng có lợi trong phát triển kinh doanh, sử dụng DMN Petrolimex. Tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển và kinh doanh các sản phẩm DMN chất lượng cao, xứng tầm thương hiệu Petrolimex. Chủ động tìm kiếm sự ủng hộ, chấp thuận hợp tác để tiến tới đầu nhóm Petrolimex đồng hành cùng thương hiệu của các hãng sản xuất động cơ, thiết bị trên thị trường.

- Với ngành hàng Nhựa Đường, tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, an toàn tài chính, công nợ trong chính sách bán hàng, đảm bảo an toàn vốn đầu tư của PLC và Tập đoàn trong ngành hàng. Đánh giá lại hệ thống hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, để quản lý hiệu quả. Nâng cao quản lý, an toàn và tiết kiệm hệ thống vận tải nội bộ của ngành hàng nhựa đường. Tiếp tục tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý chuyên ngành để tiếp

thị, đưa các sản phẩm cao cấp thương hiệu nhựa đường Petrolimex vào quy trình, công nghệ làm đường tại Việt Nam. Tận dụng tốt nhất chính sách tăng cường đầu tư công của Nhà nước trong năm 2021 về kích cầu, chặn đứng đà suy thoái của nền kinh tế để tăng cường kinh doanh và hiệu quả doanh nghiệp.

- Với ngành hàng Hóa chất, tiếp tục đổi mới và tăng cường quản trị hệ thống nội bộ, hệ thống bán hàng, khách hàng để minh bạch hóa quy trình quản lý, tìm ra những giải pháp tiết giảm chi phí tài chính, nâng cao lãi gộp đơn vị, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn của PLC và Tập đoàn trong ngành hàng. Tìm kiếm hướng đi mới trong ngành hàng Hóa chất, thay vì thuần túy kinh doanh thương mại như hiện nay.

Những kết quả mà PLC đạt được trong năm vừa qua là thành quả của sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, người lao động toàn PLC, là kết quả làm việc nghiêm túc, đoàn kết và cầu thị của HĐQT. HĐQT cũng xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác bền chặt của các khách hàng, các đối tác và đặc biệt là toàn thể CB-NLĐ đã nỗ lực góp sức tạo dựng PLC phát triển như ngày hôm nay. Mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025 nói chung và của năm 2021 là rất nặng nề, nhất là trong tình hình toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19. Trong điều kiện PLC vừa thay đổi hầu hết cán bộ cấp cao, bao gồm cả Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc, ngay từ bây giờ mỗi thành viên của PLC đều phải nỗ lực hết mình để hoàn thành được các trọng trách, đưa PLC vững bước phát triển./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH  
*Đỗ Hữu Tạo*





Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa: Các quý vị Cổ đông/Đại diện cổ đông  
Các quý vị Đại biểu

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex (Tổng công ty/PLC); Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex (Ban kiểm soát/BKS). Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2020 và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

### PHẦN I BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

#### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020 Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có một thành viên kiêm nhiệm. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các Công ty con để triển khai công việc theo quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát với một số hoạt động cụ thể:

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2020 tại văn bản số 12/PLC-KH-BKS ngày 10/01/2020.

- Xây dựng Báo cáo của Ban kiểm soát và Tờ trình chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ PLC.

- Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT PLC.

- Giám sát việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2020.

- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Tổ chức Quản lý Vận hành HDSX tại các Nhà máy/ Kho chứa của Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.
- Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn XDVN.
- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

## **2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.

## **3. Kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.**

Năm 2020, từng thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Mỗi thành viên Ban kiểm soát đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao.

## **4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 được thực hiện theo Phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 là 1.238.234.588 đồng.

## **5. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:**

Năm 2021, Ban kiểm soát tập trung thực hiện Kế hoạch công tác giám sát đã xây dựng tại văn bản số 01/PLC-KH-BKS ngày 11/01/2021 với các nội dung trọng tâm sau đây:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty;
- Giám sát việc xây dựng, giao và tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD tại Tổng công ty và các Công ty con;
- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Quản lý chi phí HĐ SXKD tại Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Chi nhánh Nhựa đường Lào.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến đóng góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban TGD để nắm bắt có ý kiến đóng góp kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát như: Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Tập đoàn XDVN; Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ; Tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật.

## PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

### 1/ Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2020:

Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty, được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG, đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

#### *Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính*

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	Tr. đồng	1.555.557	4.702.059
1	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	503.486	3.550.517
2	Tài sản dài hạn	Tr. đồng	1.052.070	1.151.542
3	Lợi thế thương mại	Tr. đồng	-	-
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	Tr. đồng	1.555.557	4.702.059
1	Nợ phải trả	Tr. đồng	318.575	3.445.571
2	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	1.236.982	1.256.488
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr. đồng	-	-
<b>III</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,58	1,04
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,45	0,74
<b>IV</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
1	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	20,48%	73,28%

ST T	Chỉ tiêu	DVT	31/12/2020	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	79,52%	26,72%
V	<b>Khả năng sinh lời</b>			
	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr. đồng	137.957	147.842
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bq)	%	17,73%	11,13%
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq)	%	12,29%	3,02%
VI	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	Đ/CP	-	1.715

**2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2020:**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
<b>1. Sản lượng tiêu thụ (m<sup>3</sup>/tấn)</b>			
a. Toàn Tổng công ty	345.855	420.433	121,56%
b. Công ty mẹ	23.845	27.781	116,51%
<b>2. Tổng doanh thu thuần (tỷ đồng)</b>			
a. Hợp nhất	5.016	5.608	111,80%
b. Công ty mẹ	1.203	1.390	115,52%
<b>3. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)</b>			
a. Hợp nhất	138	190	137,64%
b. Công ty mẹ	126	172	137,01%
<b>4. Tổng giá trị đầu tư (tỷ đồng)</b>			
a. Toàn Tổng công ty	70	66	95,50%
b. Công ty mẹ	36	32	89,59%
<b>5. Chia cổ tức</b>	Tối thiểu 80% LNST	Tạm ứng cổ tức bằng tiền 10%	-

Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất lợi như dịch bệnh, thiên tai lũ lụt, giá dầu diễn biến thất thường, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên Tổng công ty đã vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua, cụ thể:

- Tổng sản lượng tiêu thụ toàn Tổng công ty: 420.433 m<sup>3</sup>/tấn, đạt 121,56% kế hoạch năm và bằng 108,7% so với thực hiện năm 2019.

- Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 5.608 tỷ đồng, đạt 111,80% kế hoạch năm, bằng 91,05% so với thực hiện năm 2019.

- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 189,948 tỷ đồng, đạt 137,64% kế hoạch năm, bằng 102,47% so với thực hiện năm 2019.

- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 147,842 tỷ đồng, đạt 135,02% kế hoạch năm, bằng 101,84% so với thực hiện năm 2019.

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn điều lệ bq đạt 18,30%.

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/ Vốn CSII bq đạt 11,13%.

### **3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc.**

#### **3.1. Hoạt động của HĐQT:**

- Trong năm 2020, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên HĐQT tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết, 65 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty và 2 Công ty con nhằm đảm bảo theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

#### **3.2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**

- Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD trong bối cảnh vừa SXKD vừa phòng chống dịch covid, đảm bảo an toàn cho người lao động, duy trì HĐSXKD được liên tục không bị gián đoạn, Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT giao.

- Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

#### **3.3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc:**

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty:

Các văn bản tài liệu của BKS như: kế hoạch hoạt động, chương trình giám sát, biên bản họp BKS, biên bản kiểm tra giám sát, các báo cáo định kỳ của BKS đều được gửi tới HĐQT theo quy định;



Các văn bản tài liệu Ban Tổng giám đốc gửi HĐQT đều được gửi tới BKS, các văn bản tài liệu HĐQT định hướng chi đạo cũng được gửi cho BKS theo quy định.

- Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định.

### PHẦN III MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để hoạt động SXKD của Tổng công ty tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị với HĐQT, Tổng giám đốc một số nội dung sau:

- Tiếp tục rà soát đánh giá đề tái cấu trúc mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty.

- Nhiều Luật, Nghị định, Quy định mới có hiệu lực trong năm 2021, đề nghị Tổng công ty cần tiếp tục rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quy trình quản lý, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật.

- Khẩn trương triển khai dự án ERP để nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin, đồng bộ để quản trị, điều hành nâng cao hiệu quả SXKD và phòng ngừa rủi ro.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ; Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty con và công ty liên kết.

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

Trên đây là nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty./.

Xin Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- HĐQT Tập đoàn (thay b/cáo).
- HĐQT, Ban TGD PLC.
- Các Cổ đông.
- Lưu VT, BKS.



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  
*Đoàn Hồng Sảng*



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO

### VỀ VIỆC QUYẾT TOÁN QTL VÀ THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BKS TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX NĂM 2020

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2019;

- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 25/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và kết quả hoạt động SXKD năm 2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2020 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/05/2020. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2020 là: **2.352.475.938 đồng**.

2. Quỹ Tiền lương và thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/05/2020. Theo đó, Tổng QTL và thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 là: **1.238.234.588 đồng**.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY  
HÓA DẦU  
PETROLIMEX  
CTCP  
Đ. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI  
M.S.D.N.0101463614-CTCP

CHỦ TỊCH  
Đỗ Hữu Tạo



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020**  
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

**Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;

HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã xây dựng và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2021: Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2020 của Tổng công ty PLC với nội dung cơ bản sau:

*Đơn vị tính: đồng*

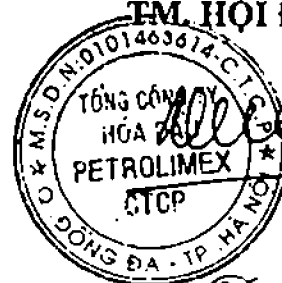
TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Lợi nhuận thực hiện 2020	189.948.277.630	
2	Thuế TNDN	42.106.519.420	
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	146.284.798.555	
4	Chia cổ tức	121.196.349.000	Chia cổ tức 15% bằng tiền (trong đó đã tạm ứng cổ tức 10% bằng tiền trong năm 2020)
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.216.991.398	
6	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	863.402.031	
7	Quỹ đầu tư phát triển	9.008.056.126	

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận thực hiện năm 2020 của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH  
*Đỗ Hữu Tạo*





Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2020 bước qua trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp với sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19. Đặc biệt, Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (Tổng công ty PLC) chịu tác động trực tiếp khi các ngành hàng kinh doanh cốt lõi bao gồm Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường và Hóa chất đều có nguồn nguyên liệu đầu vào 100% được nhập khẩu từ nước ngoài. Cùng với đó, thị trường dầu mỏ năm 2020 có nhiều biến động lớn; có thời điểm giá dầu thô âm; dẫn đến ảnh hưởng lớn đến công tác cân đối tạo nguồn và điều hành kinh doanh tại thị trường Việt Nam.

Với sự tập trung lãnh đạo, giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời của lãnh đạo Tổng công ty PLC, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ người lao động Tổng công ty PLC và không thể không kể đến sự hợp tác đến từ các đối tác, khách hàng trong đó đặc biệt là sự hỗ trợ, phối hợp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Cổ đông chi phối) cùng hệ thống các Công ty xăng dầu thành viên trực thuộc Tập đoàn đã góp phần giúp Tổng công ty PLC vượt qua một năm 2020 đầy khó khăn, thách thức và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cụ thể một số chỉ tiêu thực hiện năm 2020:

- Về sản lượng: Toàn Tổng công ty PLC đạt 420.433 tấn, bằng 121,6% kế hoạch 2020 và bằng 108,7% thực hiện 2019.

- Về doanh thu: Toàn Tổng công ty PLC đạt 5.608 tỷ đồng, bằng 111,8% kế hoạch 2020 và bằng 91,0% thực hiện 2019.

- Về lợi nhuận trước thuế: Toàn Tổng công ty PLC đạt 189 tỷ đồng, bằng 137,6% kế hoạch 2020 và bằng 102,4% thực hiện 2019.

Trong đó, các ngành hàng Dầu mỡ nhờn, Nhựa đường đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra của năm 2020, riêng ngành Hóa chất tiếp tục còn phải đối mặt với nhiều khó khăn đặc thù.

Với việc dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, nền kinh tế năm 2021 trong nước được dự báo có nhiều triển vọng phục hồi tăng trưởng trong tình hình bình thường mới, tuy nhiên đặt ra cũng không ít khó khăn và thách thức.

Với tinh thần chung năm 2021 phấn đấu đạt kết quả cao hơn năm 2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2021, cụ thể như sau:



TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2021	KH 2021/TH 2020
1	Sản lượng	Tấn; m3	420.433	377.296	89,74%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.608.435	6.002.055	107,02%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	189.948	190.000	100,03%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	147.842	152.000	102,81%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11,12%	11,56%	103,95%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18,30%	18,81%	102,81%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Chia cổ tức 15% bằng tiền	Tối thiểu 12%	

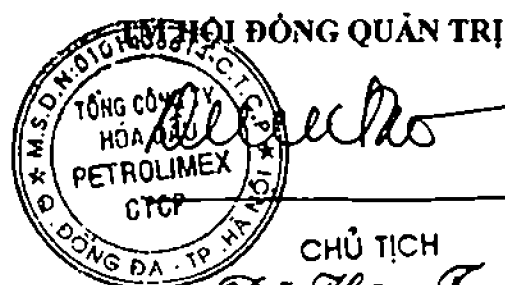
(VCSH và VDL để tính tỷ suất thực hiện năm 2020 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2021 là căn đối vốn bình quân theo năm kế hoạch 2021)

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty PLC duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

Tổng công ty PLC đã chuẩn bị sẵn sàng tâm thế và chủ động với một tinh thần quyết tâm, trách nhiệm cao nhất; đối mặt và ứng phó với những thách thức; chủ động kết hợp giữa tư duy đổi mới, sáng tạo với các biện pháp phát triển truyền thống để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược do lãnh đạo Tổng công ty PLC đặt ra.

Trong đó, năm 2021 tập trung thực hiện 06 (sáu) nhóm giải pháp lớn:

- Một là, đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp theo chủ trương và chỉ đạo của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Cổ đông chi phối)
- Hai là, đầu tư và áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh, thúc đẩy nghiên cứu sản phẩm mới.
- Ba là, nghiêm túc chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật, tăng cường công tác quản trị tài chính, quản trị công nợ và phòng ngừa rủi ro.
- Bốn là, xây dựng các tiêu chí, bổ sung, kiện toàn hệ thống định mức nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trên toàn hệ thống.
- Năm là, đẩy mạnh xây dựng nền tảng văn hóa, con người PLC trong cấu trúc tổng thể của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Cổ đông chi phối)
- Sáu là, tiếp tục phát huy cao hơn nữa những thành quả đã đạt được trong năm 2020 về hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối phải được đặt lên hàng đầu.



CHỦ TỊCH

Đỗ Hữu Tạo



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH****Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2021**

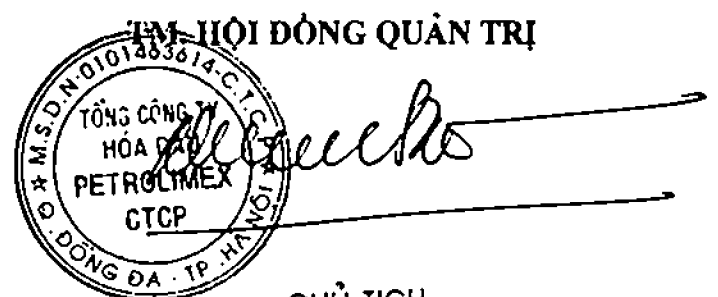
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2019;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và điều kiện thực tế của Tổng công ty PLC;

ội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2021, như sau:

1. **Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS:**
  - o Tổng QTL và thù lao kế hoạch của HĐQT năm 2021 là: **2,130 tỷ đồng.**
  - o Tổng QTL và thù lao kế hoạch của BKS năm 2021 là: **1,090 tỷ đồng.**

2. **Phương thức trả tiền lương và thù lao cho các thành viên HĐQT, các thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP năm 2021:** Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT Tổng công ty PLC sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP xem xét, thông qua.



CHỦ TỊCH

*Đỗ Hữu Tạo*



Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

*Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2021  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP ( Tổng công ty ).

Ban kiểm soát Tổng công ty (Ban kiểm soát) kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty v/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty như sau:

### 1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm kiểm toán;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty yêu cầu;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của Tổng công ty.

### 2. Đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn:

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2021 của Tổng công ty gồm các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)



- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

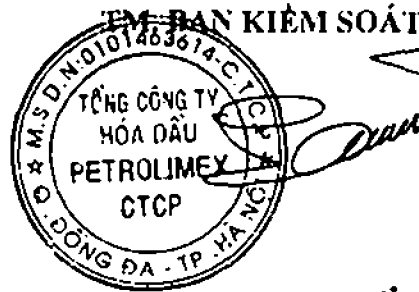
### 3. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Từ những căn cứ nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua các nội dung sau:

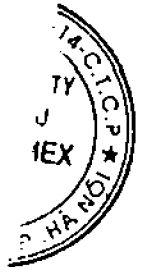
- (1) Thông qua các tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán tại Mục 1;
- (2) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán tại Mục 2;
- (3) Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2021 theo danh sách đề nghị tại Mục 2 đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Tổng công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty xem xét, quyết định!

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- HĐQT;  
- Lưu BKS.



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  
*Đoàn Hồng Sảng*







PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19/04/2021

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung  
Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

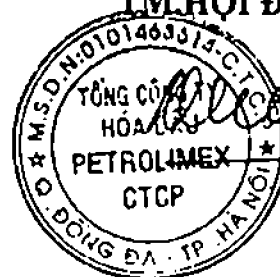
Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính (TT 116) Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP đã tổ chức rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP. Cụ thể như bảng đính kèm.

HĐQT Tổng công ty PLC kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thảo luận và thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

*Đỗ Hữu Tạo*

**ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ PLC**

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	
<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
Điều 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ	Điều 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ	
<p>1. Giải thích thuật ngữ :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại của Tổng công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</li> <li>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;</li> <li>c. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng Tổng công ty;</li> <li>d. "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;</li> <li>e. "Địa chỉ thường trú" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Tổng công ty để làm địa chỉ liên lạc.</li> <li>f. "Tổ chức lại Tổng công ty" là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</li> <li>g. "Những người liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17, điều 4 Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan của pháp luật;</li> <li>h. "Công ty mẹ" là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;</li> <li>i. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Tổng công ty"</li> </ul>	<p>1. Giải thích thuật ngữ :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại của Tổng công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</li> <li>b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</li> <li>d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</li> <li>e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>f. "Ngày thành lập" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</li> <li>g. "Người điều hành" Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.</li> <li>h. "Người quản lý" Tổng công ty bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng Tổng công ty;</li> <li>i. "Thành viên HĐQT không điều hành" là thành viên</li> </ul>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>là cổ phần hoặc vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác;</p> <p>j. "Quyền chi phối của Tổng công ty" là quyền của Tổng công ty (với tư cách là Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại công ty con, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với điều lệ hoạt động và các quyết định quan trọng khác của công ty con;</p> <p>k. " Công ty con" là doanh nghiệp do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Tổng công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;</p> <p>l. " Công ty liên kết" là các công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng công ty mẹ, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần;</p> <p>m. "Đơn vị phụ thuộc" là các Công ty/Chi nhánh/Nhà máy Hóa dầu hạch toán phụ thuộc Tổng công ty;</p> <p>n. "Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con" là tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm công ty mẹ và các công ty con.</p> <p>o. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.</p> <p>2. Các từ viết tắt trong bản Điều lệ này gồm:</p> <p>a. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam viết tắt là Việt Nam;</p> <p>b. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam viết tắt là Tập đoàn;</p> <p>c. Sở giao dịch chứng khoán viết tắt SGDCK;</p> <p>d. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là Tổng công ty hoặc PLC;</p> <p>e. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là ĐHĐCĐ;</p>	<p>HDQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;</p> <p>j. "<i>Địa chỉ thường trú</i>" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Tổng công ty để làm địa chỉ liên lạc.</p> <p>k. "<i>Tổ chức lại Tổng công ty</i>" là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</p> <p>l. "<i>Người nội bộ</i>" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m. "<i>Người có liên quan</i>" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n. "<i>Công ty mẹ</i>" là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng; tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này;</p> <p>o. "<i>Cổ đông</i>" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của PLC.</p> <p>p. "<i>Cổ đông lớn</i>" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của PLC.</p> <p>q. "<i>Cổ đông chi phối</i>" là cổ đông có quyền chi phối Tổng công ty.</p> <p>r. "<i>Quyền chi phối</i>" của một tổ chức là quyền của tổ chức đó đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đối với doanh nghiệp khác:</p> <p>+ Quyền sở hữu duy nhất;</p> <p>+ Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối của doanh nghiệp (sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ đông) của doanh nghiệp;</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>f. Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là HĐQT;</p> <p>g. Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là TGD;</p> <p>h. Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là BKS;</p> <p>i. Công ty trách nhiệm hữu hạn viết tắt là Công ty TNHH;</p> <p>j. Chi nhánh Hóa dầu viết tắt là CNHD;</p> <p>k. Cơ sở vật chất kỹ thuật viết tắt là CSVCKT;</p> <p>l. Sản xuất kinh doanh viết tắt là SXKD;</p> <p>m. Vốn điều lệ viết tắt là VĐL.</p> <p>3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác, sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>4. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>+ Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên và Giám đốc doanh nghiệp;</p> <p>+ Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định việc phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;</p> <p>+ Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>+ Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa tổ chức chi phối và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.</p> <p>s. "<i>Công ty con</i>" là các Công ty có vốn góp của Tổng công ty và do Tổng công ty nắm giữ quyền chi phối. Công ty con được tổ chức dưới các hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty cổ phần, và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật; (Danh sách các công ty con được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Điều lệ này);</p> <p>t. "<i>Công ty liên kết</i>" là các công ty mà Tổng công ty sở hữu cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối và không do Tổng công ty giữ quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với Tổng công ty theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận và hợp đồng liên kết đã ký giữa Công ty với Tổng công ty. Công ty liên kết của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ;</p> <p>u. "<i>Đơn vị trực thuộc</i>" là các Công ty/Chi nhánh/Nhà máy Hóa dầu hạch toán phụ thuộc Tổng công ty;</p> <p>v. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.</p> <p>2. Các từ viết tắt trong bản Điều lệ này gồm:</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	<p>a. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam viết tắt là Việt Nam;</p> <p>b. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam viết tắt là Tập đoàn;</p> <p>c. Sở giao dịch chứng khoán viết tắt SGDCK;</p> <p>d. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là Tổng công ty hoặc PLC;</p> <p>e. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP viết tắt là Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHDCD;</p> <p>f. Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP viết tắt là Hội đồng quản trị hoặc HĐQT;</p> <p>g. Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP viết tắt là Tổng giám đốc hoặc TGĐ;</p> <p>h. Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP viết tắt là Ban kiểm soát hoặc BKS;</p> <p>i. Công ty trách nhiệm hữu hạn viết tắt là Công ty TNHH;</p> <p>j. Chi nhánh Hóa dầu viết tắt là CNHD;</p> <p>k. Cơ sở vật chất kỹ thuật viết tắt là CSVCKT;</p> <p>l. Sản xuất kinh doanh viết tắt là SXKD;</p> <p>m. Vốn điều lệ viết tắt là VDL.</p> <p>3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác, sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>4. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	
<p><b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p><b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT</b></p>	<p><b>Điều 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN</b></p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY <b>Không thay đổi</b>	
<p>Điều 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>Tổng công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Chủ tịch HĐQT.</li> <li>b. Tổng giám đốc.</li> </ol> <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể trong Quy định phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty do HĐQT ban hành.</p>	<p>Điều 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY</p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của PLC, đại diện cho Tổng công ty với tư cách <i>người yêu cầu giải quyết việc dân sự</i>, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tổng công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;</li> <li>b) Tổng giám đốc.</li> </ol> <p>3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, của Hội đồng quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật.</li> <li>b) Tổng giám đốc đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi,</li> </ol>	<p>Điều 12, Luật DN</p>

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	<p><i>nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc điều hành theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể trong Quy định phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty do HĐQT ban hành.</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có <i>trách nhiệm sau đây:</i></p> <p>a) Thực hiện quyền và <i>nghĩa vụ</i> được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; <i>không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của PLC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về <i>doanh nghiệp</i> mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp <i>theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm <i>trách nhiệm</i> quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	
<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b>	
Điều 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY	Điều 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY <b>Không thay đổi</b>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
Điều 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	Điều 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY Không thay đổi	
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	
Điều 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP CỦA TỔNG CÔNG TY	Điều 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP CỦA TỔNG CÔNG TY Không thay đổi	
<p>Điều 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</li> <li>Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</li> <li>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</li> <li>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.</li> </ol>	<p>Điều 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</li> <li>Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.</li> <li>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</li> <li>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</li> </ol>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
Điều 8. CHUNG CHỈ CHỨNG KHOẢN KHÁC	Điều 8. CHUNG CHỈ CHỨNG KHOẢN KHÁC <b>Không thay đổi</b>	
Điều 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	Điều 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN <b>Không thay đổi</b>	
<p>Điều 10. THU HỒI CỔ PHẦN</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.</li> <li>Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</li> <li>HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</li> <li>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.</li> <li>Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (theo tỷ lệ không quá lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng bình quân năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ</li> </ol>	<p>Điều 10. THU HỒI CỔ PHẦN</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</li> <li>Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</li> <li>Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</li> <li>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</li> <li>Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	
Điều 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	Điều 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT  Không thay đổi	
<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
Điều 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty. 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ	Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;</p> <p>h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p>	<p>cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>c) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	<p>này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>4. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Tổ chức là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện;</p> <p>b) Tổ chức là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 09 người đại diện.</p>	
<p><b>Điều 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</b> Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. (là mục 3,4 của TT 116)</p>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b> Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>2. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ul> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Vi phạm pháp luật;</li> <li>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty</li> </ul>	<p>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</li> <li>d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương thức biểu quyết online theo quy định Quy chế Nội bộ của Tổng công ty.</li> </ul> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Vi phạm pháp luật;</li> <li>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.</li> </ul> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p><b>Điều 14. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;</li> <li>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</li> <li>Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật</li> </ol>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;</li> <li>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</li> <li>Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>a. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường</p> <p>a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba</p>	<p>tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao</p>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>mười (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p> <p>a) Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập đại hội theo hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức đại hội trực tiếp. Trường hợp tổ chức đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội do Hội đồng quản trị thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến. Tổng công ty áp dụng tối đa các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện cho cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến một cách thuận tiện nhất.</p> <p>b) Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.</p> <p>c) Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.</li> <li>- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.</li> <li>- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.</li> <li>- Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.</li> </ul>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	d. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể và hướng dẫn cần thiết cho các cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.	
<p><b>Điều 15. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</li> <li>b. Báo cáo của HĐQT;</li> <li>c. Báo cáo của BKS;</li> <li>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.</li> </ol>	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;</li> <li>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</li> <li>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</li> <li>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</li> <li>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</li> <li>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</li> <li>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;</li> <li>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;</li> <li>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</li> <li>l) <b>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</b></li> <li>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</li> <li>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ;</li> <li>c. Số lượng thành viên HĐQT;</li> <li>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</li> <li>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;</li> <li>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;</li> <li>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</li> <li>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</li> <li>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;</li> <li>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;</li> <li>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông;</li> <li>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</li> </ul>	<p>viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;</li> <li>b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</li> <li>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</li> <li>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</li> <li>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</li> <li>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</li> <li>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</li> <li>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</li> <li>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</li> <li>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng</li> </ul>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>Điều 16. ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu</p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	<p>144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>		
<p><b>Điều 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</li> <li>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</li> <li>Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ</li> </ol>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</li> <li>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên,</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
<p><b>Điều 18. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;</li> <li>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</li> <li>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</li> <li>d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</li> <li>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</li> </ul>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</li> <li>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</li> </ul>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội;</p> <p>3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;</li> <li>Phiếu biểu quyết;</li> <li>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</li> <li>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</li> </ol> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày</p>	<p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>Phiếu biểu quyết;</li> </ol>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</li> <li>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</li> <li>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;</li> <li>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ol>	<p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</li> <li>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</li> <li>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ol> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p><b>Điều 19. CÁC ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</li> <li>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</li> <li>Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.</li> </ol>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</li> <li>Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</li> <li>Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</li> </ol>	
<p><b>Điều 20. THỂ THỨC TIỀN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</li> <li>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và</li> </ol>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu</li> </ol> </li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>5.Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6.Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>7.Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8.Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9.Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;</li> <li>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</li> <li>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</li> </ol> <p>10.Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong</li> </ol>	<p>bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</li> <li>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</li> <li>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</li> </ol> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</li> <li>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</li> </ol> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến,</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	<p>Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
<p><b>Điều 21. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo tài chính năm;</li> <li>Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;</li> <li>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm TGD.</li> </ol> <p>2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số</p>	<p><b>Điều 21. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp được thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;</li> <li>Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản của Tổng công ty hoặc các Chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</li> <li>Tổ chức lại, giải thể Công ty;</li> <li>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ</li> </ol> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.</p>	
<p><b>Điều 22. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</li> <li>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</li> <li>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy</li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</li> <li>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</li> <li>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b) Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu</li> </ol> </li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</li> <li>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</li> <li>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</li> <li>e. Các vấn đề đã được thông qua;</li> <li>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</li> </ul> <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</li> <li>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</li> <li>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</li> <li>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</li> </ul> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>Điều 23. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</li> <li>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> <li>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</li> </ol>	<p><b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> <li>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p>	<p>thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.</p>	
<p><b>Điều 24. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên,</p>	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</li> </ol>	<p>hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</li> </ol>	
<b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<p><b>Điều 25. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ học vấn;</li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> </ol> </li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có);</p> <p>g) Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</i></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p><b>Điều 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT là 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.</p>	<p>Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 7 người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của HĐQT, không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn của Tổng công ty;</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;</li> <li>b. Có đơn từ chức;</li> <li>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</li> <li>d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;</li> <li>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;</li> <li>g. Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thôi cử là đại diện cho pháp nhân đó.</li> <li>h. Thành viên HĐQT do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào HĐQT sẽ không còn tư cách Thành viên HĐQT, khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia HĐQT đối với Thành viên đó.</li> <li>i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ul> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin</p>	<p>đ) Do cổ đông chi phối đề nghị bằng văn bản miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia HĐQT đối với Thành viên HĐQT do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào HĐQT.</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</li> <li>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ul> <p>6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.</p> <p>7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</li> <li>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</li> </ul> <p>8. Trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty có trách nhiệm thông</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.</p>	<p><i>tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i></p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.</p>	
<p><b>Điều 27. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;</li> <li>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;</li> <li>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc HĐQT ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc miễn nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm (nếu có);</li> <li>d. Giám sát, chỉ đạo TGD và người điều hành khác;</li> <li>e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan</li> </ol>	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;</li> <li>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</li> <li>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</li> <li>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;</li> <li>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</li> <li>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</li> <li>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, sản phẩm và công nghệ;</li> <li>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên</li> </ol>	<p><i>Theo TT116</i></p>



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng công ty lên ĐHĐCĐ;</p> <p>o. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm TGD;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Tổng Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và</p>	<p>được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với TGD và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty bị</p>	<p>phá sản Tổng Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;</p> <p>r) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Tổng Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất,</p>	<p><i>Khoản q trong Quy chế hoạt động của HĐQT cụ thể hóa hơn bằng việc phê duyệt hoặc thông qua tất cả các Quy chế, định mức kinh tế kỹ thuật tại PLC và các công ty con.</i></p>

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty</p>	<p>quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
<p><b>Điều 28. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng Công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng</p>	<p><b>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>năm của Tổng Công ty.</p> <p>3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.</p>	<p>Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty</p>	
<p><b>Điều 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;</p> <p>e. Triệu tập và Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;</p> <p>f. Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác theo quy chế hoạt động của HĐQT;</p> <p>g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác theo quy chế hoạt động của HĐQT;</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
<p><b>Điều 30. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.</li> <li>2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</li> <li>3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. BKS;</li> <li>b. TGD hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</li> <li>c. Thành viên độc lập HĐQT;</li> <li>d. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;</li> <li>e. Các trường hợp khác (nếu có).</li> </ol> </li> <li>4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề</li> </ol>	<p><b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</li> <li>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</li> <li>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</li> <li>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</li> <li>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>d) Trường hợp khác (nếu có).</li> </ol> </li> <li>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</li> <li>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>ngộ thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp HĐQT.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.</p> <p>7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa</p>	<p>thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, thư điện tử, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	<p>biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị</p>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng,</p>	<p>chấp thuận.</p> <p>13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. <i>Biên bản họp Hội đồng quản trị</i></p> <p>a) <i>Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian, địa điểm họp; Mục đích, chương trình và nội dung họp; Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</i></p> <p>b) <i>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</i></p> <p>c) <i>Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</i></p> <p>d) <i>Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có</i></p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p><i>hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</i></p> <p>16. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	
<p><b>Điều 31. CÁC BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p><b>Điều 31. CÁC BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> Không thay đổi</p>	
<p><b>Điều 32. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY</b></p> <p>1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty là Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.</p> <p>1. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và</p>	<p>thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
Điều lệ Tổng công ty.		
<b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
<p><b>Điều 33. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng công ty có TGD điều hành chung, các Phó TGD, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.</p>	<p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p><b>Điều 34. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</li> <li>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.</li> </ol>	<p><b>Điều 34. Người điều hành Tổng Công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</li> <li>Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</li> <li>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p><b>Điều 35. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p>1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty. (khác so với mục 3 điều 34 của TT cần lưu ý)</p> <p>2. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. TGD không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>3. TGD có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư chung của Tổng Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;</li> <li>Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</li> <li>Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;</li> <li>Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;</li> <li>Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà</li> </ol>	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</li> <li>Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;</li> <li>Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;</li> <li>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</li> <li>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>Tổng Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 15/12 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty.</p> <p>4. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay</p>	<p>g) Tuyển dụng lao động <i>thuộc thẩm quyền quản lý</i>;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;</p> <p>k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p>6. <i>Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng</i></p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
thể.	công ty.	
<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	
<p><b>Điều 36. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</li> <li>Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</li> </ol>	<p><b>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><i>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><i>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i></li> <li><i>Trình độ chuyên môn;</i></li> <li><i>Quá trình công tác;</i></li> <li><i>Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;</i></li> <li><i>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);</i></li> <li><i>Các thông tin khác (nếu có).</i></li> </ol> <p><i>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên.</i></p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	<p>và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p><i>4. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.</i></p>	
<p><b>Điều 37. KIỂM SOÁT VIÊN</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là nhiệm kỳ của BKS, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.</p> <p>Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp BKS;</p> <p>b. Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến</p>	<p><b>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của BKS, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Kiểm soát viên do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào BKS sẽ không còn tư cách Kiểm soát viên khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi</p>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>của HĐQT đề trình ĐHCĐ.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</li> <li>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</li> <li>d. Kiểm soát viên do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào BKS sẽ không còn tư cách Kiểm soát viên khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia BKS đối với Kiểm soát viên đó.</li> <li>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</li> </ul> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</li> <li>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</li> <li>c. Theo quyết định của ĐHCĐ;</li> <li>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</li> </ul>	<p>không tham gia BKS đối với Kiểm soát viên đó.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</li> <li>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</li> <li>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>	
<p><b>Điều 38. BAN KIỂM SOÁT</b></p> <p>1. BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;</li> <li>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của</li> </ul>	<p><b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>minh;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của BKS. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.</p> <p>3. BKS có thể ban hành các quy định về cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba</p>	<p>Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>(2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS.</p>	<p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p><b>Điều 39 Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</i></p>	
	<p><b>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	<p>soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
	<p><b>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.</p>	
<p><b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	<p><b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	<p>9.</p>

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p><b>Điều 39. TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG</b></p> <p>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.</p>	<p><b>Điều 42 TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.</p>	
<p><b>Điều 40. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</li> <li>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</li> <li>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</li> <li>Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Tổng Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các</li> </ol>	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</li> <li>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc</p>	<p>với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Điều lệ Công ty con của Tổng công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20 % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCD thông qua.</p> <p>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
<p><b>Điều 41. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG</b></p> <p>1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cẩn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cẩn vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p>	<p><b>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty được Tổng Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p><b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 42. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHDCĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><b>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.</p>	<p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác đã được thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	
Điều 43. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn Không thay đổi	
Điều 44. TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ, TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY	Điều 47. TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ, TÒ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY Không thay đổi	
<b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	
<p>Điều 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.</li> <li>2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</li> <li>3. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.</li> <li>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</li> </ol>	<p>Điều 48. Phân phối lợi nhuận</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.</li> <li>2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</li> <li>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</li> <li>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng</li> </ol>	

<b>ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019</b>	<b>ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
<p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	
Điều 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	<b>Điều 49. Tài khoản ngân hàng Không thay đổi</b>	
Điều 47. NĂM TÀI CHÍNH	<b>Điều 50. NĂM TÀI CHÍNH Không thay đổi</b>	
<p><b>Điều 48. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b></p> <p>1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.</p> <p>3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt</p>	<p><b>Điều 51. Chế độ kế toán</b></p> <p>1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.</p> <p>3. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	<p>tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p>	
<p><b>Điều 49. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</li> <li>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</li> <li>Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký</li> </ol>	<p><b>Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</li> <li>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.</li> <li>Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</li> </ol>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		
<p><b>Điều 50. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN</b>          Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p><b>Điều 53. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN</b>          Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b></p>	<p><b>XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 51. KIỂM TOÁN</b></p> <p>1. ĐHCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.          Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p><b>Điều 54. Kiểm toán</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.</p>	<p>của Tổng Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XVII. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XVII. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT</b></p>	
<p><b>Điều 52. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY</b></p> <p>1. Tổng công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (Xem lại khái niệm này trùng với khái niệm quyền chi phối ở trên)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;</li> <li>b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc TGD của công ty đó;</li> <li>c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.</li> </ul> <p>2. Tổng công ty có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết được nêu ở Phụ lục đính kèm theo Điều lệ này. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.</p> <p>3. Tổng công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở</p>	<p><b>Điều 55. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY</b></p> <p>1. Tổng công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;</li> <li>b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;</li> <li>c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.</li> </ul> <p>2. Tổng công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết được nêu ở Phụ lục đính kèm theo Điều lệ này. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết được HĐQT thông qua và quy định của Pháp luật.</p>	<p>3. Tổng công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị trực thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết được HĐQT thông qua và quy định của Pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 53. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC</b></p> <p>Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của Tổng công ty, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của Tổng công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do TGD xây dựng và trình HĐQT ban hành. Tổng công ty sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.</p>	<p><b>Điều 56. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC</b></p> <p>Các đơn vị trực thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của Tổng công ty, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của Tổng công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do TGD xây dựng và trình HĐQT ban hành. Tổng công ty sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị trực thuộc đó.</p>	
<p><b>Điều 54. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN</b></p> <p>Tổng công ty là chủ sở hữu của các công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. HĐQT Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này. HĐQT Tổng công ty cử một hay nhiều người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Việc cử người đại diện phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Công ty con do HĐQT quyết định, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ Công ty con, Luật doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.</p>	<p><b>Điều 57. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN</b></p> <p>1. Với công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ: Tổng công ty là chủ sở hữu của các công ty. Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty con được quy định tại Điều lệ của công ty con.</p> <p>2. Với công ty con khác:</p> <p>Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Quyền hạn:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</li> <li>b. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</li> <li>c. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty theo Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty;</li> <li>d. Thông qua Tổng biên chế lao động, Kế hoạch tiền lương hàng năm của Công ty con.</li> <li>e. Quyết định dự án đầu tư phát triển theo Quy chế Đầu tư của Tổng công ty;</li> <li>f. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</li> <li>g. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty con quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty con và phù hợp với Quy chế Tài chính của Tổng công ty;</li> <li>h. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty con và phù hợp với Quy chế Tài chính của Tổng công ty;</li> <li>i. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức,</li> </ol> </li> </ol>	<p>hai thành viên trở lên, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.</p> <p>Tổng công ty là chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty tại các công ty này. Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với vốn Tổng công ty đầu tư vào các công ty con này.</p> <p>3. Mọi quan hệ giữa Tổng công ty với các công ty con dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Tổng công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.</p> <p>4. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện Tổng công ty để thực hiện các quyền của Tổng công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với các công ty con do Tổng công ty sở hữu 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Tổng công ty đầu tư tại các công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.</p> <p>Việc chỉ định người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.</p>	



ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>cá nhân khác;</p> <p>j. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;</p> <p>k. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty; Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty con.</p> <p>l. Thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm đã được kiểm toán, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty con.</p> <p>m. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;</p> <p>n. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>o. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;</p> <p>p. Thông qua một số Quy chế quản lý nội bộ của Công ty con: Quy chế quản lý Tài chính, Quy chế quản lý công tác Tổ chức - cán bộ, Quy chế lao động tiền lương, Quy chế quản lý Đầu tư, Quy chế quản lý công nợ, Quy chế hệ thống Công nghệ thông tin.</p> <p>q. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p><b>2. Nghĩa vụ:</b></p> <p>a. Tuân thủ Điều lệ công ty con.</p> <p>b. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.</p> <p>c. Xác định và tách biệt tài sản của Tổng công ty và tài sản của Công ty con.</p> <p>d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công</p>		

<b>ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019</b>	<b>ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
<p>ty.</p> <p>e. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.</p> <p>f. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</p> <p>g. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>		
<p><b>Điều 55. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT</b></p> <p>Quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết được quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các văn bản Pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty liên kết do Tổng công ty tham gia phê duyệt. Quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết được thực hiện thông qua Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.</p>	<p><b>Điều 58. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT</b></p> <p>Quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết được quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các văn bản Pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty liên kết do Tổng công ty tham gia phê duyệt. Quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết được thực hiện thông qua Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XVIII. CON DẤU</b></p>	<p><b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b></p>	
<p><b>Điều 56. CON DẤU</b></p> <p>1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và</p>	<p><b>Điều 59. Dấu của doanh nghiệp</b></p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. HĐQT, TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo Quy định về quản lý và sử dụng con dấu do HĐQT ban hành.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p>	<p><b>XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 57. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG</b></p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><b>Điều 60. Giải thể Tổng công ty</b></p> <p>1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	
<p><b>Điều 58. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN</b></p> <p>1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổng công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:</p>	<p><b>Điều 61. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN</b></p> <p>1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
<p>a. Quyết định của Tổng công ty về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b. Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;</p> <p>c. Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;</p> <p>d. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>e. Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>4. Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.</p>	<p>a. Quyết định của Hội đồng quản trị về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>b. Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;</p> <p>c. Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;</p> <p>d. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>e. Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>4. Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 59. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG</b></p> <p>1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của HĐQT.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.</p>	<p><b>Điều 62. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
Điều 60. THANH LÝ	Điều 63. THANH LÝ Không thay đổi	
<b>CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
<p>Điều 61. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Cổ đông với Tổng công ty;</li> <li>b. Cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hay người điều hành khác;</li> </ol> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>Điều 64. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Cổ đông với Tổng công ty;</li> <li>b. Cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hay người điều hành khác;</li> </ol> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa</p>	

ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC NĂM 2019	ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	THUYẾT MINH
	án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.	
<b>CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	
<p><b>Điều 62. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.</li> <li>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.</li> </ol>	<p><b>Điều 65. Điều lệ Tổng công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</li> <li>Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.</li> </ol>	
<b>CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>XXII. NGÀY HIỆU LỰC</b>	
<p><b>Điều 63. NGÀY HIỆU LỰC</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bản điều lệ này gồm 22 chương 63 điều được ĐHĐCĐ thường niên 2018 nhất trí thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2018 tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</li> <li>Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: <ol style="list-style-type: none"> <li>Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</li> <li>Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</li> <li>Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</li> </ol> </li> <li>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.</li> <li>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.</li> </ol>	<p><b>Điều 66. Ngày hiệu lực</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bản điều lệ này gồm 22 mục, 66 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty nhất trí thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</li> <li>Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.</li> <li>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.</li> <li>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</li> </ol>	
	<b>Các phụ lục không thay đổi</b>	



Hà Nội, ngày 19/04/2021

**TỜ TRÌNH**

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung  
Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

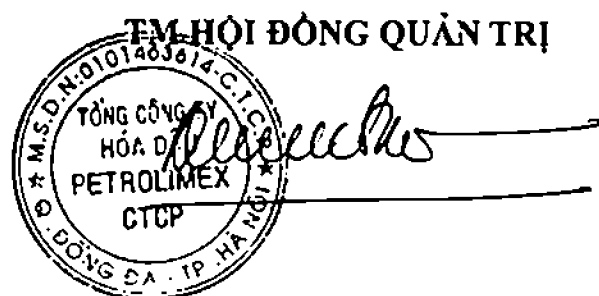
Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính (TT 116) Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP đã tổ chức rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP cho phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP. (Cụ thể như bảng đính kèm).

àHĐQT Tổng công ty PLC kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thảo luận và

HDQT Tổng công ty PLC kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thảo luận và thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.



CHỦ TỊCH

*Đỗ Hữu Tạo*

## ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA PLC

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ TCT PLC 2018	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI BỔ SUNG	<i>Lý do sửa đổi</i>
<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b>		
<p><b>Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP và (ii) đảm bảo Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.</p> <p>2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex –CTCP.</p>	<p><b>Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP và (ii) đảm bảo Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý Tổng công ty và những người liên quan.</p>	
<p><b>Điều 2. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “<i>Tổng công ty</i>” và “<i>PLC</i>” là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;</p> <p>b. “<i>Quản trị Tổng công ty</i>” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được quản lý, định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;</li> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;</li> </ul> <p>Đôi xử công bằng giữa các cổ đông;</p>	<p><b>Điều 2. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “<i>Tổng công ty</i>” và “<i>PLC</i>” là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;</p> <p>b. “<i>Quản trị Tổng công ty</i>” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được quản lý, định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;</li> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;</li> </ul> <p>Đôi xử công bằng giữa các cổ đông;</p>	



<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;</li> <li>- Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;</li> <li>- Lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty có hiệu quả.</li> </ul> <p>c. "<i>Người có liên quan</i>" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p> <p>d. "<i>Cổ đông lớn</i>" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.</p> <p>e. Các từ ngữ, thuật ngữ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;</li> <li>- Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;</li> <li>- Lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty có hiệu quả.</li> </ul> <p>c. "<i>Người có liên quan</i>" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Tổng công ty được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p> <p>d. "<i>Cổ đông lớn</i>" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.</p> <p>e. "<i>Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</i>" là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.</p> <p>f. "<i>Phương tiện điện tử</i>" là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.</p> <p>g. "<i>Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến</i>" bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Petrolimex cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.</p> <p>h. "<i>Bỏ phiếu điện tử</i>" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết hoặc bầu cử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Petrolimex (sau đây gọi tắt là hệ thống P-Vote) hoặc hệ thống bỏ phiếu điện tử của bên thứ ba do Petrolimex chỉ định.</p> <p>i. "<i>Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến</i>" là việc cổ đông</p>	
---	---	--

	<p>sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Petrolimex.</p> <p>j. “<i>Tài khoản truy cập</i>” bao gồm mã đăng nhập và mật khẩu được Petrolimex cấp duy nhất cho từng cổ đông để tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp Đại hội cổ đông. Tài khoản được cấp dựa trên thông tin nhận diện của bên tham gia đã được đăng ký tại Petrolimex.</p> <p>k. “<i>Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP – One time password)</i>”: là mật khẩu/mật mã sử dụng một lần, chỉ có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định và được nhắn tin vào số điện thoại di động của cổ đông đã cung cấp. OTP được sử dụng để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống khi tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các tác vụ khác cần xác thực từ cổ đông.</p> <p>l. “<i>Mã đăng nhập (ID) của cổ đông</i>” là Sổ giấy chứng minh nhân dân; Sổ thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp; Mã số nhà đầu tư nước ngoài, hoặc các hình thức khác đã được đăng ký tại Petrolimex hoặc được đăng ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).</p> <p>m. Các từ ngữ, thuật ngữ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p>	
<b>MỤC I. CỔ ĐÔNG</b>		
<b>Điều 3. Quyền của cổ đông</b> ...	<b>Điều 3 Quyền và nghĩa của cổ đông</b> Cổ đông có các quyền theo Điều 12 và 13 Điều lệ PLC	
<b>Điều 4. Điều lệ Tổng công ty</b> Điều lệ Tổng công ty được ĐHCĐ thông qua trên cơ sở các	<b>Bổ điều 4</b>	<i>Bổ theo kết cấu của</i>

<p>quy định của pháp luật, được tham chiếu theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Tổng công ty.</p>		TT116
<p><b>Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn</b></p> <p>1. HĐQT xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.</p> <p>2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của các cổ đông khác.</p>	<p><b>Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn</b></p> <p>1. HĐQT xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.</p> <p>2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của các cổ đông khác.</p>	
<p><b>Điều 6. ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p><b>Điều 5. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ TCT đề nghị sửa đổi- Điều 14 và kết cấu quy định của TT 116</p>

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu

Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh

<p>cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>ngành;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>5. Tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến</p> <p>a. Căn cứ theo tình hình thực tế, HĐQT quyết định triệu tập ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp với trực tiếp theo quy định của Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, Ban tổ chức ĐHĐCĐ do HĐQT thành lập có trách nhiệm triển khai các thủ tục, công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến. Tổng công ty áp dụng tối đa các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện cho cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến một cách thuận tiện nhất.</p> <p>b. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.</p> <p>c. Hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống phải được duy trì hoạt động an toàn và ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu kết nối, tham dự của các cổ đông.</li> </ul>	
---	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường tuyến, nguồn điện, phương tiện điện tử và các thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.</li> <li>- Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản truy cập vào hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên hệ thống bảo đảm nguyên tắc bí mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật an toàn thông tin mạng.</li> <li>- Dữ liệu điện tử của chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến phải được ghi nhận, lưu giữ và sử dụng theo đúng quy định.</li> </ul> <p>d. HĐQT có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể và hướng dẫn cần thiết cho các cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.</p>	
	<p><b>Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.</p>	
<p><b>Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;</li> <li>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</li> <li>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</li> <li>d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</li> <li>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</li> <li>f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả</li> </ul>	<p><b>Điều 7. Lập danh sách và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ thực hiện các công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ.</li> <li>b. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp</li> </ul>	

<p>các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>DHĐCĐ; c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; e. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; g. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; h. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
<p><b>Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</b> 1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên website của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu TV HĐQT, KSV; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3</p>	<p><b>Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ</b> 1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên: - Website của Tổng công ty. - Ủy ban chứng khoán Nhà nước, - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên website của Tổng công ty. Trong thông báo mời họp chỉ rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu TV HĐQT; KSV; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p>	

<p>Điều 13 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	
<p><b>Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</li> <li>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo</li> </ol>	<p><b>Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cổ đông và Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự qua email, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết theo quy định của Ban tổ chức để đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.</li> <li>2. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật: Trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ; Gửi phiếu bầu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; tham dự và biểu quyết thông qua ĐHĐCĐ trực tuyến; bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</li> <li>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</li> </ol>	



ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

	<p>6. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với các ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp.</p>	
<p><b>Điều 10. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một</p>	<p><b>Điều 10. Thể thức tiến hành họp cuộc họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và</p>	<p>Theo Điều lệ TCT đề nghị sửa đổi- Điều 20</p>

người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường BKS điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công

<p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</li> <li>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</li> <li>c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</li> </ul> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>bổ ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</li> <li>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</li> <li>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</li> <li>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</li> </ul> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại</p>
---	--

	<p>hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
	<p><b>Điều 11. Thể thức biểu quyết tại cuộc họp DHDCĐ</b></p> <p>a. Cách thức biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trừ khi có quy định khác, khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Tổng Công Ty cấp Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội có quyền biểu quyết, trên Phiếu có ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Hội (nếu có) và số điểm biểu quyết của Cổ Đông đó.</li> <li>- Nội dung của Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, Cổ Đông thực hiện biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa. Thông thường, Cổ Đông biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết để quyết định việc tán hành/không tán thành/không có ý kiến với từng nội dung cần biểu quyết.</li> <li>- Hình thức và nội dung của Phiếu bầu cử theo quy định tại Thể lệ bầu cử. Khi tiến hành bầu cử tại Đại hội, Cổ Đông thực hiện quyền bầu cử theo theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu để bầu, tương ứng với số cổ phần của cổ</li> </ul>	<p><i>Theo thể lệ biểu quyết đang áp dụng tại các cuộc họp DHDCĐ của PLC</i></p>

đồng và cho phiếu vào thùng phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

- Các cổ đông có nhu cầu biểu quyết và bầu cử (nếu có) từ xa sẽ được cấp Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) thông qua email, fax, điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác (quy định tại Thẻ lệ biểu quyết, thẻ lệ bầu cử) mà cổ đông đã đăng ký. Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) từ xa có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Trong trường hợp này, Cổ đông phải gửi Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) đến Ban tổ chức đại hội trước giờ biểu quyết và/hoặc trước giờ kết thúc bầu cử.
- Khi ĐHĐCĐ có tổ chức theo hình thức trực tuyến, cổ đông dự họp trực tuyến thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử (nếu có) theo Quy định của Thẻ lệ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) trực tuyến có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Trong trường hợp này, Cổ đông phải biểu quyết, hoặc bầu cử (nếu có) trước giờ biểu quyết và/hoặc trước giờ kết thúc bầu cử.
- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- Cách thức biểu quyết, bầu cử của cổ đông thông qua phương tiện điện tử được chấp nhận đồng thời với biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp khi Thẻ lệ bầu cử và thẻ lệ biểu quyết được thông qua tại phiên khai mạc ĐHĐCĐ phải quy định và hướng dẫn cách thức biểu quyết, bỏ phiếu từ xa và/hoặc thông qua phương tiện điện tử.
- Các nội dung khác sẽ được đề cập cụ thể khi Tổng công ty quyết định áp dụng hình thức họp trực tuyến.

	<p>b. Cách thức kiểm phiếu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.</li> <li>- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra, tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.</li> <li>- Các tình trạng biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các thẻ biểu quyết trắng, thẻ không biểu quyết sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”). Tổng kết quả của từng tình trạng biểu quyết sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.</li> <li>- Tổng Công ty chỉ áp dụng kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch nhận dạng, để phòng tránh sai sót, khi Thẻ lệ bầu cử và Thẻ lệ biểu quyết được thông qua tại phiên khai mạc ĐHĐCĐ quy định cách thức kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử.</li> <li>- Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.</li> </ul> <p>c. Thông báo kết quả kiểm phiếu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.</li> <li>- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>	
	<b>Điều 12. Thẻ thức bầu TV HĐQT, TV BKS tại ĐHĐCĐ</b>	<i>Theo thể lệ</i>

	<p>Trừ thể lệ bầu <b>TV HĐQT, TV BKS</b> được ĐHĐCĐ thông qua tại phiên khai mạc ĐHĐCĐ có quy định khác, việc bầu cử TV HĐQT và TV BKS được thực hiện theo thể thức như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về việc đề cử, ứng cử       <ol style="list-style-type: none"> <li>a) HĐQT hoặc người tổ chức ĐHĐCĐ phải thông báo trên website PLC tối thiểu trước 20 ngày khai mạc ĐHĐCĐ về việc đề cử, ứng cử TV HĐQT, TV BKS để bầu tại ĐHĐCĐ.</li> <li>b) Thông báo phải tối thiểu có các thông tin về số lượng, tiêu chuẩn TV HĐQT, TV BKS dự kiến bầu; Điều kiện để cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử, ứng cử.</li> </ol> </li> <li>2. Nguyên tắc bầu cử       <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT/TV BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại ĐHĐCĐ. Việc bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử có thể được áp dụng khi Thể lệ bầu cử có quy định và được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc.</li> <li>b. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết (Phiếu bầu) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc bầu cho một số các ứng viên số phiếu bằng nhau. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.</li> <li>c. Mẫu Phiếu bầu cử: Theo quy định của Ban tổ chức ĐHĐCĐ.</li> <li>d. Cách thức ghi phiếu bầu theo phương thức bầu dồn phiếu: Cổ đông chọn một trong hai cách: bầu dồn lệch</li> </ol> </li> </ol>	<p><i>bầu cử đang áp dụng và được thông qua tại các cuộc họp ĐHĐCĐ của PLC</i></p>
--	--	--



hoặc bầu dồn đều.

c. **Bầu dồn lệch:** Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu vào cột Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Số phiếu bầu ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho từ 1 đến một số ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.

f. **Bầu dồn đều:** Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) cho mỗi ứng cử viên trong cột “ Số phiếu bầu ”. Mỗi ứng viên sẽ được số phiếu bầu bằng tổng số phiếu bầu chia ( : ) cho số lượng ứng viên được đánh dấu X . Ban Kiểm phiếu sẽ tự động chia tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông cho số lượng người được đánh dấu trong phiếu.

### **3. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS**

Các cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu và có quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS của PLC phải gửi hồ sơ đến Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP tối thiểu 3 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCD để Ban tổ chức Đại hội thẩm định hồ sơ. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS của cổ đông gồm:

- a. Đơn đề cử/ứng cử thành viên HĐQT/thành viên BKS và cam kết theo mẫu của Ban tổ chức ĐHĐCD;
- b. Trích yếu lý lịch cá nhân có dán ảnh (theo mẫu của Ban tổ chức ĐHĐCD) có xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc của UBND địa phương nơi có hộ khẩu thường trú;
- c. Bản sao có công chứng các giấy tờ: Chứng minh

thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;  
d. Văn bản của cổ đông là tổ chức hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên làm đại diện tham gia vào HĐQT, BKS của Tổng công ty PLC (theo mẫu của Ban tổ chức ĐHĐCĐ).

#### **4. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, TV BKS**

a) HĐQT đương nhiệm hoặc Ban tổ chức ĐHĐCĐ căn cứ vào các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn TV HĐQT, TV BKS và quyền đề cử, ứng cử của cổ đông để thẩm định danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS.

b) Danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS đủ điều kiện được công bố thông tin trên website của PLC trước thời điểm điểm khai mạc ĐHĐCĐ.

c) Danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS và số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS bầu cử trong ĐHĐCĐ phải được thông qua trong phiên khai mạc ĐHĐCĐ.

#### **5. Quy định phiếu bầu cử**

##### **a. Phiếu bầu hợp lệ:**

- Là Phiếu giấy hoặc phiếu điện tử do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất đã được công bố trên website của Tổng công ty, không sửa, tẩy, xóa;
- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho các ứng viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.

##### **b. Phiếu bầu không hợp lệ:**

- Là Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Phiếu bị rách, gạch, tẩy, xóa, sửa chữa;

- Phiếu bầu cho số ứng viên nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên đã được Đại hội thông qua;
- Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên cộng lại lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông;
- Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- Số lượng phiếu biểu quyết ghi bằng % ;
- Phiếu bầu đồng thời vừa ghi số lượng phiếu bầu và vừa đánh dấu (X);

**6. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS**

a) Người trúng cử được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;

b) Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

**7. Nguyên tắc kiểm phiếu**

a) Ban Kiểm phiếu là 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa ĐHĐCĐ tại phiên khai mạc.

b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi ĐHĐCĐ thông qua Thể lệ bầu cử hoặc số lượng, cơ cấu TV HĐQT, TV BKS cần được bầu trong ĐHĐCĐ và kết thúc vào thời

	<p>gian do ĐHĐCĐ ấn định bỏ phiếu xong, để cổ đông và đại diện cổ đông thực hiện quyền bầu cử, phù hợp với chương trình Đại hội. Thời gian này cũng áp dụng cho cả bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử.</p> <p>c) Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu, công bố số lượng phiếu thu về tại hòm phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông trước khi mang đi kiểm phiếu.</p> <p>Trường hợp tiến hành bầu cử từ xa, bầu cử điện tử, Ban kiểm phiếu công bố số lượng phiếu biểu quyết bầu cử đã thực hiện thành công đến thời điểm kết thúc bầu cử trước khi kiểm tra tính hợp lệ của kết quả bầu cử điện tử.</p> <p>d) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.</p> <p>e) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội</p>	
<p><b>Điều 12. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</li> <li>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu</li> </ol>	<p><b>Điều 13. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số</li> </ol>	<p>Theo Điều lệ TCT đề nghị sửa đổi- Điều 23</p>

quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu

	<p>đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p><b>Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo tài chính năm;</li> <li>Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;</li> <li>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế TV HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm TGĐ.</li> </ol> <p>2. Bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị</p>	<p><b>Điều 14. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua</b></p> <p>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp được thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;</li> <li>Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản của Tổng công ty hoặc các Chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</li> <li>Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</li> <li>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.</li> </ol> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.</p> <p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án,</p>	<p>Theo Điều lệ TCT để nghị sửa đổi- Điều 21 và có kế thừa quy chế 2018</p>

<p>quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử TV HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.</p> <p>6. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Việc gửi nghị quyết được thực hiện bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty.</p>	<p>Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu TV HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử TV HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử.</p> <p>6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong vòng 24 giờ trên Website của Tổng công ty và các phương tiện thông tin theo quy định. Việc thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và do Tổng giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Việc gửi nghị quyết được thực hiện bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty.</p>	
<p><b>Điều 11. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy</p>	<p><b>Điều 15. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>1. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày công bố nghị quyết, biên bản ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông trên website Tổng công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115</p>	<p>Theo Điều lệ TCT đề nghị sửa đổi- Điều 24 và có bố</p>

<p>định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</li> </ol>	<p>Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.</li> <li>b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.</li> </ol> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp phản đối quyết định của ĐHĐCĐ thì Cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự đại hội cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối. Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận.</li> <li>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty, có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</li> </ol>	<p>sung thêm</p>
<p><b>Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích</li> </ol>	<p><b>Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</b> Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chỉ được thực hiện sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	



của Tổng công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Tổng công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- c. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- d. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

6. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

7. Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là trưởng Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không

<p>người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các TV HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các TV HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>8. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên website của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	
	<p><b>Điều 17 Các báo cáo thông qua tại ĐHĐCĐ</b></p> <p>ĐHĐCĐ thường niên thông qua các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp, gồm tối thiểu các báo cáo sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm;</li> <li>2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm;</li> <li>3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Quyết toán và phương án QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên</li> </ol>	

	<p>BKS</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</li> <li>5. Phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</li> <li>6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính.</li> </ol>	
<p><b>Điều 16. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;</li> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với TGD;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với người điều hành doanh nghiệp khác;</li> <li>- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.</li> </ul>	<p><b>Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng công ty trong năm tài chính;</li> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với TGD;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với người điều hành doanh nghiệp khác;</li> <li>- <i>Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</i></li> <li>- <i>Hoạt động của các ban thuộc Hội đồng quản trị.</i></li> <li>- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.</li> </ul>	
<p><b>Điều 17. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của BKS;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;</li> <li>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của</li> </ul>	<p><b>Điều 19. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động, <del>thù lao và chi phí hoạt động</del> của BKS;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;</li> <li>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của</li> </ul>	<p>Bỏ nội dung này vì gộp vào phần báo cáo của HĐQT</p>

<p>Tổng công ty;  - Kết quả giám sát đối với TV HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác;  - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;  - Các đề xuất và kiến nghị của BKS.</p>	<p>Tổng công ty;  - Kết quả giám sát đối với TV HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác;  - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và cổ đông;  - Các đề xuất và kiến nghị của BKS.</p>	
<p><b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TV HĐQT</b>  <b>MỤC I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ của TV HĐQT  Điều 20. Trách nhiệm của TV HĐQT  Điều 21. Chủ tịch HĐQT  Điều 22. Tiêu chuẩn và điều kiện làm TV HĐQT  <b>MỤC II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM TV HĐQT</b>  Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí TV HĐQT  Điều 24. Cách thức bầu TV HĐQT  Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT  <i>Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV HĐQT</i>  Điều 27. Cách thức giới thiệu ứng viên TV HĐQT  Mục 3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị  Điều 28. Thông báo họp HĐQT  Điều 29. Điều kiện tổ chức họp HĐQT  Điều 30. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT  Điều 31. Ghi biên bản họp HĐQT  <i>Điều 32. Thông qua nghị quyết và thông báo nghị quyết HĐQT</i></p>	<p><b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TV HĐQT</b>  <b>Điều 20:</b> Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT  Thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua.</p>	
<p><b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT</b></p>	<p><b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT</b></p>	
<p><i>Điều 33. Tiêu chuẩn KSV</i>  <i>Điều 34. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí KSV theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty</i></p>	<p><b>Điều 21</b> Công tác tổ chức và hoạt động của BKS và thành viên BKS  Thực hiện theo Quy chế hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua</p>	

<p><i>Điều 35. Cách thức bầu KSV</i>  <i>Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV</i>  <i>Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV</i></p>		
<p><b>Điều 39. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty.</li> <li>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:       <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Có hiểu biết về pháp luật;</li> <li>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;</li> <li>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.</li> </ol> </li> <li>3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.</li> <li>4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:       <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;</li> <li>b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;</li> <li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>d. Tham dự các cuộc họp;</li> <li>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;</li> </ol> </li> </ol>		<p>Bỏ vi trùng với điều 51 Quy chế cũ và trùng điều 26 Quy chế đề nghị sửa đổi</p>

<p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>		
<p><b>CHƯƠNG V. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p><b>CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng lao động với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.</p>		<p><i>Bổ vì trùng và không cụ thể bằng điều 34 Điều lệ và không có trong TT116</i></p>
<p><b>Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD</b></p> <p>1. HĐQT bổ nhiệm một (01) TV HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p><b>Điều 22. Tổng giám đốc</b></p> <p>1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. HĐQT bổ nhiệm một (01) TV HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.</p> <p>a) Với TGD là TV HĐQT, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện khi đa số TV HĐQT có quyền biểu quyết dự họp HĐQT tán thành.</p> <p>b) Với TGD không là TV HĐQT, việc ứng cử, đề cử,</p>	

<p>3. TGD phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</li> <li>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.</li> <li>c. TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.</li> </ol> <p>4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>5. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCD về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>6. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD khi đa số TV HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.</p>	<p>bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện theo Quy chế quản lý công tác tổ chức – cán bộ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex do HĐQT ban hành.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</li> <li>4. TGD phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</li> <li>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.</li> <li>c. TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.</li> </ol> </li> <li>5. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCD về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</li> <li>6. Công tác phối hợp hoạt động của Tổng Giám đốc được quy định như dưới đây : <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐQT đã được ĐHĐCD thông qua.</li> <li>b) Phối hợp hoạt động với BKS được thực hiện theo Quy chế hoạt động của BKS đã được ĐHĐCD thông qua.</li> <li>c) Phối hợp hoạt động với Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty được thực hiện theo Điều lệ và Quy định phân công thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật do HĐQT ban hành.</li> </ol> </li> <li>7. Việc đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối Tổng giám đốc thực hiện theo các Quy chế do HĐQT ban hành</li> <li>8. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD được thực</li> </ol>	
--	--	--



	<p>hiện theo Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex do HĐQT ban hành. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p>	
<p><b>Điều 42. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác</b></p> <p>1. Tổng công ty có các Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm, ký hợp đồng có thời hạn (không quá 05 năm) và có thể được bổ nhiệm lại, thay thế. Cơ cấu, số lượng Phó TGD phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>2. Phó TGD giúp TGD quản lý, điều hành Tổng công ty theo phân công và/hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.</p> <p>3. KTT có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty; giúp TGD, HĐQT giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.</p> <p>4. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức – cán bộ của Tổng công ty do HĐQT ban hành và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo quy định của Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 23. Phó TGD, KTT</b></p> <p>1. Tổng công ty có các Phó TGD, KTT được HĐQT bổ nhiệm, ký hợp đồng có thời hạn (không quá 05 năm) và có thể được bổ nhiệm lại, thay thế. Cơ cấu, số lượng Phó TGD phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>2. Phó TGD giúp TGD quản lý, điều hành Tổng công ty theo phân công và/hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.</p> <p>3. KTT có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty; giúp TGD, HĐQT giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước TGD, HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.</p> <p>4. Phó TGD, KTT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức – cán bộ của Tổng công ty do HĐQT ban hành và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Phó TGD, KTT được hưởng tiền lương và lợi ích khác theo Quy chế Quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý tại Tổng công ty do HĐQT ban hành và các quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Theo định nghĩa Người quản lý tại Điều 2, Điều lệ PLC</p>
<p><b>Điều 43. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác</b></p> <p>1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác:</p>	<p><b>Điều 24. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT</b></p> <p>1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó TGD, KTT thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ</p>	

<p>a. HĐQT là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác.</p> <p>b. HĐQT tìm chọn hoặc TGD đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho HĐQT căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.</p> <p>c. Căn cứ vào danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác, HĐQT tiến hành quy trình bổ nhiệm cán bộ theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty.</p> <p>2. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác:</p> <p>a. Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác muốn từ chức phải làm đơn gửi cho HĐQT. HĐQT xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của HĐQT, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.</p> <p>b. HĐQT có thể miễn nhiệm Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;</li> <li>- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</li> <li>- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty; vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức.</li> <li>- Các trường hợp khác.</li> </ul> <p>c. Quy trình miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty.</p>	<p>của Tổng công ty do HĐQT ban hành, cơ bản gồm các bước như sau:</p> <p>a. HĐQT là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó TGD, KTT.</p> <p>b. HĐQT tìm chọn hoặc TGD đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho HĐQT căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.</p> <p>c. Căn cứ vào danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD, KTT, HĐQT tiến hành quy trình bổ nhiệm cán bộ.</p> <p>2. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT:</p> <p>a. Phó TGD, KTT muốn từ chức phải làm đơn gửi cho HĐQT. HĐQT xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của HĐQT, Phó TGD, KTT vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.</p> <p>b. HĐQT có thể miễn nhiệm Phó TGD, KTT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;</li> <li>- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</li> <li>- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Tổng công ty; vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức.</li> <li>- Các trường hợp khác.</li> </ul> <p>c. Quy trình miễn nhiệm, từ chức đối với Phó TGD, KTT thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty do HĐQT ban hành.</p>	
--	---	--

<p><b>Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác</b>  Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với TGD, Phó TGD, KTT và các chức danh quản lý khác; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 25. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm TGD, Phó TGD, KTT</b>  Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với TGD, Phó TGD, KTT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế Công bố thông tin do HĐQT ban hành.</p>	
<p><b>CHƯƠNG VI VÀ CHƯƠNG VII CỦA QUY CHẾ</b></p>		<p>Bổ, trùng nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS</p>
<p><b>CHƯƠNG VIII NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>  <b>Điều 51. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b>  1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.  2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:  a. Có hiểu biết về pháp luật;  b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;  c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của HĐQT.  3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng</p>	<p><b>CHƯƠNG VI NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY</b>  <b>Điều 26. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b>  1. Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty là Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.  2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.  3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:  a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội</p>	

<p>công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;</li> <li>Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;</li> <li>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>Tham dự các cuộc họp;</li> <li>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;</li> <li>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho TV HĐQT và KSV;</li> <li>Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;</li> <li>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</li> <li>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</li> </ol> <p>5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định.</p>	<p>đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>Tham dự các cuộc họp;</li> <li>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</li> <li>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;</li> <li>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</li> <li>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;</li> <li>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</li> </ol> <p>4. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên Website của Tổng công ty theo quy định.</p>	
<p><b>CHƯƠNG IX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY</b></p> <p>Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các TV HĐQT, TGD và người điều hành Tổng công</p>	<p><b>CHƯƠNG VII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY</b></p> <p>Điều 27. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các TV HĐQT, TGD và người điều hành</p>	<p>Nội dung các điều không thay đổi</p>

<p>ty khác</p> <p>Điều 53. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>Điều 54. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty</p>	<p>Tổng công ty khác</p> <p>Điều 28. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>Điều 29. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty</p>	
<p><b>CHƯƠNG X. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH</b></p> <p>Điều 55. Công bố thông tin</p> <p><i>Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý</i></p> <p>Điều 57. Tổ chức công bố thông tin của Tổng công ty</p>	<p><b>CHƯƠNG VIII. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH</b></p> <p>Điều 30. Công bố thông tin</p> <p><i>Điều 31. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý</i></p> <p>Điều 32. Tổ chức công bố thông tin của Tổng công ty</p>	Nội dung các điều không thay đổi
<p><b>CHƯƠNG XI. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC</b></p> <p><i>Điều 58. Đào tạo về quản trị Tổng công ty</i></p> <p><i>Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i></p>	<p><b>CHƯƠNG IX. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC</b></p> <p><i>Điều 33. Đào tạo về quản trị Tổng công ty</i></p> <p><i>Điều 34. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i></p>	Nội dung các điều không thay đổi
<p><b>CHƯƠNG XII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY</b></p>	<p><b>CHƯƠNG X. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY</b></p>	
<p><b>Điều 60. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Quy chế này gồm 12 chương 60 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2018. Các quy định trái với Quy chế này đều bãi bỏ.</p> <p>2. Các TV HĐQT, TGD, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.</p> <p>3. BKS có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng công ty.</p> <p>4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do HĐQT Tổng công ty quyết định.</p> <p>5. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty./.</p>	<p><b>Điều 35. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Quy chế này gồm 10 chương 35 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2021. Các quy định trái với Quy chế này đều bãi bỏ.</p> <p>2. Các TV HĐQT, TGD, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.</p> <p>3. BKS có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng công ty.</p> <p>4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do HĐQT Tổng công ty quyết định.</p> <p>5. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty./.</p>	



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19/04/2021

## TỜ TRÌNH

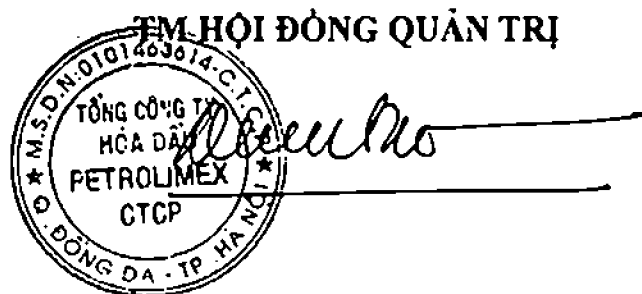
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính (TT 116) Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP đã tổ chức soạn thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP cho phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (Cụ thể như bảng đính kèm).

HĐQT Tổng công ty PLC kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021 thảo luận và thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.



CHỦ TỊCH  
Đỗ Hữu Tạo

Số: ...../QĐ-PLC-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2021



## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 PLC thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 PLC thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP”.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều không còn hiệu lực thực hiện.

**Điều 3:** Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc PLC, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, Trưởng các Ban HĐQT, các cá nhân và tổ chức có liên quan của PLC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- Đảng ủy TCT PLC
- BKS. Công đoàn PLC;
- Trưởng nhóm ĐDQLPV của PLC tại các DN khác;
- Ban/Phòng nghiệp vụ PLC;
- Lưu VT, HĐQT.

## MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt.....	2
Điều 4. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Đề cử, ứng cử viên và bầu thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	5
Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Các Ban của Hội đồng quản trị .....	7
Điều 10. Chức năng của Hội đồng quản trị .....	8
Điều 11 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	8
Điều 12: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	10
Điều 13 Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.....	11
Điều 14 Nghĩa vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	11
Điều 15: Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 16 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	14
Điều 17 Trình báo cáo hàng năm .....	15
Điều 18 Tiền lương, thù lao và các lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19 Công khai các quyền lợi liên quan.....	15
Điều 20. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	16
Điều 21 Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị .....	16
Điều 22 Một số quy định cụ thể khác về hoạt động của Hội đồng quản trị .....	17
Điều 23 Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	18
Điều 24 Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 25 Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị .....	21
Điều 26 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản .....	22
Điều 27 Nguyên tắc phối hợp trong quan hệ hợp tác .....	23
Điều 28 Phối hợp trong công tác và phát triển mối quan hệ với cơ quan nhà nước, đối tác, cơ quan truyền thông.....	23
Điều 29 Mối quan hệ công tác với cổ đông, nhà đầu tư .....	23
Điều 30 Mối quan hệ công tác với Ban kiểm soát.....	24
Điều 31 Mối quan hệ đối với Ban Tổng giám đốc .....	25
Điều 32 Mối quan hệ với người đại diện phần vốn của PIC đầu tư vào doanh nghiệp khác .....	26
Điều 33 Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 34 Mục đích giám sát.....	27
Điều 35 Nguyên tắc giám sát.....	27
Điều 36 Phương thức giám sát .....	27
Điều 37 Phương thức đánh giá .....	27
Điều 38 Khen thưởng .....	28
Điều 39 Kỷ luật .....	29
Điều 40 Điều khoản thi hành.....	29
PHỤ LỤC 01 .....	30



DỰ THẢO

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-PLC-HĐQT ngày 19/04/2021  
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu PLC-CTCP*

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:
  - a) Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị; tiêu chuẩn, điều kiện, xác định tư cách, bầu, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, lợi ích và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Nguyên tắc hoạt động; chương trình, chế độ, điều kiện làm việc và quy định về phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị;
  - d) Chế độ họp, biên bản họp và thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị;
  - f) Giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - g) Đánh giá, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt**

Trong bản Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP này, những từ ngữ dưới đây, khi được viết hoa, được hiểu như sau

1. “Tập đoàn” nghĩa là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
2. “Hệ thống PLC” nghĩa là toàn bộ hệ thống các công ty bao gồm PLC và các công ty con do PLC sở hữu 100% vốn.
3. “Tổng công ty” hoặc “PLC” nghĩa là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
4. “Hội đồng quản trị” (viết tắt: HĐQT) nghĩa là HĐQT của PLC;
5. “Đại hội đồng Cổ đông” (viết tắt: ĐHĐCĐ) nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP;
6. “Điều lệ” nghĩa là Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, được ĐHĐCĐ thông qua;
7. “Chủ tịch Hội đồng quản trị” (viết tắt: Chủ tịch HĐQT) nghĩa là Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP;
8. “Tổng Giám đốc” (viết tắt: TGD) nghĩa là Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP;
9. “Ban Kiểm soát” (viết tắt: BKS) nghĩa là Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP;
10. “Kế toán trưởng” (viết tắt: KTT) nghĩa là Kế toán trưởng Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP;
11. “Quy chế” nghĩa là bản Quy chế Hoạt động của HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex- CTCP này.

## **CHƯƠNG II**

### **CƠ CẤU, NHIỆM KỲ, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, XÁC ĐỊNH TƯ CÁCH, BẦU, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 4. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 7 người.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT, không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a) Cơ cấu thành viên HĐQT không điều hành của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

b) Cơ cấu thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn của Tổng công ty.

5. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Petrolimex với tư cách là ứng viên HĐQT;

d) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện.

e) d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

6. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành nhiệm vụ liên tục, trừ ủa ịnh của pháp l

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

7. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

8. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

9. Trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, PLC có trách nhiệm thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

10. Kết quả bầu thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

11. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

## **Điều 5. Đề cử, ứng cử viên và bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% đến dưới 20% được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 7 ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 8 ứng viên.

2. Việc đề cử người, ứng cử vào HĐQT thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

c. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và Quy chế này. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. HĐQT đương nhiệm căn cứ vào các quy định của pháp luật, Điều lệ PLC, điều 6 của Quy chế này, để thống nhất về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT; trong đó dự kiến số lượng thành viên HĐQT độc lập/không điều hành (trường hợp chưa bầu thành viên HĐQT độc lập/không điều hành hoặc chưa đủ thành viên theo quy định); về các điều kiện, tiêu chuẩn và hồ sơ đề cử, ứng cử phải đáp ứng đối với các thành viên HĐQT.

4. Trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ tối thiểu ba mươi (30) ngày, HĐQT phải thông báo các nội dung liên quan đến bầu cử thành viên HĐQT đã nêu ở mục 2 điều 5 ở trên lên website PLC và gửi thông báo bằng văn bản đến cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Ngoài ra, trong thư mời họp ĐHĐCĐ gửi cổ đông có quyền dự họp phải gửi kèm thông báo này hoặc đường dẫn đến website PLC về nội dung bầu cử thành viên HĐQT.

5. Trên cơ sở danh sách đề cử thành viên HĐQT của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn và lập Danh sách ứng cử viên. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do HĐQT đề xuất, đảm bảo ứng viên đủ tiêu chuẩn và điều kiện tham gia HĐQT theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, ứng cử viên đủ điều kiện làm TV HĐQT độc lập được HĐQT đương nhiệm ưu tiên đề cử. Thủ tục, cơ chế, cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử, ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên này biết rõ lý do.

6. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được HĐQT lập và thông qua.

7. Thể thức bầu thành viên HĐQT thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty.

8. ĐHĐCĐ lựa chọn các ứng viên HĐQT có tỷ lệ phiếu bầu từ trên xuống cho đủ số thành viên HĐQT.

9. Trường hợp có từ 2 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau. Trường hợp kết quả bầu lại vẫn có tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì việc lựa chọn lại tiêu chí bầu cử do Chủ tọa đề xuất và được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

10. Thành viên HĐQT bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi ĐHĐCĐ bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của PLC, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;

c. Thành viên HĐQT Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty PLC;

2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

### **Điều 7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thôi cử là đại diện cho pháp nhân đó.

2. Thành viên HĐQT do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào HĐQT sẽ không còn tư cách Thành viên HĐQT, khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia HĐQT đối với Thành viên đó. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

## **Điều 8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ;

g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **Điều 9. Các Ban của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT có thể thành lập các Ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT theo nghị quyết của HĐQT.

2. HĐQT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Ban HĐQT.

3. Trường hợp không thành lập các Ban thì Chủ tịch HĐQT phân công TV HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề như chính sách phát triển kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, lương thưởng, nhân sự.

**CHƯƠNG III**  
**CHỨC NĂNG, QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ, LỢI ÍCH VÀ NGHĨA VỤ**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 10. Chức năng của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT, trong phạm vi quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm trực tiếp trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về mọi hoạt động của PLC.
2. HĐQT có quyền nhân danh PLC để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của PLC, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của ĐHĐCĐ.
3. HĐQT thay mặt PLC thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu thông qua người đại diện phần vốn góp của PLC tại các doanh nghiệp do PLC đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và tại các doanh nghiệp khác do PLC góp vốn.

**Điều 11 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và



người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế Tài chính, Quy chế đầu tư, Quy chế quản lý công nợ, Quy chế quản lý về công tác Tổ chức cán bộ, Quy chế quản lý về Lao động tiền lương; Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty; Phê duyệt/thông qua các Quy chế và các định mức kinh tế kỹ thuật của Tổng công ty và của các công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn của Tổng công ty.

q. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

r. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;

u. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;

d. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

f. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 12: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết

định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13 Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường**

1. HĐQT phải triệu tập hợp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
  - b. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập hợp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

### **2. Triệu tập hợp ĐHĐCĐ bất thường**

HĐQT phải triệu tập hợp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập hợp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
  - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

### **Điều 14 Nghĩa vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT:
    - Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; có quyền đình chỉ các quyết định của TGD trái với nghị quyết, quyết định của HĐQT.
    - Thay mặt HĐQT giám sát hoạt động của PLC và người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác theo nghị quyết, quyết định của HĐQT.
    - Thay mặt HĐQT giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng hợp hàng năm theo các mục tiêu, định hướng chiến lược của HĐQT và ĐHCĐ.
  - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ;
  - f. Phân công các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trong quyền hạn của HĐQT. Thay mặt HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên khác của HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
  - g. Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư có quy mô thuộc quyền quyết định của HĐQT hoặc HĐQT trình ĐHCĐ phê duyệt; phương án đổi mới tổ chức, cán bộ quản lý Tổng công ty thuộc diện HĐQT quản lý đề trình HĐQT.
  - h. Thay mặt HĐQT giao dịch và ký các thỏa thuận hợp tác với bên đối tác thứ ba trong trường hợp đại diện cho Hệ thống PLC thực hiện các hoạt động chung của Hệ thống PLC hoặc các hoạt động khác nhân danh Hệ thống PLC theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên trên cơ sở Nghị quyết, quyết định của HĐQT PLC.
  - i. Có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt;
4. Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo thực hiện để thay mặt HĐQT:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính riêng và trình ĐHCĐ thông qua báo cáo hợp nhất hàng năm;
  - b. Cử các chức danh cán bộ của Tổng công ty và Công ty con do HĐQT bổ nhiệm đi công tác nước ngoài.
  - c. Thông qua các báo cáo theo quy định về công bố thông tin của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty đối với Công ty cổ phần đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán; đối với cổ đông và đông chi phối.
  - d. Thông qua các hồ sơ, tài liệu phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ đã được ĐHCĐ, HĐQT quyết định theo các quy trình, quy định của các cơ quan quản lý nhà

nước hoặc HĐQT, như thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu, các yêu cầu của cổ đông về thông tin, điều chỉnh thông tin cổ đông...

e. Đứng tên chủ tài khoản ngân hàng trực tiếp quản lý thu/chi các quỹ gồm quỹ khen thưởng phúc lợi tập trung, quỹ đầu tư phát triển tập trung, quỹ tập trung khác và các nguồn thu từ hoạt động đầu tư khác (ngoài lĩnh vực dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất) và thực hiện các giao dịch với ngân hàng trong phạm vi được qui định theo các Quy chế quản lý nội bộ của PLC.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

6. HĐQT quyết định bổ nhiệm Người phụ trách Tổng công ty làm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.

#### **Điều 15: Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có các trách nhiệm:

- a. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của PLC.
- b. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- c. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của PLC phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên HĐQT có các quyền hạn: Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền

theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

3. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ PLC, nghị quyết của ĐHĐCĐ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của PLC.

c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

d. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

e. Trung thành với lợi ích của PLC; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của PLC, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của PLC để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của PLC.

f. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

g. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Chủ tịch HĐQT PLC về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.

h. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với PLC hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của PLC.

i. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn của PLC với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và các quy định của PLC. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

j. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

k. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

## **Điều 16 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ quy định.

#### **Điều 17 Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm;
  - b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm;
  - c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - e. Phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - f. Quyết toán Quỹ tiền lương và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS;
  - g. Phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát;
  - h. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b, c, f, g và h khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18 Tiền lương, thù lao và các lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị**

HĐQT ban hành Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Tổng công ty theo các quy định của Điều 28 Điều lệ PLC.

#### **Điều 19 Công khai các quyền lợi liên quan**

1. Thành viên HĐQT của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp

hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

## **CHƯƠNG IV**

### **NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG; CHƯƠNG TRÌNH, CHẾ ĐỘ VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT tham gia quản lý, giám sát hoạt động của PLC theo quy định tại văn bản Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP do HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ban hành.

3. HĐQT thảo luận, biểu quyết và thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quy định tại Điều lệ PLC, pháp luật và Quy chế này.

4. Nghị quyết của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo quy định của pháp luật và Điều lệ PLC.

5. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

#### **Điều 21 Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của PLC. Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập, chủ trì và tổ chức theo quy định tại Điều lệ PLC và Chương V của Quy chế này.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của HĐQT.



3. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên HĐQT dự họp tán thành (đối với nghị quyết tại cuộc họp HĐQT) hoặc trên 50% tổng số thành viên HĐQT (đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản); trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch HĐQT là quyết định. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

4. HĐQT thực hiện một trong các hình thức biểu quyết sau: giơ tay biểu quyết trực tiếp, ý kiến bằng văn bản, đối với các vấn đề về tổ chức cán bộ HĐQT biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu.

5. Khi họp HĐQT bàn về nội dung công việc của PLC có liên quan đến các vấn đề quan trọng của nghiệp vụ nào thì HĐQT mời cá nhân hoặc đại diện của đơn vị, phòng ban có liên quan đó đến dự họp; trường hợp có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong PLC mời đại diện Công đoàn PLC dự họp. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết.

6. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các nghị quyết được HĐQT thông qua, kết luận của các cuộc họp phải được ghi thành Biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của Biên bản họp HĐQT. Nghị quyết, quyết định HĐQT có tính bắt buộc thi hành đối với toàn Hệ thống PLC.

#### **Điều 22 Một số quy định cụ thể khác về hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Căn cứ vào kế hoạch của HĐQT, Chủ tịch HĐQT tổ chức phân công chỉ đạo việc nghiên cứu các đề án, các văn bản thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; TGD tổ chức phân công chỉ đạo nghiên cứu các nội dung theo ủy quyền, phân cấp và theo nhiệm vụ, quyền hạn của TGD.

2. Các đơn vị được HĐQT phân công thẩm định các hồ sơ, tài liệu thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT có trách nhiệm chủ động, kịp thời thẩm định, báo cáo Chủ tịch HĐQT trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, tài liệu. Đối với các dự án lớn thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

3. Các hồ sơ TGD/HĐTV công ty con trình HĐQT xem xét phê duyệt, phải đảm bảo các thủ tục về hành chính, pháp lý (Tờ trình do TGD/Chủ tịch HĐTV công ty con hoặc người được ủy quyền, ký trình HĐQT) và kèm theo đầy đủ các hồ sơ liên quan theo đúng quy định, quy trình nghiệp vụ hiện hành.

4. Các tài liệu họp HĐQT phải được gửi đến các thành viên HĐQT và đại biểu được mời trước ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc.

5. Bộ phận giúp việc của HĐQT hoặc người được chỉ định làm Thư ký cuộc họp HĐQT, căn cứ vào kết quả cuộc họp HĐQT để hoàn chỉnh dự thảo biên bản cuộc họp HĐQT; dự thảo nghị quyết, quyết định của HĐQT trình Chủ tịch HĐQT và các thành viên dự họp ký.

6. Nghị quyết và quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống PLC. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được sao gửi cụ thể như sau:

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể được gửi tới các đơn vị và cá nhân có liên quan.

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến hoạt động của toàn hệ thống PLC, được sao gửi cho tất cả các đơn vị thành viên trong hệ thống PLC.

7. Các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành vượt quá thẩm quyền của TGD/HĐTV công ty con cần phải trình HĐQT; Các văn bản trình HĐQT giải quyết phải do TGD/Chủ tịch HĐTV công ty con ký trình. Trường hợp TGD/Chủ tịch HĐTV công ty con đi vắng, Phó TGD/ GD công ty con phải được TGD/Chủ tịch HĐTV công ty con ủy quyền.

8. Vào quý 4 hàng năm, các thành viên HĐQT đăng ký kế hoạch hành động và kế hoạch soạn thảo, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định về quản lý nội bộ của năm tiếp theo theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ PLC, các quy định khác của pháp luật và phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT hiện hành ban hành kèm theo Quy chế này. Căn cứ kế hoạch soạn thảo, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định đã đăng ký, các thành viên HĐQT yêu cầu/chỉ đạo các bộ phận có liên quan trong hệ thống PLC và/hoặc có thể thuê các cá nhân, tổ chức bên ngoài tư vấn để soạn thảo, trình HĐQT thông qua và Chủ tịch HĐQT ký quyết định ban hành.

## **CHƯƠNG V**

### **CHẾ ĐỘ HỌP, BIÊN BẢN HỌP**

### **VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 23 Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Các cuộc họp của HĐQT tiến hành tại trụ sở PLC hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên HĐQT.

3. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d. Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán, và tình hình PLC nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải được đảm bảo gửi đến BKS.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy

quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và
- b. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

12. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

13. Các cuộc họp HĐQT mở rộng bao gồm thêm KSV, Ban điều hành và các thành phần khác trong Tổng công ty sẽ do HĐQT chủ trì, lập và thông qua nghị quyết, biên bản cuộc họp như quy định ở điều 24, 25 dưới đây.

#### **Điều 24 Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên HĐQT dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Trường hợp thành viên HĐQT trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

5. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại Ban Tổng hợp HĐQT.

6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

#### **Điều 25 Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

1. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

2. Quyền biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên HĐQT trực tiếp có mặt tại cuộc họp có một phiếu biểu quyết.

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của PLC. Thành viên này, khi đó sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp HĐQT về vấn đề mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Trong cuộc họp của HĐQT, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng phải được ĐHCĐ, HĐQT chấp thuận quy định tại Điều lệ PLC sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

3. Thông qua quyết định của HĐQT tại cuộc họp: Quyết định của HĐQT được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của chủ tọa cuộc họp HĐQT.

4. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại Điều lệ PLC có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các Thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này trong phiếu biểu quyết của từng Thành viên HĐQT.

**Điều 26 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
3. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm trả lời Phiếu lấy ý kiến trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản (ngày gửi email hoặc ngày nhận được tài liệu bằng bản cứng), trừ trường hợp có yêu cầu cụ thể về thời gian biểu quyết ghi trong Phiếu lấy ý kiến. Quá thời hạn nêu trên, nếu thành viên HĐQT không có ý kiến trả lời được coi là thống nhất với nội dung lấy ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về HĐQT. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời và được gửi từ địa chỉ email @petrolimex.com.vn của thành viên HĐQT đã đăng ký với HĐQT tại Phụ lục 1 đính kèm cũng được coi là hợp lệ.
5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
6. Người phụ trách quản trị Tổng công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua phải gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được Người phụ trách quản trị Tổng công ty lưu giữ theo quy định.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 27 Nguyên tắc phối hợp trong quan hệ hợp tác**

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn luôn trung thành vì lợi ích của PLC;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ PLC và các quy định nội bộ của PLC;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

#### **Điều 28 Phối hợp trong công tác và phát triển mối quan hệ với cơ quan nhà nước, đối tác, cơ quan truyền thông**

1. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khi quan hệ công tác với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân bên ngoài có quyền và nghĩa vụ nhân danh HĐQT và nhân danh PLC.

2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện thay mặt PLC trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn, khách hàng chiến lược, với cơ quan thông tấn báo chí... Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch HĐQT sẽ ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác hoặc một thành viên trong Ban TGĐ thực hiện. Trường hợp được Chủ tịch HĐQT ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo lại Chủ tịch HĐQT về nội dung làm việc.

3. Tại các buổi làm việc và tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự.

4. HĐQT chỉ định "Người công bố thông tin" của PLC. Người công bố thông tin của PLC có quyền và nghĩa vụ nhân danh HĐQT và nhân danh PLC thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động của PLC theo quy định.

5. Các phòng/ban có liên quan của PLC chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

#### **Điều 29 Mối quan hệ công tác với cổ đông, nhà đầu tư**

1. HĐQT đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối sự tham gia của các cổ đông trong PLC. HĐQT và các thành viên HĐQT phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, phải có trách nhiệm cung cấp kịp thời và đầy đủ cho cổ đông những lượng thông tin cần thiết trong giới hạn được cung cấp; đồng thời phải giữ mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết và thường xuyên, lâu dài với các cổ đông của PLC.

2. HĐQT chỉ định cán bộ là đầu mối thực hiện nhiệm vụ quan hệ cổ đông của PLC.

Người cán bộ này có quyền và nghĩa vụ thay mặt HĐQT và PLC tổ chức thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định tại Điều lệ khi được cổ đông yêu cầu (bao gồm cả quyền của cổ đông lớn).

3. Mọi quan hệ với các cổ đông lớn phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và quy định của PLC.

4. HĐQT chỉ định một thành viên HĐQT thay mặt HĐQT và PLC tổ chức thực hiện công tác quan hệ nhà đầu tư theo đúng các quy định của PLC.

### **Điều 30 Mọi quan hệ công tác với Ban kiểm soát**

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với BKS, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của BKS.

3. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên BKS trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của BKS và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của BKS.

4. Chủ tịch HĐQT mời BKS tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

5. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin tới HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của BKS, mọi biên bản họp BKS phải được gửi tới HĐQT.

6. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý PLC theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC;

7. BKS gửi cho HĐQT báo cáo thực hiện công tác giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ PLC trong quản trị, điều hành trong đó có đề ra các biện pháp chấn chỉnh, xử lý các sai phạm trong quản trị điều hành PLC được phát hiện và giải pháp ngăn ngừa, khắc phục, hạn chế, loại trừ các sai phạm đó.

8. HĐQT có quyền đề nghị BKS thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

9. Trên cơ sở các báo cáo của BKS, HĐQT trực tiếp chỉ đạo toàn hệ thống PLC tiến hành khắc phục yếu kém, sai phạm và thực hiện các giải pháp kinh doanh hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ PLC.

10. Với sự trợ giúp của BKS, HĐQT xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và xác nhận của Ban TGD về kiểm soát nội bộ và quy định kiểm soát, quản lý thông tin được công bố.

11. Ban kiểm soát đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo luật định và Điều lệ PLC.

12. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên BKS có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của PLC.

13. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS.



### **Điều 31 Mối quan hệ đối với Ban Tổng giám đốc**

1. HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm và duy trì ổn định các thành viên Ban TGD có trình độ năng lực và đạo đức tốt cho PLC; đồng thời kịp thời bãi nhiệm các thành viên Ban TGD không đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ PLC và Quy chế quản lý công tác Tổ chức cán bộ của PLC.

2. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban TGD trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban TGD hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. HĐQT thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với các thành viên Ban TGD một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và các quy định nội bộ của PLC.

4. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho PLC thì TGD đề nghị với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì TGD vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên cuộc họp ĐHCĐ PLC gần nhất.

5. TGD phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của PLC cho HĐQT theo quy định của HĐQT.

6. TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của PLC.

7. Chủ tịch HĐQT, trưởng phó các Ban HĐQT được mời tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do TGD chủ trì để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Chủ tịch HĐQT dự họp có quyền phát biểu ý kiến chỉ đạo nhưng không kết luận cuộc họp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ PLC và các Quy chế quản lý nội bộ của PLC.

8. Định kỳ hàng năm, TGD phải trình HĐQT xem xét và phê duyệt báo cáo quy hoạch các vị trí lãnh đạo trong Ban TGD.

9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của PLC có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, TGD có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT xin ý kiến chỉ đạo.

10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời ban lãnh đạo PLC tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung-dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của PLC thì Chủ tịch HĐQT và TGD cùng dự; hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

11. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó TGD hoặc trưởng/phó/Ban/phòng/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

12. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban TGD hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Ban TGD chủ trì, người chủ trì mời và Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện HĐQT cùng tham dự họp và chỉ đạo trực tiếp (nếu có).

13. TGD chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.

14. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý PLC thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện.

15. Hàng quý, TGD phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể của PLC báo cáo HĐQT.

16. Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của PLC hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, TGD phải báo cáo ngay HĐQT để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

**Điều 32 Mọi quan hệ với người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác**

Quan hệ giữa HĐQT với người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy chế Người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, Điều lệ PLC, Điều lệ của doanh nghiệp mà PLC có vốn góp và các quy định của pháp luật.

**Điều 33 Mọi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp; các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý các công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và quy định nội bộ của PLC.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

## CHƯƠNG VII

### GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Điều 34 Mục đích giám sát

1. Theo dõi và giám sát các công việc mà HĐQT đã phân công cho các đơn vị, cá nhân thực hiện; kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tế.
2. Đảm bảo cho công tác lãnh đạo, quản lý của HĐQT được thông suốt, giữ nghiêm kỷ luật trong hệ thống PLC, chống tham nhũng, lãng phí và mọi tiêu cực có thể phát sinh trong hoạt động của PLC.
3. Đề cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật của từng thành viên HĐQT, Ban TGD và các đơn vị, cá nhân được HĐQT phân công thực hiện nhiệm vụ.

#### Điều 35 Nguyên tắc giám sát

1. Công tác giám sát được tiến hành thường xuyên, có kế hoạch, có sự phối hợp để tránh chồng chéo, ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động của PLC.
2. Công tác giám sát phải đảm bảo dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và quy chế của PLC, không gây phiền hà và không cản trở hoạt động của đối tượng được giám sát.
3. HĐQT phải có báo cáo giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và các quy định nội bộ của PLC.

#### Điều 36 Phương thức giám sát

HĐQT có thể trực tiếp hoặc thông qua các Ban/Ủy ban trực thuộc thực hiện việc giám sát các nghị quyết của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và các quy định nội bộ của PLC.

## CHƯƠNG VIII

### ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

#### Điều 37 Phương thức đánh giá

Công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT và các cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý được tiến hành theo Quy chế đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại đối với Công ty mẹ - Công ty con. Về cơ bản gồm các nội dung sau:

1. Phân cấp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm:
  - a. HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng TV HĐQT, TGD, Trưởng BKS và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

- b. TGD đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.
- c. Trưởng BKS đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các KSV.

2. Phương thức đánh giá: Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:

- a. Tự nhận xét đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tin nhiệm;
- c. Cách thức phù hợp khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

3. Tiêu chí đánh giá, gồm:

a. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.

b. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Tổng công ty, chủ trương, chính sách của Tổng công ty và pháp luật.

c. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.

d. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý, việc chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

e. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị với các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty và mức độ tin nhiệm.

f. Các tiêu chí đánh giá khác (nếu có) do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ.

4. Xếp loại đánh giá

a. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác được phân thành các loại sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b. Các văn bản đánh giá hoạt động của TV HĐQT, TGD, KSV, Phó TGD, KTT và người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của cán bộ.

### **Điều 38 Khen thưởng**

1. Các thành viên HĐQT và các cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng và các quy định nội bộ khác của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

### **Điều 39 Kỷ luật**

- Các thành viên HĐQT và cán bộ quản lý PLC trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ PLC, quy chế, nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của PLC; tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ khác của PLC.

- HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.

- Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo các quy định hiện hành của PLC.

## **CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 40 Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này gồm 9 chương, 40 điều, 01 Phụ lục và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định có liên quan tới Quy chế này do HĐQT PLC quyết định.

3. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của PLC chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của PLC./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## PHỤ LỤC 01

### DANH SÁCH ĐỊA CHỈ EMAIL NHẬN TÀI LIỆU VÀ BIỂU QUYẾT CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PLC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-PLC-HĐQT ngày 19/04/2021  
của HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP)

- 1) Ông Đỗ Hữu Tạo - Chủ tịch HĐQT  
[taodh@petrolimex.com.vn](mailto:taodh@petrolimex.com.vn)
- 2) Ông Lê Quang Tuấn- Thành viên HĐQT  
[tuanlq.plc@petrolimex.com.vn](mailto:tuanlq.plc@petrolimex.com.vn)
- 3) Ông Vũ Văn Chiến - Thành viên HĐQT  
[chienvv.plc@petrolimex.com.vn](mailto:chienvv.plc@petrolimex.com.vn)
- 4) Ông Hà Thanh Tuấn - Thành viên HĐQT  
[tuanht.plc@petrolimex.com.vn](mailto:tuanht.plc@petrolimex.com.vn)
- 5) Ông Nguyễn Hà Trung- Thành viên HĐQT  
[trungnh.plc@petrolimex.com.vn](mailto:trungnh.plc@petrolimex.com.vn)
- 6) Ông Nguyễn Thanh Khương - Thành viên HĐQT  
[khuongnt@petrolimex.com.vn](mailto:khuongnt@petrolimex.com.vn)
- 7) Ông Trần Tuấn Linh - Thành viên HĐQT  
[linhtt@petrolimex.com.vn](mailto:linhtt@petrolimex.com.vn)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Số: ...../PLC-QĐ-BKS

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2021



PETROLIMEX

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

### BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ( PLC) được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 PLC thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 PLC số 01/NQ-PLC-DHĐCD ngày 19 tháng 04 năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP”.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều không còn hiệu lực thực hiện.

**Điều 3:** Ban Kiểm soát PLC, các cá nhân và tổ chức có liên quan của PLC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- TĐXDVN (thay b/c);
- HDQT, BTGD, Công đoàn PLC;
- HĐTV, Nhóm KSV Công ty Nhựa đường;
- HĐTV, Nhóm KSV Công ty Hóa chất;
- Trưởng Nhóm ĐDQLPV của PLC tại các DN khác;
- Ban/Phòng nghiệp vụ PLC;
- Lưu VT, BKS.



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số.../PLC-QĐ-BKS ngày 19/04/2021  
của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)*

-----  
**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (Ban Kiểm soát) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC) và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông PLC, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ PLC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông PLC và các quy định có liên quan.

3. Các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi Đại hội đồng cổ đông PLC, Hội đồng quản trị PLC, Tổng giám đốc PLC và cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị PLC.

4. Hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát không làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị PLC, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không làm thiệt hại đến lợi ích của PLC và cổ đông.

**Chương II  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ PLC, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông PLC và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

2. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của PLC.

3. Trung thành với lợi ích của PLC và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của PLC, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của PLC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông PLC về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát, lập kế hoạch công tác hằng năm để thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

5. Có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

7. Định kỳ báo cáo Ban Kiểm soát về tình hình, kết quả giám sát trong phạm vi công việc được phân công, báo cáo ngay về các hoạt động bất thường và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá, kết luận của mình. Khi Kiểm soát viên nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ban Kiểm soát.

8. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường, theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC và Quy chế này.

9. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề thuộc quyền hạn, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trừ vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.

10. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị PLC, các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Ban Tổng Giám đốc PLC, được phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

11. Khi được phân công đại diện Ban Kiểm soát thực hiện công việc chung của PLC phải có trách nhiệm báo cáo Ban Kiểm soát kết quả chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ khi kết thúc.

12. Trường hợp vi phạm quy định tại quy chế này, Điều lệ PLC, các quy định của pháp luật mà gây thiệt hại cho PLC hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho PLC.

13. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

14. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC.

#### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của PLC.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã

hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn 02 (hai) thành viên, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị PLC triệu tập Đại hội đồng cổ đông PLC để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát**

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của PLC.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý P.I.C, người đại diện vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và người đại diện vốn khác tại PLC; người quản lý và người đại diện vốn nhà nước tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; người đại diện vốn của PLC tại doanh nghiệp khác.

4. Không phải là người quản lý PLC, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của P.I.C.

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của PLC.

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của PLC trong 03 năm liền trước đó.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ PLC.

**Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của PLC. Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại P.I.C.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát:

a. Có quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

b. Tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

c. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

d. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

e. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông PLC bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị PLC họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ PLC.

f. Điều hành để Đại hội đồng cổ đông PLC bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PLC.

g. Là đầu mối tiếp nhận thông tin, đảm bảo các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát cần phải xem xét.

h. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị PLC và Đại hội đồng cổ đông PLC.

i. Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

k. Đảm bảo các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công tác giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát.

l. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ & trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ PLC.

### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ PLC có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Trường hợp Điều lệ PLC không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông PLC;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông PLC làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông PLC thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị PLC, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ PLC, Quy chế nội bộ về quản trị PLC và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông PLC biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Quy định khác thực hiện theo pháp luật có liên quan và Điều lệ PLC.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông PLC.

2. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

a) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

b) Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ PLC;

c) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ PLC.

**Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông PLC miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ PLC quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông PLC bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PLC và Quy chế này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông PLC và Điều lệ PLC.

**Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, PLC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông PLC trên trang thông tin điện tử của PLC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của PLC nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- d) Lợi ích có liên quan tới PLC và các bên có liên quan của PLC;
- e) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới PLC;
- f) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ PLC.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC trong việc quản lý và điều hành PLC.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của PLC, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị PLC và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông PLC thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị PLC hoặc Đại hội đồng cổ đông PLC và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị PLC hoặc Đại hội đồng cổ đông PLC.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của PLC.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của PLC, công việc quản lý, điều hành hoạt động của PLC khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông PLC hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị PLC và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị PLC, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của PLC.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị PLC hoặc Đại hội đồng cổ đông PLC biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của PLC.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị PLC, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông PLC, Hội đồng quản trị PLC và các cuộc họp khác của PLC.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, cán bộ thuộc các phòng/ban nghiệp vụ của PLC để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị PLC trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông PLC.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của PLC theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị PLC triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông PLC theo quy định tại tiết d), khoản 1, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

14. Thay thế Hội đồng quản trị PLC triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông PLC trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị PLC không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông PLC theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị PLC triệu tập họp Hội đồng quản trị PLC theo quy định.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông PLC phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của PLC; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của PLC khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính PLC, việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC, người quản lý khác của PLC.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ PLC của thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC và người quản lý khác của PLC, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị PLC trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông PLC thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị PLC tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị PLC yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông PLC.

24. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông PLC thông qua.

25. Thông qua người đại diện vốn của PLC đầu tư tại các doanh nghiệp khác thực hiện công tác kiểm tra, giám sát khi xét thấy cần thiết.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PLC và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông PLC.

**Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị PLC, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị PLC và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông PLC, Hội đồng quản trị PLC;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc PLC trình Hội đồng quản trị PLC hoặc tài liệu khác do PLC phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của PLC (bao gồm cả hồ sơ, tài liệu điện tử) lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của PLC trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị PLC, thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC, người quản lý khác của PLC phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của PLC theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ PLC.

**Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.**

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị PLC triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông PLC trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị PLC không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông PLC trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị PLC, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông PLC của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị PLC không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông PLC theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho PLC.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông PLC theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được PLC hoàn lại.

## **Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

1. Cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát phải được tổ chức trong vòng 7 ngày sau bầu cử Ban Kiểm soát. Cuộc họp này do Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Kiểm soát viên sẽ bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất 6 tháng một lần và họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất, cấp bách của PLC do Trưởng Ban Kiểm soát chủ trì. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị PLC.

b) Tổng Giám đốc PLC.

c) Ít nhất 05 (năm) thành viên Hội đồng quản trị PLC.



d) Trưởng Ban Kiểm soát.

đ) Ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường tại khoản 2 nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau 2 lần đề nghị mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập được cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường thì Hội đồng quản trị PLC và các Kiểm soát viên phải có ngay văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông PLC bất thường để giải quyết những tồn tại, vướng mắc.

4. Trường hợp cần thiết, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC, đại diện tổ chức kiểm toán... tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát.

5. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành tại Văn phòng PLC hoặc tại một địa điểm khác theo sự thống nhất chung của các Kiểm soát viên.

#### **Điều 15. Trình tự tiến hành họp Ban Kiểm soát**

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Kiểm soát đều phải được chuẩn bị trước; Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung... cuộc họp để phân công cho các Kiểm soát viên chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ họp bất thường) phải được gửi đến từng Kiểm soát viên theo phương thức phù hợp trước khi họp. Thông báo mời họp cần nêu rõ về: thời gian, địa điểm, nội dung, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp Kiểm soát viên không thể dự họp, có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 (hai) Kiểm soát viên trở lên tham dự. Trường hợp cần thiết, Ban Kiểm soát có thể mời thêm đại biểu (không phải là Kiểm soát viên) tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát.

4. Trường hợp cuộc họp của Ban Kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định tại khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập họp tiếp lần thứ hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị PLC và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông PLC bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông PLC xem xét về tư cách của các Kiểm soát viên.

5. Nội dung cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào biên bản, có chữ ký của chủ tọa và các Kiểm soát viên. Riêng các nội dung quan trọng phải được các Kiểm soát viên thông qua theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

#### **Điều 16. Biên bản họp Ban Kiểm soát**

1. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lập thành Biên bản.

2. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải lập chi tiết, đầy đủ nội dung rõ ràng bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát dự họp. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lưu tại Ban Kiểm soát nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

#### **Điều 17. Thông qua quyết định quan trọng của Ban Kiểm soát**

1. Các quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy phiếu ý kiến các thành viên Ban Kiểm soát hoặc thông qua thư điện tử.
2. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham gia biểu quyết, có thể ủy quyền bằng fax, thư điện tử, văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết. Trường hợp này, người ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền của mình.
3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết và cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để biểu quyết vấn đề đó.
4. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua khi có trên 50% số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông PLC thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của PLC, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của PLC.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa PLC, Công ty con của PLC với thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC và những người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC; giao dịch giữa PLC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị PLC là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị PLC, Tổng Giám đốc PLC và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông PLC phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của PLC; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của PLC khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác**

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông PLC, quy định của PLC và các quy định pháp

luật khác có liên quan. Đại hội đồng cổ đông PLC quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông PLC chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông PLC có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của PLC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PLC.

#### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải kê khai cho PLC về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với PLC trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của PLC.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị PLC, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa PLC, Công ty con của PLC với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông PLC hoặc Hội đồng quản trị PLC chấp thuận, PLC phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát**

1. Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ PLC và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông tin cho nhau về những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

4. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành.**

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC; là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC.

2. Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban Kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ; chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban Kiểm soát.

4. Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC mời Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ, bất thường; các buổi tổng kết, sơ kết...

5. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Hội đồng quản trị PLC những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Biên bản họp Ban Kiểm soát định kỳ, bất thường phải được gửi tới Hội đồng quản trị PLC (thông qua Ban Tổng hợp - Hội đồng quản trị PLC) chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất khả kháng).

6. Ban Kiểm soát phải kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị PLC khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý PLC theo quy định của pháp luật, Điều lệ PLC, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

7. Hội đồng quản trị PLC có quyền đề nghị Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu khi xét thấy cần thiết.

8. Thông qua Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị PLC xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

9. Hội đồng quản trị PLC, Ban điều hành PLC đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị PLC sẽ được cung cấp đồng thời cho Ban Kiểm soát.

10. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Điều lệ PLC.

## **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PLC bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 04 năm 2021.
2. Quy chế này thay thế quy chế ban hành theo Quyết định số 164/PLC-QĐ-BKS ngày 12 tháng 6 năm 2016 của Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## THẺ LỆ BẦU CỬ

### KIỂM SOÁT VIÊN TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

#### Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.

#### Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

a. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên/Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội hoặc bỏ phiếu từ xa.

b. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu từ xa thực hiện như sau:

- Cổ đông đã đăng ký biểu quyết từ xa theo Thẻ lệ Biểu quyết của Tổng công ty PLC;
- Trước khi bầu cử, Tổng công ty PLC sẽ gửi Phiếu bầu cử vào email hoặc gửi qua điện thoại theo zalo của Cổ đông.

- Khi nhận được Phiếu bầu cử, cổ đông đánh dấu bầu cử và gửi ảnh chụp Phiếu bầu cử từ địa chỉ email/số điện thoại đã đăng ký với Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex về địa chỉ liên hệ của BTC ĐHĐCĐ trong Thẻ lệ Biểu quyết (email [thaonh.plc@petrolimex.com.vn](mailto:thaonh.plc@petrolimex.com.vn) hoặc Zalo: 0983846618). Thông tin bỏ phiếu sẽ được bảo mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết (Phiếu bầu) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu vào Ban Kiểm soát. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc bầu cho một số các ứng viên số phiếu bằng nhau. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.

d. Phiếu bầu cử (theo mẫu đính kèm).

e. Cách thức ghi phiếu bầu theo phương thức bầu dồn phiếu: Cổ đông chọn một trong hai cách: bầu dồn lệch hoặc bầu dồn đều.

- **Bầu dồn lệch:** Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu vào cột Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Số phiếu bầu ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho từ 1 đến một số ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm



bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.

- **Bầu dồn đều:** Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) cho mỗi ứng cử viên trong cột " Số phiếu bầu ". Mỗi ứng viên sẽ được số phiếu bầu bằng tổng số phiếu bầu chia (:) cho số lượng ứng viên được đánh dấu X. Ban Kiểm phiếu sẽ tự động chia tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông cho số lượng người được đánh dấu trong phiếu.

*Vi dụ: Cổ đông sở hữu/dại diện sở hữu tổng số cổ phần tại Đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 5 Kiểm soát viên thì số phiếu bầu tối đa của cổ đông là:  $1.000 \times 5 = 5.000$  phiếu. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho từ 1 đến 5 ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu là 5.000 phiếu. Trong đó có thể bầu:*

+ **Bầu dồn lệch- Vi dụ:**

- Ứng cử viên số 1 = 1.000 phiếu;

- Ứng cử viên số 2 = 2.000 phiếu

- Ứng cử viên số 3 = 1.000 phiếu

- Ứng cử viên số 4 = 500 phiếu

- Ứng cử viên số 5 = 500 phiếu

+ **Bầu dồn đều- Vi dụ:**

- Đánh dấu X cho cả 5 ứng viên, nghĩa là mỗi ứng viên được bầu 1.000 phiếu;

- Đánh dấu X cho 4 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là  $5000/4 = 1.250$  phiếu.

- Đánh dấu X cho 3 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là  $5000/3 = 1.666$  phiếu (chỉ tính phiếu chẵn đến hàng đơn vị).

- Đánh dấu X cho 2 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là  $5000/2 = 2.500$  phiếu.

### **Điều 3. Số lượng, cơ cấu Kiểm soát viên**

a. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người.

b. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu bổ sung 01 Kiểm soát viên.

### **Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên PLC**

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính đến thời điểm 16/03/2021 (ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của PLC) có quyền gộp số quyền biểu quyết thành nhóm để đề cử các ứng viên đề bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

a. Quyền đề cử, ứng cử đề bầu bổ sung Kiểm soát viên được quy định như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên đề bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát thành viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

c. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của người ứng cử, người được đề cử Kiểm soát viên PLC:**

Tiêu chuẩn, điều kiện của những người ứng cử, người được đề cử Kiểm soát viên theo quy định của Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty PLC và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty PLC;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty PLC trong 03 năm liền trước đó.

#### **Điều 6. Hồ sơ đề cử, ứng cử Kiểm soát viên Tổng công ty PLC**

Các cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu và có quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên của PLC phải gửi hồ sơ đến Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tối thiểu 3 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ để Ban tổ chức Đại hội thẩm định hồ sơ. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử Kiểm soát viên của cổ đông gồm:

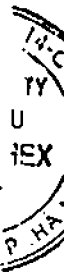
- 1) Đơn đề cử/ứng cử Kiểm soát viên và cam kết (theo mẫu);
- 2) Trích yếu lý lịch cá nhân có dán ảnh (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc của UBND địa phương nơi có hộ khẩu thường trú;
- 3) Bản sao có công chứng các giấy tờ pháp lý: Căn cước công dân/Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn;
- 4) Văn bản của cổ đông là tổ chức hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên làm đại diện tham gia vào Ban Kiểm soát của Tổng công ty PLC (theo mẫu).

#### **Điều 7. Quy định phiếu bầu cử**

##### **1. Phiếu bầu hợp lệ:**

- Là Phiếu giấy hoặc Phiếu điện tử do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất đã được công bố trên website của Tổng công ty, không sửa, tẩy, xóa và được bỏ phiếu (bao gồm cả bỏ phiếu kín tại Đại hội và bỏ phiếu từ xa) trong thời gian quy định bỏ phiếu của Đại hội ;

- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;









Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Danh sách nhân sự đề cử bầu bổ sung  
Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP  
nhiệm kỳ 2019 - 2024**

**Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex**

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (Tổng công ty PLC);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty PLC;
- Căn cứ Đơn Từ nhiệm của Ông Tổng Văn Hải - Kiểm soát viên Tổng công ty PLC, Ông Tổng Văn Hải đề nghị thôi giữ chức vụ Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Để đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC trong thời gian tiếp theo, Tổng công ty PLC đã thông báo tới các cổ đông đủ điều kiện (theo Dự thảo Thê lệ bầu cử đính kèm) tham gia đề cử, ứng cử đề bầu bổ sung 01 Kiểm soát viên vào Ban Kiểm soát của Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Thực hiện thủ tục chuẩn bị nhân sự đề cử, ứng cử theo các quy định nêu trên tại ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC xin báo cáo kết quả thực hiện quyền đề cử, ứng cử của các cổ đông giới thiệu nhân sự đề bầu bổ sung Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024 như sau:

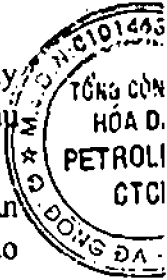
1. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX) là Cổ đông chi phối của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) có số cổ phần chiếm 79,07% Vốn điều lệ của PLC, đã đề cử 01 người tham gia ứng cử đề bầu bổ sung Ban Kiểm soát TCT PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024 theo đúng quy định của thê lệ bầu cử.

2. Ngoài Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối của Tổng công ty PLC đề cử người tham gia ứng cử bổ sung Kiểm soát viên TCT PLC, đến ngày 15/04/2021, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào khác gửi hồ sơ ứng cử, đề cử người tham gia ứng cử bổ sung Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024.

3. HĐQT PLC đã thẩm định hồ sơ của ứng cử viên do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đề cử, cho thấy ứng viên đã đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty PLC và Thê lệ bầu cử.

4. Danh sách đề cử bầu Kiểm soát viên Tổng công ty PLC:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay
	Đề cử của Cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	
1	Bà Đinh Thị Kiều Trang	Phó Trưởng Ban Kiểm toán - HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam



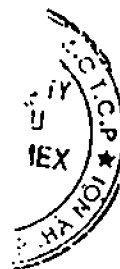
Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP xem xét, thông qua danh sách đề cử.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*Đỗ Hữu Tạo*  
CHỦ TỊCH





PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO KIỂM TRA XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG  
VÀ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex - CTCP (Tổng công ty PLC);
  - Căn cứ Quyết định số 008/QĐ-PLC-HĐQT ngày 23/02/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC về việc thành lập Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty PLC,
- Hôm nay, vào hồi 08h30 ngày 19 tháng 04 năm 2021 tại TP.Hà Nội, Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty PLC gồm các ông/bà có tên sau đây:

STT	Họ và Tên	Đơn vị, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	Phó Ban Tổng hợp HĐQT TCT PLC	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch Công đoàn TCT PLC	Phó Ban
3	Ông Đỗ Bảo Anh	Phó Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT TCT PLC	Thành viên
4	Ông Nguyễn Bá Hùng	Trưởng Phòng TCHC PLC Hóa chất	Thành viên
5	Ông Nguyễn Xuân Trinh	Trưởng Phòng QTKD SP PLC Nhựa đường	Thành viên
6	Ông Phạm Quang Thắng	Chuyên viên P.CNTT TCT PLC	Thành viên
7	Ông Vũ Đức Mạnh	Chuyên viên P.CNTT TCT PLC	Thành viên
8	Ông Hoàng Anh Đức	Chuyên viên Ban Tổng hợp HĐQT TCT PLC	Thành viên

- Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex, ngày đăng ký cuối cùng 16/03/2021, số V184/2021-PLC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 18/03/2021.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông đăng ký biểu quyết từ và dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex. Chúng tôi xác nhận kết quả như sau:

**1. Số lượng cổ đông được quyền tham dự Đại hội:**

Theo Danh sách Cổ đông chốt ngày 16/03/2021, tổng số có 3.845 Cổ đông sở hữu tương ứng 80.798.839 cổ phần. Trong đó: trừ 1.273 cổ phần là cổ phiếu quỹ của

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, còn 3.844 Cổ đông tương ứng 80.797.566 cổ phần có quyền biểu quyết được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, bao gồm:

- Tổng số cổ phần do cổ đông trong nước sở hữu là 78.797.471 cổ phần, chiếm 97,52% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:
  - + Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông có cổ phần chi phối, sở hữu 63.889.259 cổ phần chiếm 79,07% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã cử Người đại diện phần vốn tại Tổng công ty P.I.C. Ngoài Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần trở lên.
  - + Ngoài Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, tổng số cổ phần do cổ đông trong nước sở hữu là 14.908.212 cổ phần chiếm 18,45% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, cổ đông là cá nhân chiếm 16,56% và cổ đông là tổ chức chiếm 1,89%.
- Tổng số cổ phần do cổ đông nước ngoài sở hữu là 2.001.368 cổ phần, chiếm 2,48% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó cổ đông cá nhân chiếm 1,40% và cổ đông là tổ chức chiếm 1,08%.

## 2. Về số Cổ đông và Đại diện cổ đông thực tế có mặt tham dự Đại hội:

### 2.1. Thông báo lần 1- Lúc 08h30- Khai mạc Đại hội:

- a. Tổng số cổ phần do Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội sở hữu là 65.711.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 81,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó:

- Đại diện của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối: có 06 người, đại diện cho số cổ phần là 63.889.259 cổ phần, chiếm tỷ lệ 79,07% tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp;
- Các cổ đông đăng ký thực hiện biểu quyết từ xa có tổng số cổ phần là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp.
- Các cổ đông và Đại diện cổ đông còn lại tham dự trực tiếp tại ĐHQĐ, đại diện cho tổng số cổ phần là: 1.822.538 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,26 % tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp;
- b. Số cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021; không uỷ quyền cử đại diện đến dự; không thực hiện biểu quyết từ xa có tổng số cổ phần là 15.085.769 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,67 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **Ban kiểm tra xác nhận:**

- Cổ đông và Đại diện cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đều có đầy đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex; tất cả đều có quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội; đồng thời có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung chương trình, thể lệ làm việc của Đại hội và tuân thủ các quy định về cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.

014630  
TỔNG CÔNG TY  
HÓA DẦU  
PETROLIMEX  
CTCP  
ĐẠI HỘI

- Với số Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội vào giờ Khai mạc Đại hội, đại diện cho 65.711.797 cổ phần, chiếm tỷ lệ 81,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59 năm 2020 và Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex hiện hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.
- Trong quá trình Đại hội tiến hành, các Cổ đông đến dự sau giờ Khai mạc sẽ được tiếp tục đăng ký kiểm tra xác nhận và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Ban Kiểm tra tiếp tục làm việc và thông báo bổ sung với Đoàn Chủ tịch để thông báo tới Đại hội.
- Thông báo bổ sung lần 2- lúc 09h45 - thời điểm biểu quyết: Tổng số cổ phần sở hữu 66.534.537 cổ phần, chiếm tỷ lệ 82,35 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trân trọng cảm ơn!

**ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN**

**TRƯỞNG BAN**




Nguyễn Mạnh Hùng

Nguyễn Thị Hồng Ngọc

**ĐẠI DIỆN BÀN 1**

**ĐẠI DIỆN BÀN 2**

**ĐẠI DIỆN BÀN 3**





Đỗ Bá Anh Hoàng Anh Đức

Phạm Quang Thủy





PETROLIMEX



## BIÊN BẢN

KIỂM PHIẾU BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

1. Thời gian: Từ 10h50 đến 11h , ngày 19/04/2021
2. Địa điểm: Hội trường tầng 5 - Trung tâm Hội nghị Mípec Palace  
Số 229 Tây Sơn - Phường Ngã Tư Sở - Quận Đống Đa - Hà Nội.
3. Ban kiểm phiếu bầu cử gồm :

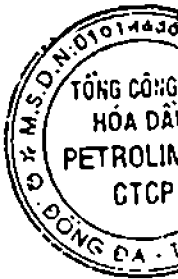
- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo, Phó Ban Tổng hợp HĐQT TCT : Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch Công đoàn : Thành viên
- Ông Đỗ Bảo Anh, Phó Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT : Thành viên
- Ông Nguyễn Bá Hùng, Trưởng phòng TCHC Công ty Hóa chất : Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Trinh, Trưởng phòng QTKDSP Cty Nhựa đường : Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát TCT PLC theo đúng quy định của Thẻ lệ Bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát của TCT PLC do DHDCĐ thường niên 2021 nhất trí thông qua.

Kết quả cụ thể như sau:

- 1) Tổng số phiếu bầu cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã phát ra là 67 phiếu, đại diện cho 66.628.812 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 66.628.812 cổ phần bầu.
- 2) Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu bầu cử thu về là 56 phiếu, đại diện cho 66.549.175 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 66.549.175 Phiếu bầu.
- 3) Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ là 56 phiếu, đại diện cho 66.549.175 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 66.549.175 Phiếu bầu.
- 4) Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ là 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng 0 Phiếu bầu.
- 5) Kết quả bầu cử như sau (xếp theo thứ tự bảng chữ cái của tên người được bầu cử):






STT	Họ và tên	Số cổ phần bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của số phiếu bầu cử hợp lệ
1	Đinh Thị Kiều Trang	66.394.642	99,65 %



Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty PLC và Thẻ lệ bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty PLC thông qua:

Bà Đinh Thị Kiều Trang đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024.

**Các thành viên Ban Kiểm phiếu bầu cử nhất trí cùng ký tên:**

- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo (Trưởng Ban) 
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng 
- Ông Đỗ Bảo Anh 
- Ông Nguyễn Bá Hùng 
- Ông Nguyễn Xuân Trình 







PETROLIMEX



## BIÊN BẢN

KIỂM PHIẾU BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

1. Thời gian: Từ 10h50 đến 11h , ngày 19/04/2021
2. Địa điểm: Hội trường tầng 5 - Trung tâm Hội nghị Mipecc Palace  
Số 229 Tây Sơn - Phường Ngã Tư Sở - Quận Đống Đa - Hà Nội.
3. Ban kiểm phiếu bầu cử gồm :

- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo, Phó Ban Tổng hợp HĐQT TCT : Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Chủ tịch Công đoàn : Thành viên
- Ông Đỗ Bảo Anh, Phó Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT : Thành viên
- Ông Nguyễn Bá Hùng, Trưởng phòng TCHC Công ty Hóa chất : Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Trinh, Trưởng phòng QTKDSP Cty Nhựa đường : Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát TCT PLC theo đúng quy định của Thẻ lệ Bầu cử bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát của TCT PLC do ĐHĐCĐ thường niên 2021 nhất trí thông qua.

Kết quả cụ thể như sau:

- 1) Tổng số phiếu bầu cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã phát ra là 67 phiếu, đại diện cho 66.628.812 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 66.628.812 cổ phần bầu.
- 2) Tổng số phiếu Ban kiểm phiếu bầu cử thu về là 56 phiếu, đại diện cho 66.549.175 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 66.549.175 Phiếu bầu.
- 3) Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ là 56 phiếu, đại diện cho 66.549.175 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 66.549.175 Phiếu bầu.
- 4) Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ là 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng 0 Phiếu bầu.
- 5) Kết quả bầu cử như sau (xếp theo thứ tự bảng chữ cái của tên người được bầu cử):

STT	Họ và tên	Số cổ phần bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của số phiếu bầu cử hợp lệ
1	Đinh Thị Kiều Trang	66.394.642	99,65 %



Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty PLC và Thể lệ bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty PLC thông qua:

Bà Đinh Thị Kiều Trang đã trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Các thành viên Ban Kiểm phiếu bầu cử nhất trí cùng ký tên:

- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo (Trưởng Ban)



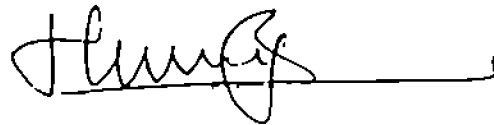
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng



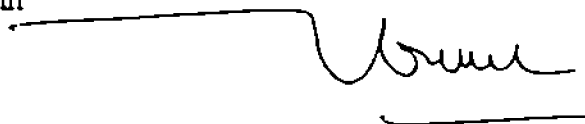
- Ông Đỗ Bảo Anh



- Ông Nguyễn Bá Hùng



- Ông Nguyễn Xuân Trinh





PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021  
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

1. Thời gian: Từ 08h30, thứ Hai ngày 19/04/2021
2. Địa điểm: Trung tâm Hội nghị Mipcc Palace  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
3. Thành phần Ban kiểm phiếu biểu quyết:
  1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổ Trưởng
  2. Ông Đỗ Bảo Anh - Thành viên
  3. Ông Nguyễn Bá Hùng - Thành viên
  4. Ông Nguyễn Xuân Trinh - Thành viên
  5. Ông Hoàng Anh Đức - Thành viên
4. Nội dung và kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội:

1. Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2020				
Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần				
Kết quả biểu quyết				
Biểu quyết	Số người	Số CP	Tỷ lệ %	Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng công ty PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**3. Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2020**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2020**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2020**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**6. Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2021 của PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2021**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2021**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần của Tổng công ty PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty của Tổng công ty PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**11. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**12. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát TCT PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**13. Chấp thuận Đơn Từ nhiệm của ông Tống Văn Hải - Kiểm soát viên TCT PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

<b>Biểu quyết</b>	<b>Số người</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ %</b>	<b>Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)</b>
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**14. Danh sách Bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát TCT PLC**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

Biểu quyết	Số người	Số CP	Tỷ lệ %	Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

**16. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021**

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 66.534.537 cổ phần

**Kết quả biểu quyết**

Biểu quyết	Số người	Số CP	Tỷ lệ %	Số TT của CD (trên Phiếu biểu quyết)
Nhất trí	62	66.534.537	100%	
Không nhất trí	0	0	0%	
Không có ý kiến	0	0	0%	

Các thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết nhất trí cùng ký tên:

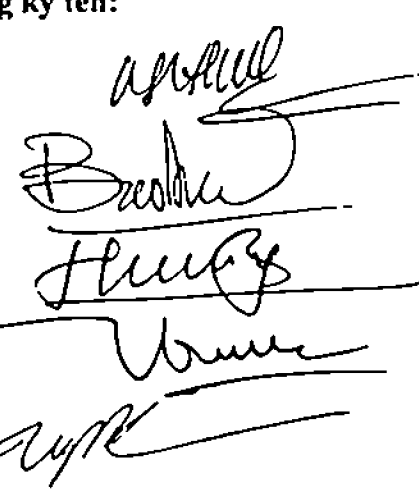
1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tô Trưởng

2. Ông Đỗ Bảo Anh - Thành viên

3. Ông Nguyễn Bá Hùng - Thành viên

4. Ông Nguyễn Xuân Trinh - Thành viên

5. Ông Hoàng Anh Đức - Thành viên







quyết. Theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự thực hiện các quyền biểu quyết các nội dung văn kiện đại hội theo số cổ phần PLC mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu;

- 2.2. Trong quá trình Đại hội tiến hành, các Cổ đông đến dự sau giờ Khai mạc sẽ được tiếp tục đăng ký kiểm tra xác nhận và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Ban Kiểm tra tiếp tục làm việc và thông báo bổ sung với Đoàn Chủ tịch để thông báo tới Đại hội.
- 2.3. Số Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm biểu quyết các nội dung của Đại hội đại diện sở hữu 66.534.537 cổ phần tương đương 82,35% số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

(Báo cáo Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 Tổng công ty - đính kèm).

3. **Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký ĐHĐCĐ:** Theo quy định của Điều lệ PLC, Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Ông Đỗ Hữu Tạo Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ đã mời nhân sự tham gia Đoàn chủ tịch và cử Ban Thư ký Đại hội, gồm có các Ông (Bà) sau :

3.1 Đoàn Chủ tịch gồm có :

- Ông Đỗ Hữu Tạo : Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ;
- Ông Lê Quang Tuấn : Tổng Giám đốc PLC - Thành viên Đoàn chủ tịch;

3.2 Ban Thư ký ĐHĐCĐ gồm có :

- Bà Trần Diễm Hồng : Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Cổ đông cá nhân;
- Ông Nguyễn Văn Ngọc là Cổ đông cá nhân.

4. **Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 (đính kèm)** do ông Đỗ Hữu Tạo trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là 100%;

5. **Thế lệ biểu quyết các văn kiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 (đính kèm)** do ông Lê Quang Tuấn trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là 100%. Trong đó, nguyên tắc thực hiện quyền biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. Một (01) cổ phần biểu quyết tương đương với 01 điểm. Các quyết định tại ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex.;

## PHẦN THỨ HAI

### CÁC TÀI LIỆU ĐƯỢC ĐHĐCĐ THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

1. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2020** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
2. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2020** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua

Báo cáo này;

- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2021 (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng công ty PLC (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2020 (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2021 của PLC (báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2021	KH 2021/TH 2020
1	Sản lượng	Tấn; m3	420.433	377.296	89,74%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	5.608.435	6.002.055	107,02%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	189.948	190.000	100,03%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	147.842	152.000	102,81%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11,12%	11,56%	103,95%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18,30%	18,81%	102,81%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Chia cổ tức 15% bằng tiền	Tối thiểu 12%	

Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;

- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2020 (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2021 (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Phương án này;
- Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Tờ trình này;

10. Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Tờ trình này;
11. Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Tờ trình này;
12. Đại hội đã tham gia ý kiến vào Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 66.534.537 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Tờ trình này;

### **PHẦN THỨ BA**

#### **CÁC Ý KIẾN THAM GIA CỦA CỔ ĐÔNG VÀ PHÁT BIỂU CỦA ĐẠI BIỂU MỜI**

**ĐHĐCĐ đã lắng nghe các ý kiến tham gia của các Cổ đông, Đại diện Cổ đông dự họp và giải đáp của HĐQT PLC.**

1. Cổ đông TCN 029:
  - Giá dầu thế giới và nhiều hàng hóa có xu hướng tăng sẽ tác động như thế nào đến hoạt động kinh doanh của PLC.
  - Công ty sẽ sử dụng chiến lược nào để mở rộng thị trường.
  - Tháng 10/2020, PLC thành lập ban chỉ đạo 167 để sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà máy. Vì sao cần thành lập ban này? Cổ đông nhà nước Petrolimex có ý định giảm tỷ lệ sở hữu trong tương lai gần?
  - Xin ban lãnh đạo cho biết kết quả kinh doanh Quý 1/2021
2. Cổ đông TCN 035 Vina Capital
  - Theo kế hoạch 2021, sản lượng giảm 10% nhưng doanh thu tăng 7%, như thế giá bán sẽ tăng khoảng 20%. Xin vui lòng chia sẻ mức tăng của DMN, NĐ và HC.
  - Năm 2020 là năm Covid khó khăn nhưng Cty vẫn đạt hơn 420K tấn sản lượng. Năm 2021 tình hình kinh tế khó khăn hơn, nhiều dự án cao tốc khởi động vào cuối 2020 đầu 2021, sản lượng 2021 lại giảm, công ty chia sẻ lý do.
  - Công ty có thể chia sẻ một số dự án cung cấp NĐ trong 2021, KH SL NĐ sẽ bán trong 2021 và giá bán trung bình.
3. Cổ đông CN 2907:
  - PLC năm 2020 có sự chuyển giao thế hệ cán bộ cấp cao, mặc dù gặp khó khăn do Covid, nhưng kết quả SXKD và BCTC của PLC rất tốt! Thế hệ cán bộ cấp cao có thay đổi gì về chiến lược, tầm nhìn và phương án kinh doanh gì mới cho PLC không nhằm đáp ứng kỳ vọng của cổ đông?
4. Cổ đông CN 2720
  - 2020 doanh thu giảm, chi phí bán hàng tăng khá mạnh, và cao hơn nhiều so với năm trước. Chính sách kiểm soát 2 chi phí này ntn.
  - Tình hình VP trích lập 12 tỷ, hoàn nhập 100 tr, năm này ntn? 2020 có nhiều lợi thế về giá dầu rẻ, nhu cầu vận chuyển NĐ nhỏ lẻ nhiều nên hiệu quả khai thác tốt. Tình

hình 2021 khó khăn hơn vì giá dầu tăng, tuyến chính là SGP đi Indonesia không còn nhiều đơn hàng như 2020 nên không đạt hiệu quả như năm trước[s.

- Nợ quá hạn còn nhiều, KH các năm tiếp theo ntn.
- Mở rộng Nhà máy NB, công suất có thay đổi không.
- Chính sách hàng tồn kho ntn để tăng biên lợi nhuận, khi hàng tồn kho 2020 không có đột biến.

5. TCN027

- Các dự án NĐ năm 2021 và các năm sau ntn?

6. TCN031

- KH sản lượng 2021 giảm 10% so với thực hiện 2020 là do sản lượng DMN hay NĐ giảm. KH SL cụ thể 2 ngành hàng này ntn năm 2021?
- Chia sẻ triển vọng ngành NĐ năm 2021 và chu kỳ 21-25.
- Cho biết tình hình cạnh tranh của ngành hàng DMN? Thị phần của PLC những năm qua ntn? Công ty có chiến lược đẩy mạnh thị phần ntn?
- Xin cho biết KH tái cấu trúc PLC ntn, PLX có ý định thoái vốn tại PLC hay cty con (NĐ) hay không?

7. TCN381:

- Trong một số lần ĐHĐCD trước, HĐQT đã báo cáo về việc giảm vốn nhà nước tại PLC, tái cấu trúc việc này đã triển khai chưa và dự kiến thời gian tới như thế nào?

**Giải trình của HĐQT**

- 2 nhà máy DMN của PLC đạt công suất 50.000 tấn, đáp ứng nhu cầu toàn quốc. Việc đầu tư đã tính đến đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nội địa, pha chế thuê và xuất khẩu sang các nước trong khu vực. PLC đã từng xuất khẩu 12.000 tấn sang các nước trong khu vực, pha chế thuê cũng đã từng lên đến 12.000 tấn. Vì kinh doanh DMN hiện tại đang có nhiều lợi thế, nên các hãng lớn đã đầu tư nhà máy, việc pha chế thuê giảm. Việc nâng cấp quy mô thời gian tới chủ yếu để tăng cường cho SL cấp cao phục vụ trong nước và xuất khẩu.
- Giá dầu tăng cao năm 2021, vì giá dầu thô tăng cao, giá XD tăng và dầu gốc tăng cao. Q1/2021 do yếu tố nhu cầu giảm năm 2020, nên cuối 2020 hàng loạt nhà máy đóng cửa bảo dưỡng, tàu bị mắc cạn tại kênh đào Suez nên vận chuyển hàng hóa đình trệ. Do vậy, nhiều nhà máy dầu gốc không đủ hàng cung cấp. PLC có các mối quan hệ hợp tác tốt, nên PLC vẫn giành đủ nguồn hàng phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, hi vọng sau T6 mới phục hồi được nguồn cung cấp dầu gốc để đảm bảo sản xuất. Đây là nguyên nhân giá dầu nhớt sẽ tăng cao. Tương tự các lĩnh vực NĐ và HC nên giá sẽ tăng.
- Các dự án cao tốc đã Mỹ Thuận 2, ... có nhiều dự án khác như sân bay Long Thành... cuối 21 đầu 22 mới trải thảm, dự kiến cuối năm 2022, đầu 2023 SI. NĐ sẽ tăng mạnh mẽ.
- Quản trị công nợ: 2020 lãnh đạo PLC đã tăng cường kiểm soát tài chính, công nợ, là công cụ hiệu quả góp phần, tỷ lệ nợ đã giảm cả tuyệt đối lẫn tương đối. Đây là yếu tố tích cực nâng hiệu quả.
- PLC vào cuộc nhanh chóng các dự án hạ tầng. Đầu 2021, đầu nhiệm kỳ bộ máy CQ các cấp, nên chưa có nhiều dự án được triển khai. Các dự án giao thông đang trong quá trình làm nền. Việc tái xuất sang Lào, CPC chưa cao do dịch Covid 19.
- Về thông tin nhanh về kết quả kinh doanh Q1/2021, sản lượng đạt 27,6% KH, bằng 116% cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 46,8 tỷ đạt 24,6% KH.

- Năm 2020 đạt kết quả do được sự chi đạo sát sao của TĐ, các chỉ số giá cổ phiếu PLC tăng cao, phản ánh
- Việc chuyển giao thể hệ đã giúp PLC đánh giá lại hiệu quả sử dụng toàn bộ hệ thống nguồn lực và lợi thế so sánh... hiện có của PLC, từ đó xác định vị trí của PLC thị trường, cơ hội phát triển... để lập các phương án khai thác, sử dụng và phát triển các hướng kinh doanh mang lại hiệu quả bền vững, đúng mục đích, đồng thời hạn chế rủi ro. PLC trân trọng sự ủng hộ, tạo điều kiện của PLX và các thành viên trong tổ chức kinh doanh, nhưng cũng đã thấy những điểm chưa phù hợp trong hệ thống kinh doanh của PLC để có phương án cải tiến trong thời gian tới. PLC quyết tâm tăng cường quản trị công nợ để giảm thiểu rủi ro, lành mạnh bức tranh tài chính DN. PLC đặt ra mục tiêu nghiên cứu phát triển, để PLC có những sản phẩm xứng tầm vị thế. PLC xem xét lại cơ cấu tổ chức bộ máy cũng như các tổ chức đảng, đoàn thể để cơ sở đề xuất mô hình tổ chức phù hợp với điều kiện của PLC, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức trong PLC có hỗ trợ việc quản lý, điều hành thông suốt, hiệu quả; tăng cường hiệu lực quản lý của HĐQT đối với các đơn vị,
- Việc giảm vốn PLX tại PLC: PLX là cổ đông chi phối, thời điểm giảm vốn và giảm như thế nào phải đảm bảo sự gắn kết của PLC với hệ thống PLX, và do TĐ quyết định. Theo đề án tái cấu trúc của Tập đoàn, tỷ lệ sở hữu tại PLC đã quyết định là 79,07 %, PLC đang tổ chức kinh doanh các ngành hàng trọng tâm, mang thương hiệu của PLX là ngành hàng xoay quanh trục kinh doanh chính của PLX, nên việc chi phối PLC ở mức độ như thế nào để đảm bảo hiệu quả, hình ảnh, thương hiệu của PLX cần phải có bài toán chung của TĐ. Lộ trình và mức sở hữu do TĐ quyết định, nếu có thoái vốn mà PLC vẫn kinh doanh các sản phẩm thương hiệu PLX thì, TĐ vẫn giữ quyền chi phối. HĐQT sẽ tiếp thu và báo cáo TĐ trong thời gian tới.
- Công tác tái cấu trúc, đã được cổ đông đặt ra nhiều lần hợp trước. Việc tái cấu trúc là một quá trình, không phải là thời điểm. Tái cấu trúc PLC nhằm mục tiêu để DN phát triển, ổn định, chứ không phải thay đổi mất ổn định. TCT phải giữ nguyên được cốt lõi các ngành hàng mà mục tiêu PLC hướng tới. Tái cấu trúc PLC là công việc thường xuyên, tùy thời điểm, hoàn cảnh thực tế để HĐQT lựa chọn tái cấu trúc trong lĩnh vực gì cho phù hợp.... Việc thực hiện tái cấu trúc từng phần, phù hợp nhu cầu phát triển. PLC đang tiếp tục nhiệm vụ tái cấu trúc của PLX giao cho về hệ thống tài chính, công nợ, rủi ro. Đây không phải là việc đập đi, xây mới mà là hoàn thiện, nâng cấp. Mục tiêu trọng tâm của PLC sắp tới là tập trung đầu tư tăng cường cải tiến công nghệ, để có sản phẩm thích ứng với các yêu cầu mới của thị trường. Việc tái cấu trúc là công việc thường xuyên, lâu dài và trên nhiều lĩnh vực từ tái cấu trúc tổ chức, nguồn nhân lực, quản trị, điều hành, công nghệ, vốn, sở hữu... PLC vẫn đang thực hiện công việc đó. Việc thực hiện tái cấu trúc do HĐQT thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, lan tỏa, tránh sáo trộn lớn làm đảo lộn hoạt động sxkd, ảnh hưởng đến hiệu quả và hình ảnh của PLC. Sự thay đổi phần lớn thể hệ lãnh đạo cấp cao của PLC cũng là 1 bước trong tiến trình tái cấu trúc. Thời gian đảm nhiệm chức vụ của thể hệ cán bộ mới chưa nhiều, nhưng khẳng định đã dẫn dắt tập thể PLC đoàn kết, phối hợp, hợp tác chặt chẽ để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ ĐHCĐ giao. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án dở dang mà thể hệ đi trước đang triển khai như ERP, đo lường tự động...
- Chi phí tăng cao so với 2020: Năm 2020 rất khó khăn, nhưng do giá nguyên liệu đầu vào giảm, nên có điều kiện tăng chi phí tiền lương và chi phí bán hàng để duy trì SL bán hàng. Năm 2021, dự báo còn khó khăn hơn, để đảm bảo sản lượng trong khi giá

nguyên liệu đầu vào tăng, nên PLC kỳ vọng sẽ triển khai CNTT để kiểm soát chặt chẽ chi phí 2021 và các năm tiếp theo, nên cơ cấu chi phí tạm thời vẫn tăng.

- KH 2021 SL giảm, vì giá đầu vào và giá bán DMN tăng rất cao, giá NVL bình quân tăng 70%.. tuy nhiên giá phải theo thị trường. Mục tiêu của PLC là duy trì thị phần và sản lượng, vì mất thị phần sẽ rất khó lấy lại. Để hỗ trợ, chia sẻ với KH, đặc biệt là dầu hàng hải, chỉ tăng vừa phải để chia sẻ, mặc dù giá nguyên liệu có biến động tăng gấp 3. Nhiều hãng đã thông tăng giá đợt 2 năm 2021.

**ĐHĐCĐ vinh dự được lắng nghe ý kiến tham gia của ông Phạm Đức Thắng - Tổng giám đốc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.**

- Chúc mừng ĐHĐCĐ đã thành công và thông qua các tài liệu quan trọng.
- Tiếp cận tài liệu ĐH và Báo cáo thường niên 2020 của PLC, tự hào PLC là một đơn vị thành viên của PLX, được thành lập từ 1994, là công ty đại chúng, niêm yết từ 2006. Với 15 năm niêm yết, là doanh nghiệp minh bạch thông tin đã góp phần thành công của TTCK của VN. Đây là chặng đường tự hào của PLC. Cảm ơn sự đồng hành của các cổ đông với PLX và PLC.
- Nhìn lại 1 năm hoạt động của PLC, ĐHĐCĐ giao nhiệm vụ cho HĐQT và ban điều hành, đây là năm thành công của PLC. PLX đánh giá thành công trên các mặt:
- Một là: Hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao. Có sự tăng trưởng ổn định về SL so với 2019. Khi 2020 là năm rất thách thức, KD XD lổ, nhiều DN lớn nhất trong ngành XD trên thế giới đều lổ Exxo Mobil... Trong khi đó, PLC đã có lãi và vượt KH. Chia cổ tức 15%, đã tạm ứng 10%.
- Hai là: 2020 là năm chuyển giao thế hệ lãnh đạo từ CT, TGD và các vị trí chủ chốt khác, nhưng vẫn phát huy được thế mạnh, đoàn kết để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ để thực hiện được các chỉ tiêu đề ra.
- Ba là: Tiếp tục phát huy văn hóa lấy con người làm trung tâm, góp phần ổn định đời sống cho NIĐ, mang tính tích cực dài hạn. Mỗi thành viên, vị trí khi được công nhận, sẽ phát huy tốt khả năng của từng người.
- Đây là những điểm thành công nhất của PLC trong năm 2020. Năm 2021, PLX đánh giá là năm có nhiều thuận lợi hơn 2020, đối với VN, sẽ có sự ổn định về Chính phủ, thị ổn định kinh tế, tăng trưởng đầu tư công và kéo theo các DN kinh doanh có trong lĩnh vực XD và của PLC. Có thể có nơi, có lúc kinh doanh, cạnh tranh không lành mạnh, nhưng PLC phát triển ổn định.
- PLX ủng hộ các nhiệm vụ và các nhóm giải pháp mà HĐQT PLC đã đặt ra. Tuy nhiên, trong 6 nhóm giải pháp này, thì mỗi ngành hàng cần có hướng triển khai kỹ hơn, cụ thể hơn, để điều hành, quản trị chi tiết cho phù hợp. DMN bán qua PLX nên công nợ ổn định, nên giải pháp không phải ở công nợ, mà cần trọng tâm vào phát triển thị trường. Với các ngành hàng còn lại thì chính sách cần phải khác, nhất là bán hàng cho các đơn vị đầu tư công, công nợ cần được quản lý chặt chẽ để tránh rủi ro.
- Tái cơ cấu đối với PLC, đề nghị HĐQT cần tiếp tục thực hiện đề án mà PLX đã chỉ ra. Cơ cấu về ngành hàng, vốn, quản trị. Việc tiếp tục theo cách thức nào, có mời cổ đông chiến lược nước ngoài để đối tác đồng hành... cần HĐQT PLC phân tích và sáng suốt

lựa chọn để PLC tiếp tục phát triển. PLX không muốn bán vốn của PLC, nhưng để PLC phát triển thì PLX cũng đồng thuận để tìm kiếm đối tác chiến lược. PLC đã đầu tư vốn vào công ty con quá nhiều, nên cần xem xét để tái cơ cấu vốn cho phù hợp, tìm phương án báo cáo ĐHCĐ để ổn định kinh doanh nhưng vẫn tiếp tục phát triển. Đây là mục tiêu căn cơ, dài hạn.

- Con người là công tác quyết định cho sự phát triển, PLC đã kiến toàn được nhân sự cấp cao, đề nghị tiếp tục đoàn kết, nâng cao năng lực trong điều hành kinh doanh và quản trị PLC ngày càng hiệu quả hơn, phát triển hơn, mang lại lòng tin của CĐ đối với Ban lãnh đạo, để tiến xa hơn.

## PHẦN THỨ TƯ

### BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019-2024

Ngày 08/04/2021, Hội đồng quản trị - là triệu tập ĐHCĐ thường niên 2021 nhận được Đơn xin từ nhiệm của ông Tổng Văn Hải – TV BKS kể từ hôm nay 19/04/2021. ĐHCĐ thường niên 2021, tại phiên khai mạc đã chấp thuận đơn từ nhiệm của ông Tổng Văn Hải. Để BKS có đủ thành viên hoạt động theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp, Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021 đã chuẩn bị các công việc cần thiết theo quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty liên quan đến công tác bầu cử và ĐHCĐ đã thống nhất bổ sung nội dung bầu 01 TV BKS vào chương trình ĐHCĐ.

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 được tiến hành theo thể lệ Bầu cử mà ĐHCĐ đã thống nhất thông qua. Chi tiết theo Biên bản bầu cử đính kèm. Với các nội dung chính sau:

1. **Thể lệ bầu cử bổ sung Thành viên BKS Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019-2024** (đính kèm) được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là 100%
2. **Số lượng các ứng viên được đề cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024:** (báo cáo danh sách đề cử, ứng cử đính kèm) gồm có Bà Đinh Thị Kiều Trang – do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử. Ngoài Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, không có cổ đông hay nhóm cổ đông nào đề cử. Danh sách đề cử trên được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là 100% .
3. **ĐHCĐ tiến hành bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024:**
  - ĐHCĐ đã thống nhất với đề xuất của Chủ tọa về danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử.
  - Việc bầu cử được tiến hành theo đúng thể lệ bầu cử mà ĐHCĐ đã thông qua.
  - Việc kiểm số lượng phiếu bầu cử bổ sung các thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024 được Ban kiểm phiếu bầu cử đếm trước sự chứng kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội, trước khi mang đi kiểm phiếu.
4. **Kết quả bầu cử bổ sung các thành viên BKS PLC, nhiệm kỳ 2019-2024, như sau:** (xếp theo thứ tự số phiếu được bầu từ cao xuống thấp)
  - Bà Đinh Thị Kiều Trang - được bầu 66.394.642 phiếu, tương ứng 99,65 % phiếu bầu.Theo Thể lệ bầu cử, Bà Đinh Thị Kiều Trang đã trúng cử vào BKS PLC nhiệm kỳ 2019-2024.







**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa số** 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty") tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0101463614 ngày 28 tháng 10 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 28 tháng 10 năm 2020.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch (từ ngày 25/5/2020)
		Thành viên (đến ngày 25/5/2020)
	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch (đến ngày 25/5/2020)
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên (từ ngày 25/5/2020)
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên (từ ngày 25/5/2020)
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên (đến ngày 25/5/2020)	

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/11/2020)
		Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/10/2020)
	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/10/2020)
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2020)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát
	Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát
	Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát

**Trụ sở đăng ký** Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn  
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
  
Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 38 trong báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó có trình bày vấn đề không chắc chắn trọng yếu liên quan đến các khoản nợ tiềm ẩn về thuế thu nhập doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm những điều chỉnh cho ảnh hưởng của các khoản tiềm ẩn này đối với nghĩa vụ thuế phải trả.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề trên.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00217-21-2



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2019-007-1



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>	
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>3.550.517.092.811</b>	<b>3.308.424.386.005</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>698.532.673.835</b>	<b>416.998.526.083</b>	
Tiền	111		258.532.673.835	216.998.526.083	2
Các khoản tương đương tiền	112		440.000.000.000	200.000.000.000	N
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>459.448.361.794</b>	<b>260.000.000.000</b>	III
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	459.448.361.794	260.000.000.000	P
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.302.813.513.556</b>	<b>1.568.634.391.937</b>	II
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.496.779.200.590	1.671.965.977.147	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.429.267.527	51.334.941.717	
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	15.339.650.452	20.292.054.062	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.771.284.612)	(174.958.580.989)	
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.679.599	-	
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.041.011.268.142</b>	<b>989.890.962.425</b>	
Hàng tồn kho	141		1.044.108.970.903	989.890.962.425	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.097.702.761)	-	
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>48.711.275.484</b>	<b>72.900.505.560</b>	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.603.164.681	5.043.306.870	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.695.627.267	61.191.805.006	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	3.412.483.536	6.665.393.684	

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.151.541.644.265</b>	<b>1.156.010.566.369</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.113.695.674</b>	<b>4.671.357.437</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.113.695.674	4.671.357.437
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>879.626.601.997</b>	<b>767.704.213.470</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	875.357.823.678	763.037.659.609
Nguyên giá	222		1.637.487.316.264	1.436.116.030.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(762.129.492.586)	(673.078.370.391)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.268.778.319	4.666.553.861
Nguyên giá	228		11.569.415.312	11.271.415.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.300.636.993)	(6.604.861.451)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52.164.580.380</b>	<b>187.356.203.753</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	52.164.580.380	187.356.203.753
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31.646.105.597</b>	<b>31.533.030.158</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	31.646.105.597	31.533.030.158
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>182.990.660.617</b>	<b>164.745.761.551</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	182.990.660.617	164.745.761.551
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.702.058.737.076</b>	<b>4.464.434.952.374</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này




**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.445.570.605.727</b>	<b>3.142.609.666.080</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.403.973.245.480</b>	<b>3.023.818.407.804</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.365.651.698.318	1.303.707.671.543
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.841.931.283	24.037.064.202
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	21.984.237.388	25.650.237.434
Phải trả người lao động	314		33.154.764.492	22.699.552.364
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.151.412.699	13.377.538.802
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	42.755.249.550	22.669.095.965
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.844.984.164.515	1.605.206.416.678
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	2.449.787.235	6.470.830.816
<b>Vay dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.597.360.247</b>	<b>118.791.258.276</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	8.620.200.983
Vay dài hạn	338	20(b)	39.868.546.141	108.758.449.420
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.728.814.106	1.412.607.873
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.256.488.131.349</b>	<b>1.321.825.286.294</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.256.488.131.349</b>	<b>1.321.825.286.294</b>
Vốn cổ phần	411	23	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.392.874.232)	486.759.603
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	357.760.233.042	345.201.116.411
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		21.423.191.358	21.073.673.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	66.694.671.181	143.060.827.140
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(1.785.939.430)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		66.694.671.181	144.846.766.570
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.702.058.737.076</b>	<b>4.464.434.952.374</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

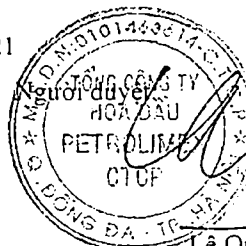
Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng




Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	5.608.434.652.325	6.160.045.784.751
Giá vốn hàng bán	11	28	4.656.912.122.834	5.319.485.353.753
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>951.522.529.491</b>	<b>840.560.430.998</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	78.025.090.629	44.108.876.437
Chi phí tài chính	22	30	118.017.780.134	137.239.836.013
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>106.168.503.455</i>	<i>127.080.101.022</i>
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		113.075.439	(12.001.121.931)
Chi phí bán hàng	25	31	528.106.657.024	468.666.924.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	204.213.715.090	105.293.152.047
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>179.322.543.311</b>	<b>161.468.272.913</b>
Thu nhập khác	31	33	14.842.792.539	27.580.737.520
Chi phí khác	32		4.217.058.220	3.687.855.448
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>10.625.734.319</b>	<b>23.892.882.072</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>189.948.277.630</b>	<b>185.361.154.985</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	41.790.313.187	38.784.385.160
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		316.206.233	1.412.607.873
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>147.841.758.210</b>	<b>145.164.161.952</b>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		147.841.758.210	145.164.161.952
			<b>Đã điều chỉnh lại</b>	
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.715	1.681

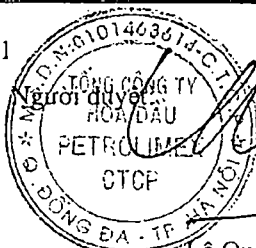


Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:

*(Signature)*

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng

Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>189.948.277.630</b>	<b>185.361.154.985</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	98.512.665.043	78.012.470.516
Các khoản dự phòng	03	61.910.406.384	846.311.060
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.865.637.647)	(1.534.925.168)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(49.215.063.271)	(34.607.940.873)
Chi phí lãi vay	06	106.168.503.455	127.080.101.022
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>405.459.151.594</b>	<b>355.157.171.542</b>
Biến động các khoản phải thu	09	209.747.026.516	335.501.668.323
Biến động hàng tồn kho	10	(54.218.008.478)	149.209.182.327
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	91.822.436.112	152.790.077.924
Biến động chi phí trả trước	12	(8.554.600.702)	(5.409.016.787)
		<b>644.256.005.042</b>	<b>987.249.083.329</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(105.588.953.032)	(127.889.306.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.355.388.877)	(50.035.793.266)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.427.330.429)	(13.143.777.918)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>481.884.332.704</b>	<b>796.180.205.767</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(54.065.806.408)	(202.290.631.138)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	645.842.997	24.558.563.798
Tiền chi mua công cụ nợ thuần	23	(199.448.361.794)	(149.190.651.775)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	51.348.582.456	26.799.459.217
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(201.519.742.749)</b>	<b>(300.123.259.898)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*



	Mã số	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.088.669.599.539	4.658.027.644.999
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.917.631.338.951)	(5.191.981.017.616)
Tiền trả cổ tức	36	(167.786.153.750)	(129.245.275.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.252.106.838</b>	<b>(663.198.648.417)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>283.616.696.793</b>	<b>(167.141.702.548)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>416.998.526.083</b>	<b>583.654.569.745</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(2.082.549.041)</b>	<b>485.658.886</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>698.532.673.835</b>	<b>416.998.526.083</b>

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viênPhương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

**(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

11/11  
HÀ

## Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (1/1/2020: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2020 và 1/1/2020 % sở hữu và % quyền biểu quyết
<b>Công ty con cấp 1</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
<b>Công ty con cấp 2</b>			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng- chăn, Lào	100%

(\*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 14.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty và các công ty con có 731 nhân viên (1/1/2020: 734 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11/11/2021

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng**

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 và Tầng 19 Tòa nhà Mitec, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(v) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí vận tải trả trước và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

**(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

15  
16  
17  
18

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

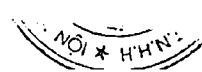
**Mẫu B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	<b>Dầu mỡ nhờn VND</b>	<b>Nhựa đường VND</b>	<b>Hóa chất VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.383.891.079.329	2.524.846.889.555	1.699.696.683.441	-	5.608.434.652.325
Doanh thu giữa các bộ phận	5.811.286.736	457.150.072	11.110.000	(6.279.546.808)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.389.702.366.065</b>	<b>2.525.304.039.627</b>	<b>1.699.707.793.441</b>	<b>(6.279.546.808)</b>	<b>5.608.434.652.325</b>
Giá vốn hàng bán	940.521.431.257	2.171.053.974.368	1.551.616.264.017	(6.279.546.808)	4.656.912.122.834
Chi phí bán hàng	208.680.806.878	227.808.994.897	91.616.855.249	-	528.106.657.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.720.908.872	107.215.438.613	18.277.367.605	-	204.213.715.090
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>161.779.219.058</b>	<b>19.225.631.749</b>	<b>38.197.306.570</b>	<b>-</b>	<b>219.202.157.377</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	17.965.282.729	59.458.427.546	15.451.859.920	(14.850.479.566)	78.025.090.629
Chi phí tài chính	8.955.503.665	55.032.048.561	53.917.152.469	113.075.439	118.017.780.134
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	113.075.439	113.075.439
Thu nhập khác	4.521.057.899	8.607.039.472	1.714.695.168	-	14.842.792.539
Chi phí khác	3.314.522.536	5.900.426	896.635.258	-	4.217.058.220
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>10.216.314.427</b>	<b>13.027.518.031</b>	<b>(37.647.232.639)</b>	<b>(14.850.479.566)</b>	<b>(29.253.879.747)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>171.995.533.485</b>	<b>32.253.149.780</b>	<b>550.073.931</b>	<b>(14.850.479.566)</b>	<b>189.948.277.630</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.038.179.122	7.320.266.128	431.867.937	-	41.790.313.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	316.206.233	-	-	316.206.233
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>137.957.354.363</b>	<b>24.616.677.419</b>	<b>118.205.994</b>	<b>(14.850.479.566)</b>	<b>147.841.758.210</b>



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	<b>Dầu mỏ nhờn VND</b>	<b>Nhựa đường VND</b>	<b>Hóa chất VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.469.011.205.459	2.251.995.752.506	2.439.038.826.786	-	6.160.045.784.751
Doanh thu giữa các bộ phận	7.356.291.302	457.150.072	11.110.000	(7.824.551.374)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.476.367.496.761</b>	<b>2.252.452.902.578</b>	<b>2.439.049.936.786</b>	<b>(7.824.551.374)</b>	<b>6.160.045.784.751</b>
Giá vốn hàng bán	1.039.912.980.353	2.020.024.556.484	2.267.372.368.290	(7.824.551.374)	5.319.485.353.753
Chi phí bán hàng	200.666.944.845	175.839.214.119	92.160.765.567	-	468.666.924.531
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.649.006.671	22.670.681.401	16.973.463.975	-	105.293.152.047
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>170.138.564.892</b>	<b>33.918.450.574</b>	<b>62.543.338.954</b>	<b>-</b>	<b>266.600.354.420</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	25.737.390.960	26.964.438.033	12.623.580.702	(21.216.533.258)	44.108.876.437
Chi phí tài chính	23.596.573.877	57.928.764.533	67.715.619.534	(12.001.121.931)	137.239.836.013
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	(12.001.121.931)	(12.001.121.931)
Thu nhập khác	24.414.348.362	2.646.058.169	520.330.989	-	27.580.737.520
Chi phí khác	3.638.079.128	36.210.774	13.565.546	-	3.687.855.448
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>22.917.086.317</b>	<b>(28.354.479.105)</b>	<b>(54.585.273.389)</b>	<b>(21.216.533.258)</b>	<b>(81.239.199.435)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>193.055.651.209</b>	<b>5.563.971.469</b>	<b>7.958.065.565</b>	<b>(21.216.533.258)</b>	<b>185.361.154.985</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.699.101.364	1.798.790.263	1.286.493.533	-	38.784.385.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.412.607.873	-	-	1.412.607.873
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>157.356.549.845</b>	<b>2.352.573.333</b>	<b>6.671.572.032</b>	<b>(21.216.533.258)</b>	<b>145.164.161.952</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	<b>Dầu mỡ nhờn VND</b>	<b>Nhựa đường VND</b>	<b>Hóa chất VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.587.710.609	649.116.613.641	6.828.349.585	-	698.532.673.835
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	459.448.361.794	-	-	459.448.361.794
Các khoản phải thu ngắn hạn	100.233.705.149	443.058.681.474	768.798.363.048	(9.277.236.115)	1.302.813.513.556
Hàng tồn kho	360.665.045.768	163.309.476.447	517.036.745.927	-	1.041.011.268.142
Tài sản ngắn hạn khác	-	23.559.797.072	25.151.478.412	-	48.711.275.484
Các khoản phải thu dài hạn	-	4.267.338.237	846.357.437	-	5.113.695.674
Tài sản cố định	304.122.582.247	376.900.950.390	198.603.069.360	-	879.626.601.997
Tài sản dở dang dài hạn	17.514.033.621	21.495.858.496	13.154.688.263	-	52.164.580.380
Đầu tư tài chính dài hạn	647.346.105.597	-	-	(615.700.000.000)	31.646.105.597
Tài sản dài hạn khác	83.087.474.725	30.121.104.177	69.782.081.715	-	182.990.660.617
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.555.556.657.716</b>	<b>2.171.278.181.728</b>	<b>1.600.201.133.747</b>	<b>(624.977.236.115)</b>	<b>4.702.058.737.076</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	318.574.845.405	1.790.120.144.611	1.304.555.491.579	(9.277.236.115)	3.403.973.245.480
Nợ dài hạn	-	1.728.814.106	39.868.546.141	-	41.597.360.247
Vốn chủ sở hữu	1.236.981.812.311	379.429.223.011	255.777.096.027	(615.700.000.000)	1.256.488.131.349
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.555.556.657.716</b>	<b>2.171.278.181.728</b>	<b>1.600.201.133.747</b>	<b>(624.977.236.115)</b>	<b>4.702.058.737.076</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>					
Chi tiêu vốn	33.968.394.329	6.310.086.659	13.787.325.420	-	54.065.806.408
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	44.193.857.077	18.097.270.681	33.401.045.050	-	95.692.172.808
Khấu hao tài sản cố định vô hình	249.073.838	6.314.583	440.387.121	-	695.775.542



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2020**

	<b>Dầu mỡ nhờn VND</b>	<b>Nhựa đường VND</b>	<b>Hóa chất VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.622.933.390	361.532.425.107	24.843.167.586	-	416.998.526.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	260.000.000.000	-	-	260.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	123.480.765.977	764.994.867.163	683.279.254.464	(3.120.495.667)	1.568.634.391.937
Hàng tồn kho	364.462.278.838	198.360.044.356	427.068.639.231	-	989.890.962.425
Tài sản ngắn hạn khác	1.034.603.293	36.643.347.740	35.222.554.527	-	72.900.505.560
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	846.357.437	-	4.671.357.437
Tài sản cố định	270.435.178.251	286.709.325.192	210.559.710.027	-	767.704.213.470
Tài sản dở dang dài hạn	51.357.231.938	122.547.385.913	13.451.585.902	-	187.356.203.753
Đầu tư tài chính dài hạn	647.233.030.158	-	-	(615.700.000.000)	31.533.030.158
Tài sản dài hạn khác	71.795.036.694	21.824.959.216	71.125.765.641	-	164.745.761.551
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.560.421.058.539</b>	<b>2.056.437.354.687</b>	<b>1.466.397.034.815</b>	<b>(618.820.495.667)</b>	<b>4.464.434.952.374</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	251.474.069.747	1.620.989.603.415	1.154.475.230.309	(3.120.495.667)	3.023.818.407.804
Nợ dài hạn	-	68.955.571.845	49.835.686.431	-	118.791.258.276
Vốn chủ sở hữu	1.308.946.988.792	366.492.179.427	262.086.118.075	(615.700.000.000)	1.321.825.286.294
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.560.421.058.539</b>	<b>2.056.437.354.687</b>	<b>1.466.397.034.815</b>	<b>(618.820.495.667)</b>	<b>4.464.434.952.374</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
Chi tiêu vốn	96.967.446.260	85.666.762.310	19.656.422.568	-	202.290.631.138
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	30.025.409.175	28.490.065.576	16.487.319.808	-	75.002.794.559
Khấu hao tài sản cố định vô hình	290.689.344	417.953.468	-	-	708.642.812



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	43.089.323.928	40.408.901.531
<b>Các bên khác</b>		
▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Song Anh	112.791.232.775	50.094.000
▪ Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Việt Quang Phát	92.168.381.288	94.613.776.620
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	87.528.814.795	119.802.577.290
▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Anh Phát	82.550.019.609	152.661.422.691
▪ Công ty TNHH Thương mại Hà Anh Phát	75.275.929.890	605.902.000
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	72.638.298.996	46.168.659.607
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Anh Huy	41.168.548.940	61.669.709.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành	7.237.902.167	50.059.371.586
▪ Các khách hàng khác	882.330.748.202	1.105.925.562.822
	<b>1.453.689.876.662</b>	<b>1.631.557.075.616</b>
	<b>1.496.779.200.590</b>	<b>1.671.965.977.147</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	-	723.597.078
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	9.207.870.074	10.836.599.067
Lãi tiền gửi dự thu	1.162.261.109	2.982.506.849
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.969.519.269	5.749.351.068
	<b>15.339.650.452</b>	<b>20.292.054.062</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.825.000.000	3.825.000.000
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	846.357.437	846.357.437
Đặt cọc thuê văn phòng	442.338.237	-
	5.113.695.674	4.671.357.437

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

31/12/2020	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	66.937.697.015	(18.960.825.223)	47.976.871.792
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	56.288.680.822	(25.765.434.994)	30.523.245.828
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	42.601.427.348	(29.820.737.765)	12.780.689.583
▪ Từ 3 năm trở lên	159.224.286.630	(159.224.286.630)	-
	325.052.091.815	(233.771.284.612)	91.280.807.203

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (233.771.284.612)

1/1/2020	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	108.388.925.512	(1.396.547.407)	106.992.378.105
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	76.382.473.084	(13.542.160.310)	62.840.312.774
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	17.968.902.279	(7.298.210.455)	10.670.691.824
▪ Từ 3 năm trở lên	160.934.352.816	(152.721.662.817)	8.212.689.999
	363.674.653.691	(174.958.580.989)	188.716.072.702

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.958.580.989)

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	209.994.916.494	-	129.797.440.156	-
Nguyên vật liệu	199.414.515.151	-	228.208.252.279	-
Công cụ và dụng cụ	13.016.631.308	-	15.182.830.108	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.909.213.639	-	29.765.402.341	-
Thành phẩm	231.915.902.821	410.263.300	159.528.817.161	-
Hàng hóa	373.857.791.490	2.687.439.461	427.408.220.380	-
	<b>1.044.108.970.903</b>	<b>3.097.702.761</b>	<b>989.890.962.425</b>	<b>-</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 3.112 triệu VND hàng thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2020: không có).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

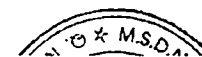
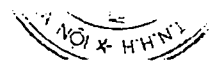
**Mẫu B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	744.157.132.774	461.758.724.498	200.586.275.977	29.613.896.751	1.436.116.030.000
Tăng trong năm	11.765.110.625	11.972.270.057	3.751.375.169	2.957.707.638	30.446.463.489
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	107.671.357.336	57.492.446.615	9.440.231.815	88.225.000	174.692.260.766
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	1.322.529.162	3.285.871.780	-	-	4.608.400.942
Thanh lý	(144.000.000)	(2.235.847.013)	(2.640.995.649)	(636.275.455)	(5.657.118.117)
Xóa sổ	(2.718.720.816)	-	-	-	(2.718.720.816)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>862.053.409.081</b>	<b>532.273.465.937</b>	<b>211.136.887.312</b>	<b>32.023.553.934</b>	<b>1.637.487.316.264</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	283.099.015.888	235.345.672.954	132.171.637.099	22.462.044.450	673.078.370.391
Khấu hao trong năm	46.169.076.184	34.644.776.990	12.133.062.852	2.745.256.782	95.692.172.808
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	165.316.145	497.280.294	-	-	662.596.439
Thanh lý	(98.133.100)	(2.235.847.013)	(2.640.995.649)	(636.275.455)	(5.611.251.217)
Xóa sổ	(1.692.395.835)	-	-	-	(1.692.395.835)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>327.642.879.282</b>	<b>268.251.883.225</b>	<b>141.663.704.302</b>	<b>24.571.025.777</b>	<b>762.129.492.586</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	461.058.116.886	226.413.051.544	68.414.638.878	7.151.852.301	763.037.659.609
Số dư cuối năm	534.410.529.799	264.021.582.712	69.473.183.010	7.452.528.157	875.357.823.678

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 268.945 triệu VND (1/1/2020: 254.970 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	11.271.415.312
Tăng trong năm	298.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.569.415.312
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.604.861.451
Khấu hao trong năm	695.775.542
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.300.636.993
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.666.553.861
Số dư cuối năm	4.268.778.319
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2020: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	187.356.203.753	161.622.078.712
Tăng trong năm	53.522.388.618	146.585.925.664
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(174.692.260.766)	(120.771.261.521)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.320.677.371)	(77.539.102)
Giảm khác	(1.701.073.854)	(3.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.164.580.380</b>	<b>187.356.203.753</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
<b>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</b>		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	1.496.667.824	23.191.357.171
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	-	18.075.697.277
Công trình xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Trà Nóc	2.901.292.566	21.100.000
Tài sản chờ lắp đặt	5.145.000.000	1.278.177.813
Các công trình khác	7.971.073.231	8.790.899.677
	<b>17.514.033.621</b>	<b>51.357.231.938</b>
<b>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</b>		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	2.233.225.499	105.023.650.860
Các dự án khác	19.262.632.997	17.523.735.053
	<b>21.495.858.496</b>	<b>122.547.385.913</b>
<b>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</b>		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	12.390.401.113	12.687.298.752
Các dự án khác	764.287.150	764.287.150
	<b>13.154.688.263</b>	<b>13.451.585.902</b>
	<b>52.164.580.380</b>	<b>187.356.203.753</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ 12.390 triệu VND (1/1/2020: 117.711 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 20(b)).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Địa chỉ	31/12/2020			1/1/2020		
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
<i>Công ty liên kết</i>							
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	31.646.105.597	6.600.000	43,78%	31.533.030.158

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	31.533.030.158	43.534.152.089
Phân lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	113.075.439	(12.001.121.931)
Số dư cuối năm	31.646.105.597	31.533.030.158

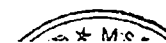
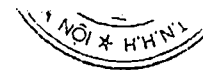
**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	60.568.288.031	65.354.551.994	12.159.364.331	12.998.566.165	13.664.991.030	164.745.761.551
Tăng trong năm	-	-	8.504.818.078	24.464.595.610	14.716.001.388	47.685.415.076
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.746.880.924	3.823.469.723	5.750.326.724	12.320.677.371
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(3.945.804.503)	-	(3.945.804.503)
Phân bổ trong năm	(1.560.713.101)	(564.003.592)	(8.682.949.857)	(13.436.740.933)	(13.570.981.395)	(37.815.388.878)
Số dư cuối năm	59.007.574.930	64.790.548.402	14.728.113.476	23.904.086.062	20.560.337.747	182.990.660.617

(\*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 20(b)).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	89.804.848.721	985.524.163.548
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	8.237.807.997	15.721.899.712
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	1.777.458.790	1.681.816.007
	99.820.115.508	1.002.927.879.267
<b>Các bên khác</b>		
▪ Hiiin Asia Pacific Pte. Ltd.	157.412.344.656	-
▪ Petrochem Middle East Fze	76.153.526.060	-
▪ Petronas Chemical Marketing	62.341.119.219	56.188.792.718
▪ ITOCHU Singapore Pte. Ltd.	53.335.580.562	-
▪ Fortrec Chemicals and Petroleum Pte., Ltd.	-	33.390.919.088
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	46.055.889.427	46.874.053.554
▪ ELF Lubrifiants Paris	2.962.906.306	13.867.147.306
▪ Sumitomo Corporation Asia Ptd.	15.114.202.127	-
▪ OCI Corporation	14.072.672.296	-
▪ Yip's Industrial Holdings Limited	40.229.092.191	-
▪ Sinopec Chemical Commercial Hong Kong	35.729.689.966	-
▪ Sumitomo Chemical Asia Pte. Ltd.	32.022.147.909	-
▪ PT Posco International Indones	22.025.883.127	-
▪ Kempar Energy Pte. Ltd.	34.804.098.166	-
▪ LC Upas (*)	633.502.384.856	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	-	43.211.518.921
▪ Các nhà cung cấp khác	40.070.045.942	107.247.360.689
	1.265.831.582.810	300.779.792.276
	1.365.651.698.318	1.303.707.671.543

(\*) Đây là các khoản phải trả nhà cung cấp đã được các ngân hàng thanh toán hộ dưới hình thức LC Upas. Tổng Công ty sẽ phải thanh toán lại cho ngân hàng trong vòng từ 3 đến 11 tháng kể từ ngày ngân hàng thanh toán hộ và chịu chi phí LC Upas theo quy định của ngân hàng.

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020		Số phát sinh trong năm			31/12/2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.554.295.794	1.322.668.987.206	(487.168.069.803)	(838.056.478.532)	-	7.998.734.665
Thuế nhập khẩu	-	-	23.654.479.020	(23.654.479.020)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.444.563.274	8.796.769.738	41.790.313.187	(41.355.388.877)	-	3.246.321.265	6.033.452.039
Thuế bảo vệ môi trường	-	4.322.625.332	55.465.571.960	(54.257.523.240)	-	-	5.530.674.052
Thuế thu nhập cá nhân	55.984.016	1.974.781.428	8.362.644.997	(7.863.129.280)	-	1.317.271	2.419.630.400
Thuế khác	164.846.394	1.765.142	2.126.193.068	(2.126.210.584)	-	164.845.000	1.746.232
	6.665.393.684	25.650.237.434	1.454.068.189.438	(616.424.800.804)	(838.056.478.532)	3.412.483.536	21.984.237.388

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	9.005.599.756	9.117.538.802
Chi phí lãi vay phải trả	579.550.423	-
Chi phí phải trả về xây dựng cơ bản và chi phí phải trả khác	5.566.262.520	4.260.000.000
	15.151.412.699	13.377.538.802

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải trả cổ tức	35.797.583.550	1.589.822.300
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.239.404.631	3.280.780.703
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	-	15.000.000.000
Các khoản phải trả khác	4.718.261.369	2.798.492.962
	42.755.249.550	22.669.095.965

(\*) Đây là khoản tiền Tổng công ty nhận từ Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/PLC-NHO ngày 5 tháng 2 năm 2016 giữa Tổng công ty với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia liên quan đến dự án xây dựng tại khu đất 152 Nguyễn Khoái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tổ chức nhà Quốc gia và hoàn trả khoản tiền đảm bảo trên.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	31/12/2020
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.573.871.011.576	4.088.669.599.539	(3.827.373.170.860)	(150.416.030)	1.835.017.024.225
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	31.335.405.102	68.889.903.279	(90.258.168.091)	-	9.967.140.290
	<b>1.605.206.416.678</b>	<b>4.157.559.502.818</b>	<b>(3.917.631.338.951)</b>	<b>(150.416.030)</b>	<b>1.844.984.164.515</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,8 - 4,0	264.681.561.260	462.892.874.283
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,7	-	37.886.634.703
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,0 - 5,4	60.237.669.970	5.198.628.469
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (*)	VND	3,0 - 5,8	118.038.444.932	191.151.467.051
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	4,0 - 5,2	125.346.467.009	20.165.674.632
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,6 - 6,3	615.422.533.268	440.908.690.508
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	2,5	50.460.256.941	32.691.986.687
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	VND	6,5	-	1.994.400.717
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	USD	3,0 - 5,0	117.424.428.752	230.581.786.373
Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas (*)	VND	3,0 - 5,6	151.112.528.094	122.208.104.761
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	VND	4,0 - 7,4	332.293.133.999	28.190.763.392
			<b>1.835.017.024.225</b>	<b>1.573.871.011.576</b>

(\*) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC và các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng BNP Paribas của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con, được bảo lãnh bởi công ty mẹ là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP.

Các khoản vay còn lại không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>					
Khoản vay 1	VND	8,5 - 10,8	2025	18.500.000.000	22.200.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5 - 10,8	2025	6.933.330.000	8.319.998.000
Khoản vay 3	VND	8,5 - 10,8	2025	1.038.904.630	1.246.685.556
Khoản vay 4	VND	8,5 - 10,8	2025	1.143.821.282	1.372.585.538
Khoản vay 5	VND	8,5 - 10,8	2025	2.881.080.665	3.457.296.799
Khoản vay 6	VND	8,5 - 10,8	2025	1.220.734.289	1.464.882.289
Khoản vay 7	VND	8,5 - 10,8	2025	4.198.600.000	5.038.320.000
Khoản vay 8	VND	8,5 - 10,8	2025	1.680.630.700	2.016.756.700
Khoản vay 9	VND	8,5 - 10,8	2025	7.097.784.865	8.517.341.839
Khoản vay 10	VND	10,1 - 10,8	2025	5.140.800.000	6.168.960.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>	VND	Lãi suất thả nổi	2023	-	56.631.027.801
<i>Ngân hàng Công Thương Việt Nam</i>	VND	8,9	2022	-	23.660.000.000
				49.835.686.431	140.093.854.522
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)				(9.967.140.290)	(31.335.405.102)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				39.868.546.141	108.758.449.420

Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, được đảm bảo bằng toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi – Hóa chất Petrolimex Đình Vũ (Thuyết minh 13) và quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh 15).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.470.830.816	3.650.114.962
Trích lập trong năm	9.305.361.508	15.964.493.772
Tăng khác	2.100.925.340	-
Sử dụng trong năm	(15.427.330.429)	(13.143.777.918)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.449.787.235</b>	<b>6.470.830.816</b>

==  
11  
...  
ĐA  
NH  
P  
...  
LIẾ  
==



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2019</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(75.378.983)	338.290.620.318	20.463.604.691	150.667.802.547	1.321.349.558.573
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	145.164.161.952	145.164.161.952
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(15.964.493.772)	(15.964.493.772)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	6.910.496.093	-	(6.910.496.093)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(129.276.105.600)	(129.276.105.600)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	562.138.586	-	-	-	562.138.586
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	610.068.449	(620.041.894)	(9.973.445)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	486.759.603	345.201.116.411	21.073.673.140	143.060.827.140	1.321.825.286.294
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	147.841.758.210	147.841.758.210
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(9.305.361.508)	(9.305.361.508)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	12.559.116.631	-	(12.559.116.631)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	-	-	(201.993.915.000)	(201.993.915.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(1.879.633.835)	-	-	-	(1.879.633.835)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	349.518.218	(349.521.030)	(2.812)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(1.392.874.232)	357.760.233.042	21.423.191.358	66.694.671.181	1.256.488.131.349



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	114.050.378.538	54.760.112.188

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	1.442.399	33.237.572.729	1.000.932	23.092.482.039
Euro (“EUR”)	508	14.191.862	519	13.990.376
Lao Kips (“LAK”)	14.766.311.754	35.866.679.024	5.947.685.263	15.463.981.684
Cambodia Riel (“KHR”)	-	-	2.650	15.079
		<u>69.118.443.615</u>		<u>38.570.469.178</u>

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu Công ty Giày Cần Thơ	Không thu hồi được	2019	146.141.290	146.141.290
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghiệp nặng Cửu Long	Không thu hồi được	2019	118.833.600	118.833.600
Phải thu Công ty TNHH Vĩnh Hoàng	Không thu hồi được	2019	479.974.413	479.974.413
Phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải tàu Cao tốc Bắc Nam	Không thu hồi được	2019	559.814.300	559.814.300
Công ty TNHH Thương mại Phúc Long Thịnh	Không thu hồi được	2020	569.832.800	-
Công ty TNHH Quốc Vương	Không thu hồi được	2020	595.727.405	-
Phải thu các công ty khác	Không thu hồi được	2020	4.343.383.970	-
			<u>6.813.707.778</u>	<u>1.304.763.603</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	151.169.000.000	133.198.000.000

**27. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Bán dầu mỡ nhờn	1.350.524.785.460	1.433.908.599.433
Bán nhựa đường	2.525.304.039.627	2.247.835.136.649
Bán hóa chất, dung môi	1.699.707.793.441	2.439.049.936.786
Bán hàng hóa khác	32.898.033.797	39.252.111.883
Doanh thu thuần	5.608.434.652.325	6.160.045.784.751

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Giá vốn dầu mỡ nhờn	899.020.316.093	997.926.102.080
Giá vốn nhựa đường	2.171.053.974.368	2.020.024.556.484
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.551.616.264.017	2.267.372.368.290
Giá vốn hàng hóa khác	32.123.865.595	34.162.326.899
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.097.702.761	-
	4.656.912.122.834	5.319.485.353.753

2  
V  
N  
H  
P  
L  
E

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	49.528.336.716	25.285.185.491
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.619.076.901	10.930.047.845
Lãi hàng bán trả chậm	8.877.677.012	7.893.643.101
	<hr/>	<hr/>
	78.025.090.629	44.108.876.437
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	106.168.503.455	127.080.101.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.626.731.297	7.468.951.020
Chi phí tài chính khác	1.222.545.382	2.690.783.971
	<hr/>	<hr/>
	118.017.780.134	137.239.836.013
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	77.022.937.338	73.421.598.503
Chi phí vận chuyển	116.666.092.107	94.443.255.429
Chi phí hỗ trợ bán hàng	88.757.738.825	69.291.314.082
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	65.067.388.654	71.954.970.249
Chi phí sửa chữa	8.131.930.173	6.852.472.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.797.871.826	42.059.846.893
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	19.217.476.614	24.187.298.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.951.680.169	34.738.361.259
Chi phí bán hàng khác	64.493.541.318	51.717.807.154
	<hr/>	<hr/>
	528.106.657.024	468.666.924.531
	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	71.214.737.322	54.650.173.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.835.613.973	4.244.419.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.907.495.703	11.647.287.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	46.934.220.294	33.904.960.010
Dự phòng phải thu khó đòi	64.321.647.798	846.311.060
	<b>204.213.715.090</b>	<b>105.293.152.047</b>

**33. Thu nhập khác**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	516.115.724	21.323.877.313
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	7.911.803.805	2.306.112.341
Các khoản khác	6.414.873.010	3.950.747.866
	<b>14.842.792.539</b>	<b>27.580.737.520</b>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.054.205.005.190	920.725.189.527
Chi phí nhân viên	187.952.950.570	167.976.660.651
Chi phí khấu hao và phân bổ	98.512.665.043	78.012.470.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.891.675.530	172.134.086.491
Chi phí khác	349.768.553.895	261.693.087.070



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020 VND	2019 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	41.447.703.040	38.784.385.160
Dự phòng thiếu trong những năm trước	342.610.147	-
	<u>41.790.313.187</u>	<u>38.784.385.160</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	316.206.233	1.412.607.873
Chi phí thuế thu nhập	<u>42.106.519.420</u>	<u>40.196.993.033</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	189.948.277.630	185.361.154.985
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	37.989.655.526	37.072.230.997
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	493.447.695	609.808.163
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.734.579.795	1.425.707.180
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	317.292.751	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(323.361.180)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	342.610.147	-
Các khoản khác	228.933.506	1.412.607.873
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>42.106.519.420</u>	<u>40.196.993.033</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào, công ty con cấp 2, có mức thuế suất 24%.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân.

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	147.841.758.210	145.164.161.952
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(9.305.361.508)	(9.305.361.508)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	138.536.396.702	135.858.800.444
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (cổ phiếu)	80.797.566	80.797.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.715	1.681

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số đã trích cho năm 2019.

**(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019. Theo đó, Tổng công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 9.305.361.508 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2019 (điều chỉnh lại)	2019 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.681	1.599



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ</i>		
Cổ tức	159.723.975.000	102.222.814.400
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
Mua hàng hóa	763.623.693.186	1.460.382.248.552
<i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i>		
Bán hàng hóa	1.117.028.041.190	1.248.993.383.132
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	66.699.974.762	85.256.056.040
Mua sắm tài sản cố định	-	16.383.784.900
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	15.415.125.386	18.337.541.400
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>		
Các khoản vay	482.819.413.574	299.343.444.717
Trả nợ vay	188.684.183.257	343.100.572.107
Lãi vay	14.257.404.510	16.733.498.694
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i>		
Bán hàng hóa	172.739.000	458.910.160
Mua dịch vụ	16.343.113.689	17.437.702.431
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.047.071.000	1.516.645.978
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	920.841.000	1.294.524.745
<b>Phó Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	799.366.000	1.357.463.723
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 1</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	689.684.000	804.346.615
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 2</b>		
Tiền lương, thù lao và thưởng	585.231.000	613.471.994

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 3</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	548.517.000	1.294.524.745
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 4</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	228.956.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 5</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	145.012.833	160.851.667
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 6</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	145.012.833	160.851.667
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 7</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	95.933.833	143.195.417
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 8</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	49.079.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị 9</b> Tiền lương, thù lao và thưởng	-	92.051.667

110 /  
 HA  
 142

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các khoản tiềm ẩn**

Theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (“Nghị định 132”) quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 và được áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020, tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế. Các quy định này được áp dụng hồi tố đối với năm tính thuế TNDN năm 2017, 2018 và 2019.

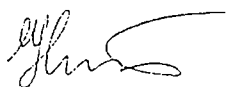
Trong năm và trong các năm 2017, 2018 và 2019, các công ty con của Tổng công ty có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 132 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Theo diễn giải của Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp công ty con này không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại các công ty con của Tổng công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn trọng yếu. Do vậy, Ban Giám đốc công ty con không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ, ước tính cho các năm 2017, 2018, 2019 và 2020 lần lượt là 5.152 triệu VND, 7.204 triệu VND, 10.120 triệu VND và 4.156 triệu VND khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã không điều chỉnh ảnh hưởng của các khoản chi phí lãi vay có khả năng không được trừ này trong báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp các khoản lãi vay này không được cơ quan thuế chấp nhận, công ty con có thể phải nộp bổ sung các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng cho từng năm là 5.152 triệu VND, 7.204 triệu VND, 10.120 triệu VND và 4.156 triệu VND và có thể phát sinh các khoản phạt chậm nộp thuế.

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập:

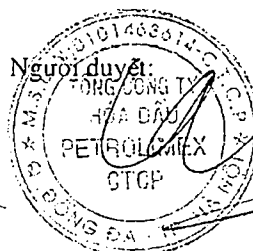


Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn  
Tổng Giám đốc